

PHỒ THÔNG

TẠP-CHÍ

COPY RIGHTS IN THE U.S.A. BY THE VIETNAM
 PHOTO SERVICE COMPANY, SAN FRANCISCO, CALIF.

Giám-Đốc, Chủ-Bút : NGUYỄN-VỸ

Tòa-soạn : 283 Đường Gia-Long — Saigon — Đ. T. Saigon 307

SỐ MỚI SỐ 33 — 1-3-1966

1.— <i>Bạn đọc viết</i>	P. T.	4—9
2.— <i>Thông điệp của Phật và trái bom</i> <i>nguyên-tử</i>	G. s. Zutshi	10—13
3.— <i>Nhà sư Đô-Pháp giả làm lái dò</i>	Mạnh Tường	14—16
4.— <i>Ý nghĩa lá cờ Phật</i>	Tân Sơn	17
5.— <i>Tung tích mơ hồ (thơ)</i>	Bà Tương Phó	18—19
6.— <i>Văn-sĩ của chính quyền và văn sĩ</i> <i>của nhân dân</i>	Pal Jonas	20—24
7.— <i>Em vẫn chờ anh</i>	Vũ Đình	25—29
8.— <i>Bằng cấp tú tài (chuyện vui)</i>	Nguyễn Huân	30—31
9.— <i>Những áng thơ hay</i>	Thăm Thệ Hà	32—36
10.— <i>Đệ nhị chiến tranh trên Thị trường V.N</i>	Phượng Hải	37—41
11.— <i>Nagasena ngy biện hay không?</i>	Thăm Thệ Hà	42—45
12.— <i>Văn sĩ thi-sĩ tiền chiến</i>	Nguyễn Vỹ	46—50

13.— <i>Những cuộc tình duyên say mê của</i> <i>Alexandre Dumas</i>	Tân Phong	51—58
14.— <i>Người thơ xuất hiện</i>	Mặc Thu	57—59
15.— <i>Những người đàn bà lừng danh</i> <i>thế giới (Cléopâtre)</i>	Tân Phong	60—65
16.— <i>Minh ơi!</i>	Diệu Huyền	66—77
17.— <i>Một bài thơ Nga Xô</i>	Kirsanov	78—79
18.— <i>Cô gái điên</i>	Vi Huyền Đắc	80—84
19.— <i>Hoàng tử Siddharta (thơ)</i>	Nguyễn Vỹ và Đặng công Thắng	85—88
20.— <i>Vợ hăn (truyện vui)</i>	Nguyễn khắc Thiệu	89—97
21.— <i>Thơ Lên ruột</i>	Diệu Huyền	98—99
22.— <i>Chuyện cà kê</i>	Trọng Tấn	100—102
23.— <i>Kiên trình</i>	Vân Nga	103—109
24.— <i>Sách báo mới</i>	P. T.	110—112
25.— <i>Xuất thế (thơ)</i>	Cầm Thủy	113
26.— <i>4.000 năm ca dao</i>	Ba Tèo	114—116
27.— <i>Hoạt họa</i>	Gyao	117
28.— <i>Đáp bạn bốn phương</i>	Bạch Yến và Diệu Huyền	118—130

Sắp xếp bài, trình-bày, bìa và nội dung, cho màu . . . Cô Diệu-Huyền
 ✱ Bản kèm Nguyễn-Vân-Dầu
 ✱ Bìa Offset Vạn Quốc

☉ Các Sách Báo Việt-ngữ ở trong nước được tự-liên-trích đăng những bài trong tạp-chí PHỒ THÔNG nhưng yêu-cầu để rõ xuất-xứ và Trích Tạp-chí PHỒ THÔNG và đừng viết tắt.

● Cấm trích, dịch, phỏng, đăng vào sách báo Ngoại-quốc mà không xin phép.
 ● Tous droits de traduction, d'adaptation, et de reproduction même partielle, réservés pour tous pays.
 Copyright by PHO-THONG, printed in Việt-Nam

Thông-diệp của Phật gởi cho Thế giới mới

★ Giáo-sư C. N. ZUTSHI

(Đại học đường New Delhi, Ấn-Độ)



«Humanity has to choose in the final analysis, between the Message of the Buddha and the Hydrogen Bomb »

NEHRU

(Rời rứt cuộc nhân loại cũng sẽ phải lựa chọn hoặc là giáo-lý của Đức Phật hoặc là trái Bom khinh khí.)

Ở kỷ - nguyên mà mỗi ngày khoa-học rèn-đúc thêm cho nhân-loại những khí-giói tối-tân để sát-hại lẫn nhau một cách bạo-tàn kinh khủng, ta càng thấy thông-diệp của đức Phật kêu gọi lòng từ-bi, bác-ái, rất cần thiết cho loài người hơn bao giờ hết.

Trái tim của Thế-giới ngày nay đã bị xé nát rồi. Nó cần phải có một hương ướp êm-dịu để hàn lại những vết thương của loài người. Hương ướp đó là gì ? Tìm nó ở đâu ? — Chỉ

tìm nó ở trong lời Phật dạy từ muôn đời muôn thuở, ở trong ánh sáng trí-huệ của đức Gautama chí đại quang-minh. Từ hơn hai ngàn năm trăm năm nay, nó đã phá tan được bóng tối trong muôn ức triệu lòng người.

Ngày nay, ở thời đại nguyên tử mà các quốc-gia đang sắp chìm đắm trong một cuộc phiêu lưu tối tăm mù-mịt, lời thông-diệp của Phật càng có ý-nghĩa thiêng-liêng.

Văn-minh tân-tiến, với tất cả những phát-minh khoa-học của nó, hầu như sắp bị phá sản rồi. Nó đưa các nước háo chiến mỗi ngày mỗi rút xuống cái hố sâu vật-chất, và khinh giá-trị tinh-thần, — giá-trị chân-chính và duy-nhất có thể cứu được đời sống và tinh-thần của các dân-tộc. Thay vì có ý-chí hợp-tác với nhau, kết tinh nhân loại với nhau, họ chỉ chú-trương xâu-xé và tra nh-giành. Tình thế hỗn-loạn ấy lại càng bị các lý thuyết khiêu-chiến làm cho càng thẳng mãi, để kết-cuộc là sự cạnh tranh sinh-tồn (The struggle for existence) làm mất hẳn ý-nghĩ « sống và để người khác sống như mình ».

Chỉ có giáo-lý tốt đẹp và bất diệt của Đức Phật là

THÔNG điệp CỦA PHẬT

còn có thể kéo loài người ra khỏi dã-man và hỗn-loạn, khỏi xâu-xé, nghi-ky, hiềm-khích và sợ-sệt. Chỉ có lời kêu gọi từ ngàn xưa, và còn vang khắp Trái Đất mãi mãi, của Phật, kêu gọi lòng nhân-từ, bất bạo-động, (ahimsa), lòng từ-bi bác-nhã của con người mới giải quyết được muôn ngàn vấn-đề đang gay cấn ngày nay, và cứu vớt nhân-loại trong tinh-thần thông-cảm cùng nhau và thiện-chí tốt đẹp.

Triết-lý của Phật là : «mọi vật đều vô thường» (All things are impermanent) : hỏi ai chối cãi được ý-tưởng đó? Nếu các nước Âu-Tây đã hiểu được lời nói của Phật như trên kia thì họ đâu còn gây ra hai cuộc Thế-giới Đại-chiến 1914 và 1939, và, than ôi, họ đâu còn sửa soạn gây ra một cuộc Đại-chiến thứ ba để cho loài người sẽ bị tiêu-diệt hoàn-toàn? Từ xưa đến nay, có để quốc nào được vững-bền lâu không? Có cuộc xâm chiếm nào được trường-cửu không? Và có cuộc chiến-thắng nào đem lợi gì cho nhân-loại không?

Đây, chúng ta, các dân tộc

A-Đông theo Phật-giáo, chỉ muốn hỏi các cường quốc háo-chiến tự-hào là «Văn-minh» mấy câu hỏi trên kia.

Thi-sĩ Emerson có trả lời mấy câu hỏi đó, một cách đau xót, trong bài thơ « A Nation's Strength » :

*Is it the Sword? Ask the red dust
Of empires passed away :*

*The blood has turned their stones
to rust,*

Their glory to decay! (1)



Xin các bạn nghe câu chuyện sau đây của Phật nói với một người lái buôn mới theo đạo Từ-Bi.

PHẬT : Những người ở

(1) Chúng tôi xin tạm dịch bốn câu thơ trên :

*Gươm là cái gì? Lớp bụi đỏ
Của các đế quốc đã suy tàn, hỏi
thế.*

*Máu đã phủ một lớp rỉ bần trên
các tảng đá của chúng,
Và làm tàn rụi nếp vinh quang của
chúng.*

THÔNG điệp CỦA PHẬT

Sarnaparanta thật là háo thắng quá chừng. Nếu họ mắng chửi người, người sẽ làm sao?

LÁI BUÔN : Bạch Phật, con sẽ không trả lời lại họ.

PHẬT : Nếu họ đánh người, người sẽ làm sao?

LÁI BUÔN : Bạch Phật, con sẽ không đánh lại họ.

PHẬT : Nếu họ giết người chết?

LÁI BUÔN : Bạch Phật, chết không phải là điều dữ. Biết bao nhiêu người muốn được thoát khỏi cuộc đời phù hư.

Câu chuyện đó không phải tỏ rằng Phật chủ-trương sự chết là giải-thoát, nhưng nó bao hàm ý nghĩa cao siêu hơn, nghĩa là Phật muốn dạy rằng : hạnh phúc chân-chính ở đời không phải là tìm những thắng lợi trong việc chiếm lấy những của cải vật chất, mà thắng lợi trong tinh-thần, đạo-lý.

Bây giờ muốn hiểu lý-tưởng chiến-đấu của Phật, lại xin các bạn nghe câu chuyện sau đây giữa Phật và các đệ tử của Người :

ĐỆ TỬ : Bạch Phật, Người dạy rằng chúng con là Chiến-sĩ. Chúng con là chiến-sĩ như thế nào?

PHẬT : Chúng ta đang chiến đấu. Hỏi các đệ-tử ! Vì vậy mà

chúng ta là chiến-sĩ.

ĐỆ-TỬ : Bạch Phật, chúng con là chiến-sĩ, thì đánh giặc nơi nào?

PHẬT : Hỏi các đệ-tử ! Chúng ta là chiến-sĩ, để chiến đấu cho Đạo-đức cao-siêu, cho Từ-bi Bác-ái, cho phá tan mê lầm, cho dẹp hết tham, sân, si. Hỏi các đệ-tử ! Chúng ta chiến đấu như vậy cho nên chúng ta là chiến sĩ.

(ANGUTTURA NIKAYA)

Ngày nay, chúng ta hiểu lời Phật dạy : chúng ta là chiến-sĩ của Đạo-đức, của Hòa-bình Nhân-loại. Vậy thì như lời NEHRU đã nói, loài người chỉ còn hai con đường đi mà thôi : một là con đường của Trái Bom khinh-khí, do khoa-học đã vạch ra, đi đến tiêu diệt loài người, hai là con đường của Ahimsa bất bạo động, do Đức Phật Gautama đã chỉ cho ta đi đến giải phóng loài người.

Phải chọn trong hai con đường ấy, himsa là tiêu diệt, ahimsa là trường tồn vĩnh viễn.

Phải xây dựng một thế giới mới, với những bức tường của Từ-bi Bác-ái, Nhân-Đạo. Thế-giới ấy sẽ được ánh sáng màu-nhiệm của ahimsa chiếu rọi rõ muôn kiếp muôn đời, bất diệt !

Nhà sư Đỗ-Pháp

Giả làm lái đò, để tiếp

Đại sứ Trung Hoa

* MẠNH - TƯỜNG T. K.

NĂM 986, thời vua Lê-đại-Hành (nhà Tiền-Lê), nhà Tống bên Trung-quốc sai sứ là Lý-Giác sang viếng nước ta. Vua Lê-đại-Hành bèn nhờ Sư Đỗ-pháp-Thuận giả làm chú lái đò để đi rước Sứ Tàu. Trước khi thuật giai-thoại văn-chương của Sư-thần Lý-Giác và Sư Đỗ-pháp-Thuận, chúng tôi xin nói sơ về tiểu-sử Sư Thuận.

Sinh năm 914 (sau J. C.), nhà Sư họ Đỗ tên là Pháp-Thuận. Quê quán của ngài ở đâu không rõ, chỉ biết ngài xuất gia khi còn

nhỏ thọ giáo với Long-Trì Thiên-Sư. Khi nhà Tiền Lê mới dựng nghiệp, ngài thường được mời vào triều bàn việc nước. Là một người học rộng, tài cao, với bộ óc hiểu biết sâu rộng, ngài đã khiến cả triều Lê phải khâm phục. Vua Lê-đại-Hành không dám gọi tên chính, chỉ gọi ngài là Đỗ-Pháp-Sư. Ngài thọ được 76 tuổi thì không bệnh mà tịch (990).

Khi chú lái đò (Sư Thuận giả) đưa sứ Tàu đến Ninh Bình, chợt thấy giữa dòng sông một đôi ngỗng trắng đang đùa giỡn

trên mặt nước trong xanh, chúng lội nhẹ lại gần thuyền của Lý-Giác, đưa chiếc cổ dài trắng toát lên trời kêu quàn-quạc... Sứ Lý-Giác cảm hứng đọc :

*Nga nga lưỡng nga nga,
Ngưỡng diện hướng thiên nga.*

Trong lúc Sứ Tàu đang miết tìm tứ đề nổi hai câu thơ đã gieo tài-tình, thì chú lái đò tay cầm bơi khoan thai mà miệng đọc :

*Bạch mao phò lục thủy,
Hồng trạo bãi thanh ba.*

Xin tạm dịch :

*Song song đôi ngỗng giữa dòng
sông,
Ngửa mặt ngó trời, có thấy
không.*

*Lông trắng phò màu trên nước
biếc
Sóng xanh in sắc bơi chân hồng.*

Thật là bài thơ tuyệt-tác, kết cấu bởi hai thi nhân tuyệt-tác, không những đối lời, đối cảnh, lại còn đối luôn cả ý-nghĩa tượng trưng.

Hai con ngỗng tượng trưng sự thanh bình. Ngửa mặt ngó trời là nhìn vào cái bao la. Gieo lời thơ ấy, Sứ Lý Giác tuy tả đôi ngỗng nhưng sự thật Sứ tự tả mình đang ngồi trong thuyền nhìn trời

bao la lòng không bợn chút bụi trần.

Còn lông trắng phò mầu trên nước biếc là Sư Thuận tự tả lòng trong sạch của mình. Chân đò quầy trên sóng xanh là tượng-trưng cho giáo-pháp của PHẬT đang chuyển pháp-luân (hòng là không). Khi họa vận hai câu ấy, tuy tả con ngỗng mà Sư Thuận tự tay cầm chèo của mình chèo thuyền đưa người về bến Giác.

Thật là tuyệt-tác, không hiểu Sứ Lý Giác kinh-ngạc đến bực nào, nhưng chắc chắn là Sứ Tàu không khinh nước ta là mọi rợ nữa.

Chả trách nào sau này Lê-quý-Đôn phải khâm phục :

*Sư Thuận thi ca Tống Sứ kinh
đị
Chân-Lưu từ-điệu danh chấn
nhất thời.*

(Câu thơ của Sư Thuận làm Sứ Tống kinh-hải, Điệu ca của ngài Chân-Lưu nổi danh một thời.)

Điệu ca của ngài Chân-Lưu mà Lê-quý-Đôn nói đây là khi Sứ Lý-Giác sang ta, lúc về Tàu để lại bài thơ tặng vua ta như sau :

GIẢI THOẠI VĂN CHƯƠNG

Hạnh ngộ minh thời tán thính du, Nhân tình thâm thiết đối lý trường.
 Nhất thân lượng độ Sứ Giao-Châu. Phan luyện Sứ tinh lang.
 Đông đô tái biệt tâm vuu luyện, Nguyễn tương-thâm ý vị nam cương.
 NAM VJẾT thiên trùng vọng vị hưu. Phân-minh tấu ngã hoàng.
 Mã đạp yên vân xuyên lãng thạch Thượng-Tọa Thích Mật Thề
 Xa từ thạch chướng phiếm dịch :
 Thiên ngoại hữu thiên ưng viễn Gió hòa phất phới chiếc buồm
 chiếu hoa,
 Khê đàm ba tịnh kiến thêm thu. Thần tiên trở lại nhà.
 Đường muôn nghìn dặm trát
 phơn ba,
 Thượng-Tọa Thích Mật Thề
 dịch :
 Cửa trời nhắm đường xa
 Một chén q ang hà dạ thiết tha.
 Nay gặp minh quân giúp việc
 làm,
 Trong nhớ biết bao là
 Một mình hai lượt Sứ miền Nam
 Nội niềm xin nhớ cõi Nam-Hà.
 Máy phen qua lại lòng thêm nhớ
 Bày tỏ với vua ta.
 Muôn dặm non sông mắt chứa
 nhàm
 Thật là :
 Ngựa đạp mây bay qua Suối đá, Sư Thuận thi ca Tống sứ kính-
 di,
 Xe vòng núi chạy đến dòng lam (1) Chân-Lưu từ đi u danh chấn
 nhất thời.
 Ngoài trời lại có trời soi rạng; (1) hai câu 5—6 tả lối đi vào
 Vàng nguyệt in trong ngọn sóng chùa qua suối đá với dòng lam,
 dầm (2). (2) Ngoài trời lại có trời soi
 Vua Lê-đại-Hành nhờ Pháp- rạng, chỉ nước Nam đã có vua
 Sư Ngô Chân-Lưu làm bài thơ Lê đại Hành lại thêm ngài Ngô
 tiên. Ngài làm theo điệu Tống chân Lưu (được Đinh-Tiên-
 vương Lang quy như sau : Hoàng phong Khuông-Việt thái
 Tụng quang phong hảo cầm sư. Khuông-Việt = Dựng nước
 phàm trương Việt) giúp. Vàng nguyệt in trong
 Thần tiên phục để hương ngọn sóng dầm, chỉ tác giả đứng
 Thiên lý, vạn lý thiệp thương trước ngọn sóng dầm ngấm trắng.
 lãng. Vàng trăng đây là chân tâm
 Cửa thiên quy lộ trường trong đạo Phật.

XANH				
VÀNG				
ĐỎ				
TRẮNG				
ĐÁ CAM				
X	V	Đ	T	C

Ý
 nghĩa
 lá
 cờ
 Phật

* TÂN-SƠN

NHIỀU người theo đạo Phật, đến các ngày lễ Phật thường treo cờ Phật, nhưng không hiểu lá cờ ấy xuất hiện lúc nào ? Tượng trưng ý nghĩa gì ? Chúng tôi xin trình bày sơ qua về các điềm ấy.

Người đã nghĩ ra lá cờ Phật giáo đầu tiên là một Phật-tử người Anh, ở Ceylan (Tích Lan) tên là HENRY STEELE OL-COLTT. Nhân một ngày vía Phật, ông đề-nghị lá cờ ấy với Thượng tọa HIKKDUWE SUSMANGALA THERA, giám-đốc Đại-học-đường Phật-giáo Vidyodaya Parivena.

Ngày 25 tháng 5 năm 1950 26 phái đoàn Phật-giáo Quốc-tế có đủ đại-diện các Hội Phật giáo toàn thế-giới, có cả Việt Nam, dự hội nghị tại Ceylan, đồng thanh công-nhận lá cờ chính-thức có 5 màu làm cờ Phật-giáo thế giới (5 màu chính sắp theo chiều dọc tượng trưng cho 5 căn : TÍN, TẤN, NIỆM, ĐỊNH, HUỆ, và cũng năm màu ấy sắp theo chiều ngang, tượng trưng hào quang của Đức Phật.

Tung tích

mơ hồ

* BÀ TƯƠNG PHỐ

Thay lời người bạn gái trẻ.
 trung trong một hoàn cảnh rất
 thương tâm, gửi cho chồng là
 ông T. T. B. biệt tích từ
 năm 1945

Tung - tích mơ - hồ nẻo từ sinh,
 Ngậm đàu con dại, lại thương anh;
 Giữa đường loạn lạc, chia hai ngã,
 Anh hỏi về đàu, dạ chẳng đành !

Chẳng đành năm tháng bất âm hao,
 Tiu tức còn không ? Hỏi chôn nào ?
 Mưa nắng phương trời, khi trái gió,
 Ai người sẵn sóc, kê ra vào ?

Ra vào khuya sớm ngậm ngùi thương...
 Âu ái đôi ta lạc - lũng đường;
 Hai chữ đồng-tâm thề thốt nặng,
 Tình thâm một mối nào canh trường !

Canh trường tình giấc, lệ chan hòa...
 Hoàn cảnh muôn vàn nỗi xót - xa;
 Con dại, một bầy ăn học dở,
 Minh em kiêm mẹ, lại kiêm cha.

T
H
Ơ

Cha đi, con nhỏ chưa nằm nôi ;
 Bấm đốt, con nay tám tuổi rồi ;
 Cơm áo, sách đèn, trời ấm lạnh,
 Hy-sinh lòng mẹ, tháng năm trời

Năm trời, lận - đận chỉ vì con !
 Con lớn con khôn, mẹ héo hon ;
 Mãi một sân hòe dù nảy quế,
 Trăm năm nghĩa cả có vuông tròn ?

Vuông tròn, nguyên vẹn ước ba sinh,
 Nỡ để phương trời lạc yến anh ;
 Một tấm lòng son dù vẫn thắm,
 Hoa râm, e điểm mái đầu xanh

Đầu xanh, nào đã tội tình gì ?
 Để tháng ngày qua, khổ biệt ly ;
 Châu lệ đầm lòng, khôn rửa hận,
 Như say, như tỉnh, lại như si.

Như si, trước cảnh khổ gia đình
 Than thở cùng ai, khóc một mình ;
 Chín chữ cù lao khôn báo đáp
 Chồi này, Mẹ để cảnh vô-tình ; (1)

Vô-tình như đá, hết đàu thương,
 Nước loạn, nhà tan, mấy đoạn-trường !
 Cha, mẹ, anh, em, chồng, một khối, (2)
 Tung sào gửi gió khắp ngàn phương !

TƯƠNG-PHỐ

(1) Bà Mẹ mất ở Hà-nội năm 1953.

(2) Ông Cha và mấy người anh, em,
 chồng, cùng biệt tích.

T
H
Ơ



Văn-sĩ của CHÍNH-QUYỀN

VÀ

Văn-sĩ của NHÂN - DÂN

★ PAL JONAS

(Kỹ-giả Hung-gia-Lợi)

Pal Jonas là một nhà văn, 37 tuổi, từng bị sống 5 năm trong một trại lao công ở Hung Gia Lợi sau khi Cộng Đảng lên nắm chính quyền. Sau này ông trở thành hội viên của nhóm Petofi là nhóm trí thức đã gây ra cuộc cách mạng giành độc lập hồi tháng 10, 1956

Ở Hung Gia Lợi văn chương thường được ví như cái địa chấn ký để ghi nhận những chuyển động của tình hình chính trị. Sự kiện đó đã xảy ra nhiều thế kỷ nay, nhưng từ năm 1948, khi Cộng Sản lên nắm chính quyền, nó còn hàm xúc một ý nghĩa đặc biệt



Văn-Sĩ PETOFI

hơn nữa.

Kể từ cuối mùa thu năm 1956, nhiều sự đổi thay đã xảy ra tại Hung Gia Lợi. Tuy rằng ở khắp mọi nơi chính quyền đều treo cái chiêu bài «*tình hình trở lại bình thường*» như các nhà máy lại tiếp tục làm việc, nhà cửa đã nát được xây cất

VĂN SĨ CỦA CHÍNH QUYỀN

lại, du khách được tới thăm viếng v. v... nhưng vẫn còn một việc mà chính quyền chưa xây cất lại hoặc phục hồi lại theo như ý muốn : sự tin cậy về phương diện tư-tưởng của nhóm trí thức mà Đảng cần phải có.

Sự thiếu đoàn kết đó — có thể nói là sự THIẾU ỨNG-HỘ HOÀN TOÀN CỦA CÁC VĂN SĨ LỖ-LẠC — là điểm chính của tình hình văn nghệ tại một nước độc-tà; như Hung Gia Lợi ngày nay.

Nhưng thử hỏi vì sao giới văn nghệ sĩ độc-lập và tự-do của Hung Gia Lợi lại chống lại chính quyền? Chính giới thanh niên trí thức Hung Gia Lợi đã khơi mào cuộc bùng nổ dữ dội sau này đã trở thành một cuộc cách mạng giành độc lập hồi tháng 10, 1956. Ngay từ hồi mùa Thu 1955, họ đã từng lên tiếng phản đối chế độ độc-tà ở Hung Gia Lợi. Đến tháng 3, 1956, một nhóm trí thức cấp tiến Hung Gia Lợi đã lập ra nhóm PÉTOFI, (lấy tên nhà Văn-hào ái-quốc PÉTOFI), trong số có cả nhiều đảng viên Đảng

Cộng-Sản nhưng rất quan tâm đến quyền lợi của tổ quốc. Đây là một diễn đàn mới để giới văn học thuộc nhóm này thảo luận, có đôi khi hàm ý chỉ trích chính quyền. Đến giữa năm 1956, thì số người dự các buổi hội họp của Nhóm này lên tới năm, sáu ngàn người.

Khi cuộc nổi loạn xảy ra ngày 23-10-1956, nhiều văn sĩ cũng có mặt trong nhóm người biểu tình.

Nhiều nhà trí thức Hung Gia Lợi đã phải trả giá cho sự hy sinh của họ. Tháng 6, 1958, sau khi Thủ Tướng IMRE NAGY bị hành quyết bí mật, hai kỹ giả cũng bị đem ra hành quyết đồng thời; đó là các ông MIKLOS GIMES và JOZSEF SZILAGI.

Trong số những nhà trí thức khác bị hành quyết sau khi Nga-Sô đàn áp cuộc nổi loạn, có GABOR FOLLY và GABOR FOLDES. GEZA LOSONCZY vì đã chết trong ngục thất nên mới không bị đem ra hành quyết. Còn hai người nữa là ATTILLA SZIGETHY và LASZLO KARDOS đã tự sát trong ngục thất.

Nhiều lãnh tụ và hội viên khác của Nhóm Pétofi đều bị tuyên án ngồi tù giải hạn, bị đưa đi lưu đày. Hai mươi lăm văn sĩ khác, trong số có tiểu-thuyết gia nổi tiếng TIBOR DERY đợc mệnh danh là người lãnh-tụ tinh-thần của cuộc nổi loạn, nhà soạn kịch GYULA-HAY, và thi sĩ ISTVAN EORSI, hoặc vẫn còn nằm trong lao tù vì tội đã tham gia cuộc nổi loạn.

Một số văn-sĩ nổi tiếng khác — như TAMAS ACZEL và TIBOR MERAI — từng giữ vai trò quan trọng trong cuộc chuẩn-bị nổi loạn, đã trốn thoát ra ngoài quốc.

Trong khi đó thì chính-quyền Hung-gia-Lợi vẫn tìm cách chứng tỏ rằng đời sống văn-nghệ trong nước vẫn không ngừng hoạt-động. Vì vậy nên tác phẩm của một số văn-sĩ Hung-Gia-Lợi và ngoài quốc đã được phép xuất-bản. Trong số đó — là những văn-sĩ trước kia từng bị ghi vào sổ đen — có JAMES JOYCE, SOMERSET MAUGHAM và FRANZ KAFKA. Một vài tác-phẩm thuộc văn chương cổ-điển Nga cũng được xuất-bản.

Đề khuyến khích thêm đời

sống văn-nghệ, hồi tháng 9, 1957, ba tạp chí văn-nghệ khác cũng được xuất-bản: tờ *Elet Es Irodalom, Nagyvilag* và *Kortars*.

Tuy nhiên, ngày nay sau khi chính quyền đã chặt-chẻ kiểm-soát được tình-hình văn-nghệ trong nước, với sự thành lập Liên-Đoàn Văn nghệ, vấn đề còn lại cần phải giải quyết, theo như tạp-chí *Kortars* từng viết, là "quét sạch" tàn tích cách mạng.

Sau khi đàn áp xong cuộc cách mạng dành tự-do của Hung-gia-Lợi hồi tháng 11, 1956, đi tới đâu, từ đâu đường đến xó chợ, nhất là nơi các tửu-quán trong thành-phố Budapest, người ta cũng bàn tán về khẩu hiệu mới do các nhà văn tung ra đầy ý-nghĩa như sau đây:

«CÓ NHỮNG CÂY BÚT DÁM VIẾT VÀ NHỮNG CÂY BÚT KHÔNG DÁM VIẾT; CÓ NHỮNG CÂY BÚT KHÔNG DÁM NGỪNG VIẾT VÀ NHỮNG CÂY BÚT DÁM NGỪNG VIẾT.»

Khẩu hiệu trên dẫn chứng một cách rõ rệt tình hình khó khăn của các văn sĩ Hung Gia

Lợi ngày nay, mà phần đông đều im hơi lặng tiếng từ sau khi cuộc nổi loạn chấm dứt. Tuy nhiên, mỗi hành động đều cần có sự can đảm: im lặng cũng là một hành động chống lại chính quyền, và cầm bút viết, khôn khéo, cũng là một hành động chống lại chính-quyền!

Nhiều văn sĩ tiếng tăm Hung Gia Lợi đã «*gám ngừng viết*» và hoàn toàn rút khỏi văn đàn. Một nhóm gọi là «NHỮNG VĂN SĨ THẦM LẶNG» đã đứng lên lãnh đạo một phong trào toàn quốc đề-kháng thụ động, tỷ dụ như nhà soạn kịch và dịch giả lão thành LOSZLO NEMETH là người có rất nhiều uy thế đối với giới trí thức và thanh niên Hung Gia Lợi. Ông đã ra khỏi thành phố Budapest để tới một làng nhỏ gần hồ Balaton, làng Tihany. Có người lại phỏng vấn ông về tình hình văn hóa trong nước, thì ông trả lời rằng: "Tôi không biết gì về câu hỏi của ông cả, vì tôi đâu còn là văn sĩ nữa!"

Đề trả lời «các văn sĩ thẳm lặng» ngày 21-4-1957, chính quyền ra lệnh giải tán LIÊN-ĐOÀN VĂN SĨ, từng giữ một

vai trò quan trọng trong tình trạng bất an trước khi xảy ra cuộc nổi loạn, đề được thay thế bằng «*Hội Đồng Văn Nghệ*» do đảng và chính-phủ chỉ định. Được cử làm chủ tịch hội này, GYORGY BOLONI Văn-sĩ của Chính phủ, loan báo trên tờ-tuần báo Văn nghệ *Elet es Irodalom* (cũng của Chính-phủ), rằng sẽ có một cuộc tranh luận "tự do" về tình hình văn nghệ trong nước. Nhưng các văn sĩ lỗi lạc, có uy-tín trong dân chúng đều, không tham dự buổi hội thảo.

Kể đó, Đảng và chính-quyền mới bắt đầu thương-lượng với một số cựu hội viên *Liên đoàn Văn-Sĩ* bị giải tán, đề thiết-lập lại Liên-Đoàn này, nhưng với điều kiện rằng các văn sĩ phải tỏ ra ủng-hộ chính quyền bằng cách ký tên vào một bản tuyên ngôn chống lại sự can thiệp của ủy-ban đặc biệt LIÊN-HIỆP-QUỐC được thành-lập đề điều-tra về các biến-cổ Hung-Gia-Lợi.

Tuy rằng bản đó được một số văn sĩ ký tên vào, nhưng chính quyền cũng không đầu lượm được kết quả vì những người ký tên đều là các «văn-sĩ» của chính quyền.

Cuộc tấn-công văn-hóa mới

này của chính-quyền cũng chẳng làm cho các văn-sĩ viết được.

Thủ Tướng Kadar từng tuyên bố rằng :

“Chúng tôi cho rằng nhóm văn sĩ nông-dân không phải là đại-diện cho một khuynh hướng văn-nghệ nhưng là một nhóm chính-trị đang tìm cách chống lại bước tiến của chúng ta. Tiền đồ tương-tương của nhóm này không phù hợp với vai trò lãnh-đạo xã-hội của giới cần lao, và cũng không thể thích hợp với việc xây dựng xã-hội Cộng-Sản...”

Vào mùa thu 1959, gần tới ngày kỷ-niệm ba năm cuộc cách-mạng 1956, chính-quyền tìm cách phục hồi về mặt bình thường của mặt trận văn-hóa. Cũng do đó mà LIÊN ĐOÀN VĂN

Sĩ Hung Gia Lợi ngày 25-9-1959 lại được lạng lẽ xuất hiện trở lại ở Budapest.

Nhưng lần này, thì chính-quyền cần thận hơn đối với Liên Đoàn này JOZSEF DARVAS, một văn sĩ Cộng-Sản chính-cống, và là một công-bộc trung-thành của chính quyền, được cử ra lãnh đạo Liên-Đoàn.

Tuy nhiên, danh sách những «văn sĩ» trong ủy ban chấp hành chứng tỏ rõ rệt rằng cái hố sâu giữa chính quyền và các văn-sĩ hữu danh của Hung-Gia-Lợi, vẫn còn tồn-tại. Người ta thấy rõ ai là «Văn-sĩ» của chính quyền, phục vụ cho chính quyền, ai là Văn-sĩ có uy-tín của Nhân-dân, chỉ phục vụ cho Nhân dân.

PAL JONAS

* THƯ RIÊNG

Chồng nổi giận : *Tại sao, thư của anh mà em lại mở ra coi ?*

Vợ : *Không bao giờ em coi thư của anh, nhưng tại vì thư này có ghi « Thư riêng » ngoài phong bì nên em mới mở ra coi đó.*

B. T.

CHUYỆN NGẮN

Em vẫn chờ anh...

* VŨ ĐÌNH

Chị Diệu Liên thân mến.

EM đã quen Bình trong một buổi họp tại Khuôn tịnh-độ để bàn về việc tổ-chức lễ Phật-đản. Theo lời giới thiệu của anh Gia-trưởng thì gia-đình Bình mới dọn đến đây và lần đầu tiên Bình dự cuộc sinh-hoạt của Gia - đình Phật tử Khuôn nhà.

Trong buổi họp ai nói những gì em cũng không nhớ nữa,

trăm nghìn tư-tưởng của em đều hướng cả về con người khôi-ngô ăn nói hoạt-bát mà em mới gặp lần đầu. Đứng trước em chị nhé, phải chăng đó là « tiếng sét của ái-tình » ?

Cho đến khi gần tan cuộc họp, em mới giật mình vì nghe tiếng người nhắc đến tên em. Thì ra em được đề-cử vào toán trang hoàng xe hoa và Bình có nhiệm-vụ vẽ bức tượng. Tĩnh-cờ hay duyên số, hở chị ? Em thì em tin rằng duyên tiền-định, vì tại sao chị Minh không xung-phong làm xe hoa như mọi năm mà lại đùn cho em

để em được gần gũi Bình? Pho tượng cũ còn đẹp chán để trên xe hoa vừa nhẹ lại vừa xinh, sao anh gia-trưởng còn để cử Bình về lại để Bình và em năng gặp nhau luôn. Hẳn là duyên số chị ạ.

Thế là từ hôm đó mỗi ngày em lại gần Bình ít nhất một giờ. Mà cũng lạ, em gặp Bình để cộng tác trong công việc đoàn - thế có gì là bất chính đâu? Thế mà lúc gặp Bình em vẫn ngần ngại thẹn-thùng. Có một lần em định lì ở nhà, nhưng không đầy năm phút em lại thấy bồn chồn trong dạ vì sợ mang tiếng bê-trễ công việc chung, hay là vì em muốn gặp Bình cũng có.

Ngày lại ngày, chiếc xe hoa sắp hoàn thành. Lúc đó em nhận ra rằng chúng em tuy không hẹn nhau nhưng mỗi ngày cùng đi xa hơn một chút qua giới hạn tình bạn. Câu chuyện giữa chúng em đã tự nhiên hơn trước, đôi lúc em còn dám pha trò với Bình nhiều câu, tuy là thân-mật đúng-đắn, nhưng em vẫn thẹn-thẹn làm sao ấy.

Có lúc em tỉnh - quái - đứng sau lưng Bình nhìn trộm : Anh chàng ngồi thẩn - thờ trước khung vải mà tâm trí thì như để tận đâu đâu, mặc cho giọt sơn ở đầu bút đã rõ xuống mũi giày. Linh-tính báo cho em biết Bình đang nghĩ đến một hình ảnh đẹp, trong đó có cây xang, gió mát và nhất là có bóng dáng em.

Về phần em cũng không hơn gì, nghĩa là đã có lần chị Thủy phải kêu lên : Chị Hiền mệt hay sao mà ngồi thừ ra vậy?

Em có mệt đâu chị? Vả lại các chị ấy làm sao mà hiểu nổi tâm trạng của em lúc bấy giờ? Em đang nghĩ đến mai đây, khi pho tượng Bình vẽ đã được thỉnh lên xe hoa của chúng em rồi thì em còn dịp nào để được gần Bình nữa? Bao giờ, biết đến bao giờ, em lại được nhìn bóng Bình song song với bóng em ngã dài trên sân gạch? Có ngọn gió nào đưa đến cho em giọng nói ngọt ngào mà Bình vẫn nói với em? Thú thực cùng chị, em đã nghĩ đến truyện lừa đôi cùng Bình rồi đó.

Chiếc xe hoa của chúng em được chằm nhất. Để kỷ niệm, ban tổ chức có chụp hình. Cả bọn chúng em gần 10 người kể cả nam lẫn nữ (đại-diện cho gia-dình Phật-tử Khuôn nhà) đứng sấp hàng trước xe hoa. Phía trên, đức Từ-bi triu mền nhìn xuống chúng em miệng nở một nụ cười bao dung bất-diệt. Nhưng em, em còn nghĩ ngay thơ rằng Ngài cười vì biết trong chúng em có hai đứa rất xứng đôi vừa lứa đang xây dựng những mộng đẹp xa vời. Một lần nữa không biết do sự sắp đặt của số-mệnh hay chỉ là một sự tình-cờ như trăm nghìn sự tình-cờ khác của ông thợ ảnh, em đứng hàng đầu giữa chúng bạn, và lại đứng cạnh Bình.

Ngày Khánh đản xa dần, cuộc sống trở lại mức bình thường của nó. Lễ dài đã hạ, xe hoa đã dỡ, những biểu ngữ, những lồng đèn đã được cất kỹ. Đến nay, không còn dấu vết gì về ngày vui vừa qua. Có chăng là những kỷ-niệm tươi đẹp còn ấp ủ trong hồn em, và tấm hình kỷ-niệm đã được em lồng trong khung kính. Nhưng lúc ngồi suy tư

trên ghế đá, tiếng lá rì-rào khiến em nhớ đến tiếng sột soạt của nét bút lông cọ vào khung vải mà ngày nào Bình ngồi cạnh em để tô màu, kẻ bóng. Ngay cả những đêm vui đầu trong trang sách cạnh chiếc đèn dầu leo lét, em khổ sở nhận ra rằng : Ngồi học đấy nhưng em có học được chữ nào đâu? Những giọng chữ nhảy múa trước mắt em như cợt đùa. Em quay đi không nhìn vào trang sách nữa, thì tầm mắt em lại đụng phải tấm hình treo trên tường, tấm hình em đứng cạnh Bình. Lòng em lại chìm vào một niềm thương nhớ rạt rào. Muốn học để quên đi thì học không vào, muốn quên để học thì lại gặp tấm hình gọi thương gọi nhớ.

Một hôm đi học về qua quãng đường vắng em, gặp một em nhỏ trao cho em chiếc phong bì rồi chạy thẳng. Ngạc nhiên em bóc ra xem, thì ra thư của Bình. Bình viết dài lắm, nhưng đại khái chỉ là : Bình đã bị nhớ nhung đầy vò nhiều lắm rồi nên liều gửi thư đến em, dù cho em có hiểu làm mà khinh Bình. Kết-luận Bình cho em biết nếu

em đồng ý, nội tuần lễ sau Bình sẽ về thưa với mẹ chàng đem trầu cau đến hỏi em.

Em bàng hoàng ngất ngất. Đọc lại lá thư lần nữa cũng vẫn chừng ấy chữ nhưng mỗi tình càng rạo - rực, băn - khoăn... Biết trả lời làm sao đây chị? Hạnh phúc đến với em đột ngột quá, khiến em không còn phân tích được lòng em lúc đó ra sao.

Tuần lễ sau, Bình và mẹ già đưa trầu cau đến hỏi em thật. Cũng như chàng đã hỏi em trong thư. Để chỉ hỏi sơ ý kiến em, rồi mấy ngày sau Mẹ Bình sang chơi, có lẽ là để thôi thúc. Để nhận lời mà không cần đến sự trả lời dứt khoát của em. Tuy phật ý, song em cũng không phản đối cuộc hôn nhân này, hơn thế nữa, em rạo-rực nghĩ đến ngày mai, trên mọi ngã đường vết chân Bình in đến đâu, vết chân em theo sau đến đó. Không một cuộc vui nào của em mà có thể vắng Bình.

★

Em về làm dâu được hơn một năm, thì một hôm, một người

bạn em cho biết : Bình đã « phải lòng » một cô bạn cùng làm trong sở. Nhận được tin này, em bàng hoàng đau đớn không xiết kể. Thực ra, gần đây em cũng nhận thấy Bình thường vắng nhà luôn. Em cho rằng Bình đau yếu trong người, hoặc quá bận rộn công việc trong Sở nên không còn vồn vã với em như trước, chứ em không hề dám nghĩ rằng Bình đã phụ em.

Rồi đến lúc di-cư. Sẵn dịp đó, Bình biệt tích. Em được tin có người cho biết chàng đã trốn em, đi máy bay vào Nam với người yêu mới. Thế là em không còn hy-vọng gì được Bình trở lại với em nữa. Em cam-tâm sống đời cô đơn giá lạnh. Mặc dầu em cũng di-cư vào sau, nhưng em cũng không muốn tìm Bình nữa. Tìm làm chi hã chị, khi người ta đã bỏ mình?

Nhưng chị ạ, đôi lúc em lần thẩn nghĩ rằng : Một người cùng cực ở thành Xá-vệ thuở xưa mà còn được Đức Mau-ni dắt tay đến sông Gange cho tắm rửa, thì tại sao Ngài lại quên em?

Thật thế, lạ Đức Phật Chí-tôn, Ngài đã không quên con, một xác hoa đang vất vưởng giữa giòng đời cuộn chảy.

Chiều hôm đó em đi lễ Phật tại một chùa giữa Sài-gòn huyền ảo, em đã ngẫu-nhiên gặp Bình! Bình đang dâng hương nên không biết em đã đứng gần và đang lặng-lẽ quan sát. Tám năm qua, trông Bình dạo này gầy lắm. Nhưng gương mặt vẫn còn phẳng phất những nét hiền từ duyên-dáng khi xưa. Nhưng sao chàng đi một mình? Con người phụ-bạc này đã chán cảnh lăn-lóc trong tình-trường rồi sao? Chị ơi, thế là bao nhiêu oán-hờn của em chôn chặt trong lòng từ tám năm nay, phút chốc như đã biến thành một tình thương vô hạn! Bình vẫn qui dưới Phật đài, mà không biết em đã đứng đây lâu rồi, và không trông thấy em vụt chạy ra sân... Em khóc nước-nở dưới bóng một cây anh-đào. Em vui sướng mà

khóc, vì mỗi một việc Bình đã quay về nép mình dưới ánh Từ-Bi, nét mặt như chìm đắm vào nguồn sáng màu-nhuộm của Đấng-Như-Lai, cũng đủ làm cho em mãn-nguyện.

Thế rồi, chị ạ, thật em không ngờ... Bình trong điện Phật bước ra về. Chàng trông thấy em. Chàng tỏ vẻ vô-cùng ngạc-nhiên, nhưng chàng im-lặng. Em cũng gắng-gượng bình-tĩnh, lấy khăn tay lau mấy ngón lệ, đợi xem chàng sẽ nói gì. Chàng tỏ vẻ ân-hận, với một nụ cười đau-khổ, nhìn em, khe khẽ hỏi như van-lơn :

— Em! Em tha-lỗi cho anh nhé?

Em chỉ biết gục đầu vào vai chàng; và lẩm-bẩm :

— Vâng, em tha lỗi cho anh... Nhưng người kia đâu?

— Nó đã bỏ anh, sau khi di-cư vào đây, để theo một người khác.., Còn em?

— Em... vẫn chờ anh.

VŨ-ĐÌNH



Băng - cấp

Tú - Tài

★ NGUYỄN-HUÂN

Kỳ-Tâm còn ba năm nữa mới thi Tú-Tài. Nhưng chàng đã được người chú nuôi đi học chợ tới nơi tới chốn.

Năm nay đã hai mươi tuổi, nên mẹ chàng muốn có cháu nội bằng ấm cho vui, vả lại, chàng là con một, mà cha mẹ thì đã già gần theo hầu tiên tổ rồi.

Chú chàng theo lời mẹ chàng đọ được một đám, nhà cũng khá giả mà « nàng » thì cũng sắc nước hương trời.

Thế là nhân dịp nghỉ hè chàng

y-phục chỉnh-tề bên lén theo gót chú thím và bà mẹ tới hỏi cưới. Nhưng chàng vấp phải lời hứa của bà mẹ vợ tương lai; lời hứa có vẻ « câu mời » hết sức: « Vâng, tôi gả con gái cho cậu khi cậu đã thi đậu Tú-Tài! Con tôi sẽ chờ đợi tới đó! ». Lời hứa lại thêm vẻ bí-mật, không biết thi rớt thì có « mất » vợ luôn không nhỉ?

Ba năm sau, ngày thi đến. Và Nguyễn-kỳ-Tâm thi xong trở về làng.

Ngày hôm sau Kỳ-Tâm áo quần sốc-sếch, nét mặt thiếu não buồn rầu tới nhà cô vợ tương-lai xin cưới, vì đã qua thi rồi.

Bà già vợ nhìn thấy chàng ta như vậy hỏi. Chàng đáp: « Thừa Bác. con đã trượt vô chuối. » Bà già không còn lòng dạ nào gả con gái nữa! Thế rồi được hưởng một chén trà đậm, chàng được mời luôn ra cửa: « Vậy thì cậu đừng hồng lầy con gái tôi ».

Nhưng hôm sau, khắp thiên hạ đầu đầu cũng đồn rùm lên: Nguyễn-kỳ-Tâm đã đậu Tú-Tài! Lại đứng đầu bảng vàng!

Tới tai bà già vợ kỳ-Tâm, bà nghi-ngờ hết hoảng:

— Ý trời ơi, hôm qua nó lót thốt tới đây nói rằng rớt, mà sao ngờì ta lại nói nó đậu, mà lại đậu cao nữa cả?... Chắc đậu thiệt quá! Thôi chết con gái tôi rồi!

Tức khắc bà kêu con gái lên. Bà thuật rõ đầu đuôi góc ngọn cho con nghe, rồi vuốt đầu con gái vỗ về:

— Loan ơi, Mẹ đã làm hại đời con rồi, Loan à! mẹ hối hận quá Loan ơi! Còn mặt mũi nào mà nhìn người ta nữa đó con? Bây giờ tính làm sao đây con, hả con gái cưng của mẹ?

— Con không biết, mẹ ạ! Từ hồi đó tới nay con đâu có biết gì đâu mà mẹ lại hỏi con?

Tuy nói vậy chứ Loan vẫn cười thăm. Loan chỉ thương hại mẹ mình ham danh-vọng đã làm mất nhân phẩm cả nhà. Nhưng nàng

có lo sợ gì dân. Nàng vẫn bình tĩnh làm bà mẹ càng thêm hối-hận.

Thật, ra thì hôm qua sau lúc kỳ-Tâm ra về, Loan có nhận được một bức thư niêm kín của chàng do một thằng nhỏ lối xóm đưa ở vườn hoa sau nhà, đại ý, kỳ-Tâm báo cho nàng biết chàng đã đỗ Tú-Tài thật rồi và tỏ tình với nàng sẽ làm lễ cưới vào nửa tháng sau, Nếu Loan, muốn thì đám cưới sẽ linh đình sang trọng lắm!

Loan đã phúc thư ngay sau đó, Nàng xin chàng chớ chấp hành-động mẹ nàng ban sớm, và bảo chàng cứ việc đưa lời chọn ngày cưới tới, nàng sẵn lòng làm bạn trăm năm, bởi cũng đã từng đợi chàng ba năm nay rồi chớ ít sao!

Thế nên, nàng vẫn đứng đưng như không quan tâm lắm, làm bà mẹ thêm chua xót tâm can!!

★

Rồi hai hôm sau, chú thím và mẹ Kỳ-Tâm sang đưa lễ cưới và chọn ngày nghinh-hôn. Chỉ có cha của Loan ra tiếp khách, còn mẹ Loan thì cáo ốm nằm ở nhà dưới nghe ngóng tình-hình. Nhưng tình hình không có gì trắc trở mà lại êm như bàn thạch, vì chú ý của của kỳ-Tâm là muốn tìm hiểu tình đời để học hỏi thêm chứ không phải để phá mất nhân duyên của chàng và nàng! Chỉ có hồ thẹn hay không là khi nhìn thấy cái bộ mặt khinh-khinh, cái « nụ cười nửa mép của người đưa lễ vật mà thôi! ?

Những áng thơ hay

BẾN MY - LĂNG

Bến My-Lăng nằm không, thuyền
đợi khách,
Rượu hết rồi ông lái chèo buồm
câu
Trăng thì đầy, rơi vàng trên mặt
sách,
Ông lái buồn để gió đến môn râu.

★

Ông không muốn run người ra
tiếng địch,
Chờ mãi hồn lên tằm bến trăng cao.
Vì đu-hiu, đu-hiu trời tinh mịch,
Trời vô-vàng, trời thiếu những
vì sao.

★

Trời quanh thuyền những lá vàng
quá lạnh,

Tơ vương trời nhưng chỉ giải
giăng giăng.
Chiều nghi-ngút dài trời về nẻo
quanh,
Để đêm buồn vẩy phù bến My-
Lăng...

★

Nhưng đêm kia đến một chàng
ky-mã
Nhúng trăng đầy màu áo ngọc lưu
ly.

Chàng gọi đò, gọi đò như hồi há,
Sợ trăng vàng rơi khuất lối chưa đi.

★

Ông lão vẫn say trăng đầu gối
sách,
Để thuyền hồn bơi khỏi bến My-
Lăng.

★ THẨM - THỆ - HÀ

Tiếng gọi đò, gọi đò như oán trách,
Gọi đò thổi run-rẩy cả ngành trăng.

★

Bến My-Lăng còn lạnh, bến My-
Lăng,
Ông lái buồn đợi khách biết bao
trăng...

YẾN - LAN

Tôi đã cảm-nhận được một
hơi thơ rất buồn tỏa ra trên một
dòng sông quanh-quê. Không
cần gì phải có những tình-cảm
tế-nhị mới rung động được
trước một hơi thơ man-mác,
dạt-dào cảm-xúc của Yến-Lan,
Không cần gì phải có một trí
tưởng-tượng dồi-dào mới hình-
dung được cảnh BẾN MY -
LĂNG vào một đêm trăng sáng,
trước những vần thơ lung-
linh hình-ảnh của Yến-Lan.

Lời thơ truyền cảm của Yến-
Lan đã đưa hồn ta phiêu-dạt đến
bến My-Lăng để chứng-kiến một
cảnh bến nước lặng-lờ, thuyền
nằm đợi khách. Khách là ai, ta
chưa được biết; chỉ biết ông lái
đò của bến My-Lăng là một
nhân-vật rất lạ: phải có rượu
vào ông mới chịu buồm câu.

Hết rượu rồi thì ông ngồi trên
thuyền xem sách, Vầng trăng
đầy đặn trên không buồm ánh
vàng cho ông đọc. Gió từ đầu
thổi đến môn-trón chòm râu
bạc của ông lão tuổi đã xế chiều.

Bến My-Lăng nằm không, thuyền
đợi khách,
Rượu hết rồi ông lái chèo buồm
câu.

Trăng thì đầy rơi vàng trên mặt
sách,

Ông lái buồn để gió đến môn
râu.

Tại sao ông lão buồn? Ông
buồn vì đò ngang vắng khách
hay vì rượu đã cạn bầu? Ông
buồn vì trăng gió đu-hiu hay
vì văn-chương bi-thảm? Hay
đó là cái buồn của một chí-sĩ
đang chờ đợi một cố nhân mà
tiếng vó câu vẫn còn rập - rờn
nơi xứ lạ? Hay đó là cái buồn
vạn cổ của một kẻ nặng lòng
ưu-ái với đất nước, nhưng
tuổi già bất lực, đành chôn
vùi nỗi phẫn - uất trong bầu
rượu, trang thơ?

Tác-giả không giải-thích nỗi
buồn của lão. Mà cần gì phải
giải-thích? Ngoại-cảnh kia há
không chứa - đựng bao nhiêu

tình ? Hành-động kia há không chan-hòa bao nhiêu ý ?

Ngoại-cảnh : đìu - hiu, tĩnh-mịch, vô-vàng...

Hành - động : không buông câu, không thổi địch, mà chỉ xem sách, ngắm trăng và... chờ đợi.

Ông không muốn run người ra tiếng địch,

*Chờ mãi hồn lên tằm bên trăng cao:
Vì đìu hiu, đìu hiu trời tĩnh tịch,
Trời vô-vàng, trời thiếu những vì sao.*

Ngoại cảnh tiêu - sơ đã ảnh-hưởng sâu-dậm tâm-hồn người. Và càng ảnh - hưởng, nó càng phản-chiếu rõ-rệt tâm-trạng một con người khác thường qua những hành-động lạ-lùng, kỳ-dị. Phải chăng thi-sĩ giàu tưởng-tượng nên xây-dựng một nhân vật xa vời thật tế ? Có ai được trông thấy một ông lái đò, mặc dầu tuổi gần xế bóng, vẫn còn khoác chiếc áo hào-hoa phong-nhã của một trang thư sinh thích uống rượu, đọc sách, thổi địch vào những đêm trăng lồng bóng nước, to vương trên trời ?

*Trời quanh thuyền những lá vàng
quá lạnh,*

*To vương trời nhưng chỉ giải
giăng giăng.*

*Chiều nghi ngút dài trời về nẻo
quạnh,*

*Để đêm buồn vầy phủ bên My-
Lãng...*

Tác giả giàu tưởng tượng thật nhưng nhân-vật ở đây không hẳn xa vời thật tế. Có nhiều khi thật tế bị che phủ bởi một bức màn mờ ảo, diễm huyền, để thật tế trở thành mơ-mộng và nhân vật tầm-thường trở nên nhân vật vị thường. *Nhân-vật dị thường đó mới là nhân vật lý-tưởng của thi-nhân.*

Bức màn mờ ảo, diễm-huyền ở đây một phần lớn do ngoại-cảnh tạo nên. Vì vậy tác giả chú trọng diễn tả ngoại cảnh, mà mỗi chi tiết cảnh vật dường như đều chứa một linh - hồn. Từ bóng trăng, làn gió, đềm chiếc lá, sợi tơ, mỗi vật đều mang một tâm - tư. Và tâm - tư tình người, với lòng người đối cảnh.

Chẳng hiểu ông lái đã sống trong cảnh chờ đợi ấy tự bao giờ. Chắc-chắn rằng đã lâu. Và chắc-chắn rằng đêm đêm — nhất là những đêm trăng vàng

roi trên sách — ông lại cảm thấy một nỗi buồn man-mác, diêu vợi, một nỗi buồn đeo đẳng không nguôi...

*Nhưng đêm kia đến một chàng
kỳ-mã,*

*Những trăng đầy màu áo ngọc lưu
ly.*

*Chàng gọi đò, gọi đò như hỏi-hả,
Sợ trăng vàng rơi khuất lối chưa
đi.*

Người khách mà ông lão bấy lâu chờ đợi đã đến đây rồi. Chàng đến một cách đột-ngột, giữa lúc cảnh vật đang chìm trong giấc mơ nồng. Tiếng vó câu không đánh thức được cảnh tịch-liêu. Ánh trăng chênh-chếch lạnh lùng như vô tình với người khách lạ. Chàng đã đến hiên ngang trên con tuấn mã, tà áo phản chiếu dưới ánh trăng một sắc ngọc lưu-ly. Bóng chàng in trên bờ sông như một pho-tượng ngọc : một pho tượng vừa hùng-tráng vừa thanh-nhã. Hình ảnh ấy làm ta liên-tưởng đến hình ảnh chàng tráng-sĩ trong CHINH - PHỤ - NGÂM dưới ngòi bút thần tình của nữ sĩ Đoàn-thị-Điểm :

Áo chàng đò tựa ráng pha,

*Ngựa chàng sắc trắng như là
tuyết in.*

Đó là hai bức tranh tuyệt-mỹ của hai họa-sĩ kỳ-tài ? Hay là hai pho tượng tuyệt-vời của hai nhà điêu-khắc tài-hoa ? Phải nói rằng : *đó vừa là thơ, vừa là tranh, vừa là tượng.* Vì Đoàn-thị-Điểm và Yến-Lan đã khéo-léo sử-dụng âm-thanh, màu sắc, đường nét một cách tinh-diệu vô cùng. Bà Đoàn thị Điểm dùng màu sắc tương-phản làm cho bức tranh nổi bật lên, chói lòa, rực-rỡ. Yến-Lan dùng màu sắc nhịp-nhàng hòa-hợp, gieo cho ta những ấn-tượng êm-ái, tươi mát, dịu-dàng.

Thế rồi khách cất tiếng gọi đò. Tiếng gọi của chàng vang vang giữa đêm thanh tĩnh-mịch. Giọng của chàng hỏi-hả vì chàng sợ bóng « *trăng vàng rơi khuất lối chưa đi* ». Nhưng dòng sông vẫn lặng-lờ, ánh trăng vẫn chênh-chếch, vì trong lúc đó : *Ông lão vẫn say trăng đầu gối sách
Để thuyền hồn bơi khỏi bến My-
Lãng.*

*Tiếng gọi đò, gọi đò như oán trách
Gọi đò thôi run-rẩy cả ngành trăng.*

Thì ra ánh trăng huyền-diệu đã thu hồn ông lão rời khỏi bến

My-Lăng. Tuy say trăng nhưng đầu ông vẫn gối sách. Hình ảnh ấy thật trang-nhã biết bao nhiêu! Có lẽ ông đã mỗi-một vì chờ đợi nên mộng hồn đắm đuối trong giấc sầu miên. Người ông chờ đợi đã đến bên sông mà ông nào hay nào biết, để cho tiếng gọi của chàng ky-mã lúc đầu còn có vẻ hối hả, sau cùng tỏ vẻ oán trách làm run-rẩy cả ngành trắng in dưới đáy nước.

Đến đây ta mới thấy rõ-rệt nghệ-thuật sắc-sảo của thi-sĩ Yên-Lan. Điệu thơ đang khoan-hòa, lã-luớt, bỗng trở nên dồn dập, hối-hả, đúng với tâm-trạng xao xuyến của con người. Những tiếng « gọi đò » lách đi lách lại tạo thành một âm hưởng dằng-vật, xôn-xao, náo-động kéo dài ra suốt cả hai đoạn thơ, mà hai đoạn thơ ấy lại quy-định cả một khoảng thời-gian lè-thé của âm-hưởng...

Rồi người khách thất-vọng. Rồi người khách đi đâu, không ai biết, Chỉ biết từ đó :

*Bến My-Lăng còn lạnh, bến My-Lăng,
Ông lái buồn đợi khách biết bao
trăng...*

Khách đã đi rồi và khách không trở lại. Bến My - Lăng vẫn lạnh. Ông lái dò vẫn chờ đợi mỗi-mòn...

★

Bài « Bến My - Lăng » của Yên-Lan gọi cho ta nhớ đến

hai bài thơ tuyệt-tác của Trung-Hoa : bài « Phong Kiều dạ bạc » của Trương-Kể và bài *Bạc Tàn - Hoài* » của Đỗ-Mục. Cũng đồng tả cảnh bên nước sông trăng, mỗi bài mang một màu sắc diêm-lệ đặc-biệt.

Trương-Kể có những nét chấm phá rất linh-động :

*Nguyệt lạc ô đê swong mầu thiên,
Giang phong ngư hỏa đối sầu miên.
Cố-Tô thành ngoại Hàn-san-tự,
Dạ bán chung thanh đảo khách
thuyền.*

Đỗ-Mục phác-họa thành một bức tranh thủy - mặc rất nên thơ :

*Yên lung hàn thủy nguyệt lung sa,
Dạ bạc Tàn-Hoài cận tuyền-gia.
Thương-nữ bất tri vong-quốc-hận,
Cách giang do xướng Hậu-Đình-Hoa.*

Cả hai bức tranh của Trương - Kể và Đỗ - Mục đều gọi cho ta một niềm hoài-cổ man-mác đối với cảnh cũ, người xưa.

Trái với hai thi nhân bất-hủ của Trung-Hoa, thi-sĩ Yên-Lan có những nét vẽ tỉ-mỉ từng chi-tiết cảnh vật, thâu vào bức tranh tất cả màu sắc, đường nét, ánh sáng của ngoại-cảnh, gọi cho ta một niềm rung-động sâu xa, mãnh-liệt và phát-hiện rõ-rệt sự giao-cảm giữa tạo vật và lòng người.

THẨM-THỆ-HA

Thơ mới và Thơ Tự Do

★ PHƯƠNG HẢI

CÁCH đây gần 20 năm, khi nền Thơ mới vừa ra đời là làng thơ Việt-Nam ồn lên như một cuộc xô-xác của các tay anh chị thuở xưa, và đó là một cuộc xô-xát thật, không phải của các tay anh chị dao búa ; mà là của các thi-nhân, thi-sĩ trên trận bút lông văn. Họ chia ra làm 2 phái rõ-rệt, một bảo thủ lấy quy-luật cũ-ký của một nền thi-ca nghiêm-khắc, chặt-chẻ, một, khai-nguyên cho một phong-trào mới-mẽ đề cách-mạng-hóa nền thi-ca

dân-tộc, gột bỏ tàn tích đề pha vào những hương-vị ngọt-ngào êm-dịu lượm-lặt tận phương trời Tây, hầu biến chất thơ ra làm món ăn của đại chúng, chứ không xứng gì của hạng trưởng-già sĩ-phu ...

Cuộc xô-xát bằng lời, bằng tiếng, bằng tất cả khả-năng của con người văn-nghệ vẫn tiếp-tục triển miên qua nhiều năm tháng, đề rồi, cái gì đến tự-nhiên nó sẽ đến : phái thơ cũ bị thâm-bại một cách đau-thương, không phải vì bị ngã gục giữa chiến trường mà chỉ vì đối thủ của họ đã được thắng thế bởi những kết-quả rực-

rõ gần như là không chừa lại một tí gì.

Phái chủ-trương thơ mới đã thắng, thắng một cách oanh-liệt tựa hồ như chỗ không người : thơ mới đã chiếm một địa-vị chắc chắn trong nền thi-ca V.N. kể từ đây.

Những vị anh hùng của thơ Mới với một *Phan Khôi* không tài-tình mà can-đảm, một mình một ngựa dám mở cuộc xung-phong đầu tiên với bài TÌNH-GIÀ (1932). một *Thế Lữ* chắc chắn và kiên-gan, âm-thầm xua quân thâu lượm những chiến-thắng mà không cần diệu võ dương-oai, một Lưu-trọng-Lưu to tiếng và hùng-hỗ như một viên tướng đời Thượng-cổ tả xông hữu dục, một mình Xuân-Diệu đẹp mơ-màng như Tây-Thị của giòng giống Việt xưa, chỉ chinh-phục người bằng một sắc đẹp tuyệt vời qua một màu thơ trang-diễm, với một Huy-Cận, một Nguyễn-Vỹ... diệu-kỳ, bất-khuất... ngàn bao nhiêu ấy đã đào tạo cho nền *thơ mới* một uy-thể rõ-ràng và bất-diệt.

Thơ mới được người ta trọng vọng, săn đón như một đóa hoa khôi trong một vườn xuân cổ kính;

hương và sắc của nó đã làm mờ ám cả những bông hoa căn-cối, những hương sắc tàn phai.

Triền miên say sưa với cơn chiến thắng trên nấc thang danh-vọng, dùng một cái. chiếc ngói bá chủ của *thơ mới* trên thi - đàn được báo động bởi có kẻ lăm le toan làm cách-mạng để thay cũ đổi mới thêm một lần nữa : phái *thơ tự do*.

Ở đây chúng ta hãy mở một cái ngoặc để xác-định lại cái nghĩa của chúng nó : Thế nào là *thơ tự do* ?

Thơ mới ngày nay không còn giữ đúng cái nghĩa nguyên vẹn của nó. bởi có một loại thơ khác mới hơn : đó là *thơ tự-do*.

Nếu căn cứ theo thời-gian và không-gian, thì ngày nay *thơ mới* đã bị liệt vào dĩ-vãng, và *thơ tự do* mới chính thật là *thơ mới*.

Nhưng trong khi chờ đợi để tìm đặt cho chúng một cái tên có giá-trị bất cứ ở thời nào và ở đâu, ta hãy ghi nhớ : *Thơ mới* là loại thơ có âm, có luật, có vần mà tánh chất nó có mang ít nhiều ảnh-hưởng của thơ Pháp (các loại thơ văn tréo, văn ôm, văn gián-cách, văn tiếp,..) từ hai chữ đến 8, hoặc 9 chữ mỗi câu

hoặc có khi nhiều hơn nữa ; còn *thơ tự do* là một thể thơ nhiều khi nó kết-hợp bởi những câu thơ mới của nhiều loại (khi 2 chữ, khi 5, 7 chữ...) hoặc nó là những câu không nhất-định số chữ và cũng chẳng cần niêm luật, vần điệu gì cả. (1)

Loại thơ tự-do thứ nhất còn có thể gọi là *thơ* vì ít ra nó còn giữ ít nhiều tánh chất về thơ, còn loại sau thì, nó đã hoàn-toàn gột rửa sạch những tánh chất của thơ, có phải là để thay đổi toàn-diện ?

Liệu *Thơ Mới* còn giữ vững vị-trí của mình trên thi đàn trước Thơ Tự-Do không ?

Thời - kỳ tranh giành ảnh-hưởng này nên mệnh-danh cho nó là thời-kỳ « *Đệ nhị đại chiến trong thi-ca V.N* »

Khác với Thời-kỳ « Đệ Nhất đại chiến » Thơ Mới đã phải bị tấn công võn-vã và liên tục cho đến khi nắm được phần ưu thế, lần này, trái lại thơ tự-do vẫn được tự-do thao-túng mà không bị trở - ngại bởi những đợt tấn công dồn-dập của phe địch ; có phải đó là một sự mặc nhiên công nhận hay là một thái-độ khinh-lờn ?

Nói đến thơ Tự-do mà không nói đến những lãnh-tự của chúng, kể cũng là một thiếu-sót không ít vạy.

Lãnh-tự của chúng là những ai ?

Không ai có thể biết rõ ai là vị lãnh-tự khởi-nghĩa của chúng và ở vào khoảng thời-gian nào; ngày nay người ta chỉ còn biết được những vị lãnh-tự hiện đại của chúng chính là nhóm Sáng Tạo với một Thanh-Tâm-Tuyền cầu - kỳ, với một Nguyễn-Sa khó hiểu... hình như họ cố ý vạch riêng một đường lối cho thi-nghiệp của họ.

Xung quanh họ còn có những tay kiện-tướng vững - vàng mà một Quách - Thoại tuy đã chết vẫn không làm cho người ta quên lãng, một người sông Thương, một Tô-Thùy-Yên, một Trần-Thanh-Hiệp, một Phan - Lạc - Tuyên... dù sao cũng vẫn là những tay chịu đòn gan lỳ trước những đối-thủ bất kỳ với ai và từ đâu đánh tới,

(1) Chúng tôi sẽ bàn đến, trong 1 bài khác, thế nào là **Thơ Mới**, thế nào là **THƠ TỰ-DO**.

Trận 'Đệ-nhi Đại-chiến trong Thi-ca V.N.' không rầm-rop, không bùng nổ một cách dữ-dội, mà chỉ là một chiến-tranh nguội, âm-thầm khai-diễn trên võ đài trước dư-luận, các đối thủ không ghìm đánh nhau, mà chỉ đang tìm một thế đứng vững vàng để có thể ngăn đỡ những ngón đòn tấn công của địch.

Nói thế, không có nghĩa là cuộc thế bị chìm trong quên lãng, kỳ thật chúng cũng đã bùng nổ ở một vài địa-điểm rồi, song chỉ là một vài chiến trường lẻ tẻ thôi. Kỳ thật toàn diện vẫn chưa công-khai mở màn : đó là những Đình Hùng, Hồ-đình-Phương, Như Tự... của nhóm V.N.T.P, đã từng nổ súng trước bằng những trận tấn-công ồ-ạt với những lợi khí có sẵn trong tay, Biết đâu đó lại không là những trận đang mở màn cho cuộc chiến toàn-diện sau này ?

Trong khi người ta đang đợi chờ một phản ứng của phái Tự-Do trước một vài 'cú' khai mào thì chiến-trường lại rơi vào trong im lặng, bởi sự im lặng của phái bị công-kích.

Họ chịu thua chăng ? Hay là họ đang lặng-lẽ xây dựng một

chiến trường mới và nhờ thời-gian và bước tiến của thi-ca, để họ nắm vững lấy ưu thế như 18 năm về trước phái *thơ mới* đã làm ?

Cũng có thể đúng và cũng có thể không đúng !

Cũng có thể đúng vì họ muốn sẽ lợi dụng ở hoàn-cảnh lịch-sử để tạo lấy những điều-kiện tranh đấu cho một cuộc chiến gay-go và phức-tạp mà họ như những đoàn quân phiệt từ một nơi xa lạ nào, không được cảm-tình của công-luận, kéo tràn vào nội-địa thi-ca V.N để theo chiến-thuật 'Tầm ăn lên' mà dần-dần xâm-chiếm lấy địa-vị của thơ cũ và thơ mới trên thi đàn dân-tộc, bằng cách đi chinh-phục tình-cảm của công-luận.

Bởi vậy họ không công khai trả đũa đối thủ khi bị tấn công có phải là để húng lấy những trận đòn đau đớn hầu chiếm lấy cảm tình của khán-giả bằng một sự thương-hại ? để rồi họ sẽ vùng lên quật ngã đối-phương với sự cõ-vỏ của công chúng ?

Cũng có thể không đúng vì hoàn-cảnh biến đổi ngày nay khác với 18 năm về trước, hơn nữa đường hướng của họ không

căn bản, không nhất-định, bởi họ không có một thuyết nào khả-dĩ cho mọi người tin-tưởng ở họ, ở đường-lối của họ cả.

Ngày xưa, *Thơ Mới* đã chiến thắng oanh-liệt trước *Thơ cũ*, bởi *thơ mới* có những nét duyên-dáng, phóng túng của một cậu trai vừa 18, đôi mươi, một cậu trai mạnh-mẽ có học-thức, có lý-thuyết để chinh-phục ! cô gái trước đối-thủ là một cụ già tự đời Đường xa xưa còn sống sót lại, lưng mỏi, gối dòn lờ nói không còn hấp-dẫn như xưa thì bảo sao họ lại không dễ-dàng chiếm-đoạt cô gái kia được ?

Còn ngày nay ? Anh chàng *Thơ Mới* có phải đã lùi về quá khứ rồi chăng ? Không, anh ta chưa già, chưa cằn-cỗi, chưa mất phong độ của thời trai-trẻ thì đó ai có thể quật ngã họ được ?

Đành rằng *Thơ Tự-Do* ngày nay cũng là 1 chàng thanh-niên kiến-thức, nhưng mang phải một cái tật đờ-dẫn, lập dị, liệu có đủ điều-kiện để thấu đoạt chiến thắng trước anh chàng *Thơ Mới* còn đầy đủ phong độ chăng ?

Xưa nay, bất cứ một nhà lãnh tụ nào cũng phải tin ở tài, ở sức, ở lý thuyết, ở đường lối của

phái mình để tranh-đấu hơn là nhờ hoàn-cảnh bên ngoài đưa tới, nếu có chăng chỉ thêm một yếu-tố để có đủ điều-kiện tranh-đấu, chớ không phải đó là yếu-tố căn-bản để tranh-đấu.

Tôi tin phái lãnh-đạo thơ Tự-Do cũng có một quan-niệm như thế.

Tôi tin rồi đây thơ Tự Do sẽ còn có nhiều biến cải hơn để giữ vững một uy-thế trên thi-đàn dân tộc, nếu nó không muốn bị rơi vào trong quên lãng bởi 1 sự hững hờ của công-chúng.

Tôi tin rằng rồi đây **THƠ MỚI** sẽ gặp phải một đối thủ đáng sợ hơn để tự nó phải thao luyện nhiều hơn nữa.

Trước 1 đối thủ tầm thường kẻ chiến-thắng chưa hẳn phải là người tài ba.

Rồi được **THƠ MỚI** sẽ là kẻ chiến bại ? Hay sẽ hát lại khúc vinh-quang của 18 năm về trước ?

Chờ xem.

Kỳ sau : Uy thế của thơ Mới ngày nay

— 18 năm trước **THƠ MỚI** đã chiến thắng rực rỡ,

— 18 năm sau **THƠ MỚI** có còn đầy đủ phong độ ?

— Những kiện tướng của **THƠ MỚI** ngày nay là ai ?

Kính đáp Sư ông

Thích Thiện Châu

NAGASENA

ngụy biện hay không ?

* THĂM THỆ HÀ

TRONG *Phổ-Thông* số 31, Sư ông Thích-Thiện-Châu có nhã ý đặt lại vấn đề *Phép tỷ-luận Đông-Phương*. Trước hết, tôi thành-thật hoan nghênh Sư-ông đã thốt lên tiếng nói của mình để cho vấn-đề thêm sáng tỏ và cũng thành thật cảm- tạ Sư-ông đã tỏ ý tán đồng quan-niệm của tôi về phép tỷ-luận của cổ-nhân.

Sau đó, Sư-ông đặc-biệt đề cập đến trường-hợp Đức Nâgasena (Na-Tiên) Sư ông cho rằng Đức Nêgasena không phạm phép tỷ-luận và không có ngụy-biện.

Theo Sư ông, tôi đã kết án Nâgasena là ngụy-biện vì tôi đã dùng lầm chữ CỬA (thay vì chữ LÀ) trong mấy câu văn sau đây :

— Nếu không có người Nâgasena thì tác-khĩa có phải CỬA Nâgasena không ?

— Lòng-khĩa có phải của Nâgasena không ? v.v...

Rồi Sư ông dẫn chứng nhiều tài-liệu về Phật-giáo trong các sách Việt, Tàu, Pháp, chứng tỏ rằng vua Milinda đã dùng chữ LÀ, chứ không phải chữ CỬA.

Lời biện-minh của Sư-ông Thích-Thiện-Châu đã biểu-lộ một thiện-chí rõ-rệt đối với những

thắc-mắc liên-quan đến Phật-học. Nhưng chính cái thiện chí ấy lại làm cho tôi càng thêm thắc-mắc và tôi tin rằng còn bao người — trong số đó có rất nhiều vị Phật-tử — cũng mang một vài thắc-mắc như tôi. Vậy tôi xin mạo-muội trình-bày một vài quan-diểm, rất mong Sư-ông hoan-hỷ cho :

I. — Sư ông cho là tôi dùng sai chữ CỬA để kết án Đức Nâgasena. Điều đó thật là oan cho tôi. Tôi chỉ cố ý nêu lên một vài khuyết - điếm thông-thường trong phép tỷ-luận của người xưa, chớ nào dám kết-án một vị La-hán. Tôi nghĩ ai cũng không tránh khỏi được khuyết điếm, dầu người ấy là bậc sáng suốt đến đâu đi nữa. Huống chi ngày xưa phép Tỷ-luận tuy đã có nhưng chưa quy-định nguyên-tắc rõ-rệt thì sự áp dụng sơ-hở vẫn là sự thường.

Vua Milinda đã dùng chữ CỬA hay chữ LÀ ? Về vấn đề này, một phần tôi đã căn cứ theo tài-liệu của nhiều bậc đại-đức, nhiều vị học-giả, giáo-sư có tiếng là biên-khảo đứng đắn, dịch-thuật chính-xác ; một phần khác

tôi phải nhờ đến sự xét - đoán của lý-trí vì tài-liệu nhiều khi mâu - thuẫn và không nhất-trí với nhau.

Tôi đã hân hạnh được đọc hai quyển *Na-Tiên Tỷ-Kheo Kinh* của Đoàn Trung Còn và quyển *Les questions de Milinda* của Finot, trong đó các tác-giả đều dùng chữ LÀ.

Tôi lại được đọc những tác-phẩm nghiên-cứu về triết - lý Phật-giáo có tiếng là đứng - đắn và chính-xác nhất ở nước ta :

— *Phật - giáo triết - học* của PHAN-VĂN-HÙM (do nhà Tân-Việt xuất - bản năm 1958, trang 48-49).

— *Biện-chứng giải-thoát trong Phật - giáo* của NGUYỄN-VĂN-TRUNG (giáo - sư triết-học Đại-học Văn - Khoa Huế) do nhà Đại-học xuất - bản năm 1958, trang 60-61.

— *Nho-giáo và Phật-giáo* của HOÀNG-CHÍNH-VĂN đăng ở tạp-chí Văn-hóa Á-châu (cơ-quan hội Việt-Nam nghiên-cứu văn-hóa Á-châu) số 16, tháng 7, năm 1959.

Trong các tác - phẩm và tạp-chí này, các tác-giả đều dùng

chữ CỬA. Đó là tôi chỉ đưa ra vài tác-phẩm điển-hình, ngoài ra còn rất nhiều tác-phẩm, tạp-chí khác cũng dùng chữ CỬA.

Vậy thì CỬA hay LÀ ? Điều làm cho tôi ngạc-nhiên là : những tài-liệu nghiên - cứu về Phật-giáo đầy đầy những mâu-thuẫn như vậy, tại sao bấy lâu nay những bậc đại - đức uyên-thâm về Phật - học không đính-chánh lại đề cho các phật - tử khỏi hiểu lầm ? May là tôi nêu lên phép Tỉ-luận của Nâgasena khiến cho Sư - ông Thích-Thiện-Châu phải lên tiếng. Nếu không, vấn-đề bao giờ mới được sáng tỏ ? Và các bậc học rộng, hiểu sâu, chỉ nghĩ mà không nói ra, cái tác-dụng của sự cam-nín ấy lại càng tai-hại gấp bội phần.

2— Bây giờ tôi xin bàn đến chữ CỬA và chữ LÀ trong câu truyện giữa Milinda và Nâgasena.

Có hai trường-hợp đề hỏi. Có người không biết mà hỏi. Có người biết mà hỏi để người khác trả lời đúng theo ý của mình. Milinda và Nâgasena đều ở vào trường-hợp thứ nhì, Chỗ khác nhau là cái biết của Milinda là cái biết tương đối và cái biết của Nâgasena là cái biết tuyệt đối.

Bởi có cái biết tương-đối, nên vua Milinda mới hỏi : « Nếu không có người Nâgasena thì tóc kia có phải CỬA Nâgasena không ? » để vị la-hán trả lời theo ý mình : « Phải ». Nhưng trái với ý vua, Nâgasena trả lời « không ».

Milinda chỉ biết tóc kia là của Nâgasena mà không biết Nâgasena là cái sắc tướng chứ không phải là cái bản ngã. Vậy cái biết của Milinda là biết tương đối.

Sư ông Thích-Thiện-Châu bảo : « Hai đàng tranh-luận về thuyết Vô ngã. Nếu nhà vua quả có hỏi tóc kia có phải CỬA Nâgasena không ? thì câu chuyện đã lạc-hướng rồi. Đức Nâgasena đã bảo không có Nâgasena mà còn hỏi phải CỬA Nâgasena thế nào được ? ».

Theo tôi, Sư ông Thích-Thiện-Châu đã hiểu lầm nhà vua ở chỗ này và Sư ông không hiểu được sự cố ý dùng phép tỉ luận của Milinda. Quả thật, Đức Nâgasena đã bảo không có Nâgasena, nhưng nhà vua đâu có dễ-dàng tin ngay được. Và vì không tin nên nhà vua mới dùng phép QUI - NẠP TỈ - LUẬN để hỏi vị La - hán, muốn cho vị La-hán trả lời theo ý mình.

Theo QUI-NẠP TỈ-LUẬN PHÁP, người ta phải đưa ra những hình ảnh so sánh từng chi tiết để đi đến một kết luận tổng quát hầu nêu ra một định luật chung.

Nhà vua bắt đầu hỏi từng chi tiết một : tóc, lông, da, thịt, xương, răng, hình sắc, cảm giác, trí-tuệ .. để cho vị La hán trả lời « Phải » ở mỗi chi tiết. Nếu Nâgasena đáp ; « Phải », nhà vua sẽ đi đến kết luận tổng quát là : có Nâgasena. Không đề vị La-hán đã đánh lạc kết luận của nhà vua, rồi lại dùng QUI - NẠP TỈ - LUẬN PHÁP để cho Milinda phải trả lời lại theo ý mình, hầu đi đến kết luận là : Vô ngã.

Do nhận xét trên mà tôi cho vua Milinda dùng chữ CỬA mới hợp lý và hợp với tinh thần buổi vấn-đạo. Giả sử Milinda hỏi : « Nếu không có người Nâgasena thì tóc kia có phải LÀ Nâgasena không ? » thì rõ ràng là một câu hỏi ngớ ngẩn đến buồn cười. Ai lại không biết tóc không phải là người ?

Ta có nghe đũa trẻ nào hỏi : « Lá kia có phải là cây không ? Hoa kia có phải là cây không ? »

Đũa trẻ còn không đến nỗi hỏi một cách ngớ ngẩn như vậy, huống hồ là một vị vua Hy-Lạp. Hơn nữa, nếu Milinda hỏi như thế, chắc chắn Nâgasena sẽ trả lời : « Không », thì ra cách đặt vấn đề của nhà vua lại sai bét.

Tôi không tin rằng Milinda dùng chữ LÀ để hỏi Nâgasena.

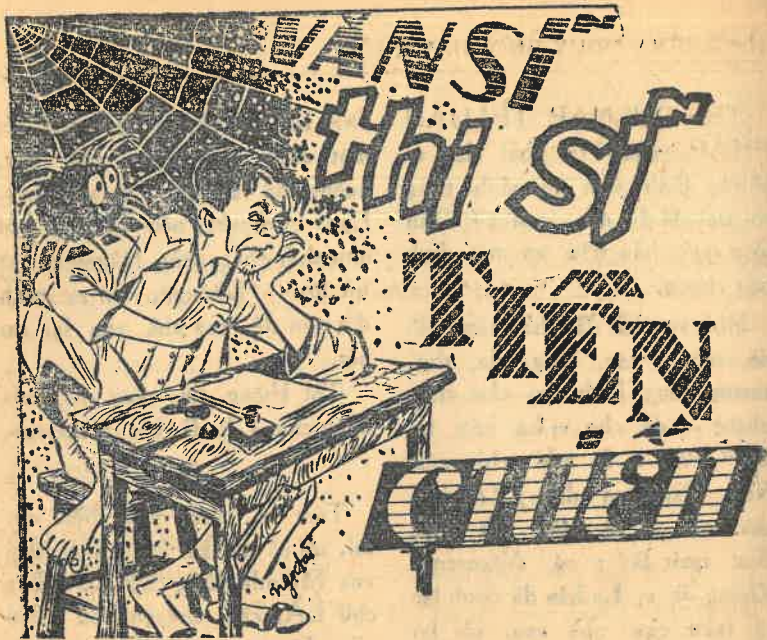
★

Tóm lại, theo quan-diểm của tôi, tôi có thể kết luận rằng : đầu vua Milinda dùng chữ CỬA hay chữ LÀ, câu chuyện vấn - đạo của nhà vua cũng không thoát khỏi tính-cách nguy-biện.

Trong Kinh Kalama, Đức Phật có dạy : « Đừng vội tin điều gì dù điều đó do quyền-năng của một bậc thầy hoặc do quyền-lực của một nhà truyền-giáo. Tất cả những gì hợp với lý-trí xét-định, hãy tin ».

Vậy nếu tôi đã có bài bàn về Phép tỉ-luận của Đức Nâgasena và nay lại có đôi lời biện-minh cùng Sư ông Thích - Thiện-Châu, đó là tôi noi theo lời dạy bảo của Đức Phật. Mong Sư ông hiểu cho sự thành tâm thiết ý đó.

THÂM-THÊ HÀ



(Xem P. T. từ số 30)

★ NGUYỄN - VỸ

CÓ thể nói rằng làng Văn Việt nam hồi Tiên-chiến không có đông lắm. Nguyên-nhân cũng dễ hiểu. Vì đại đa số người trí-thức đều vào làm việc trong các công-sở, được lương bổng tương-đối khá đầy-đủ so với nếp sống chung của dân-tộc.

Chỉ còn lại những người nào quá ham-chuộng văn - chương mới tách ra ngoài để viết văn.

Trừ ra một vài ngoại-lệ, — một vài tài-hoa lỗi-lạc thiên-nhiên, như ANH - THƠ, NGUYỄN - BÌNH cũng như trường - hợp HỒ - XUÂN - HƯƠNG ở Thế kỷ XIX, — còn thì đa số các nhà Văn Thơ hồi bấy giờ đều có căn-bản học-thức và Văn-hóa khá vững-vàng.

Như các bạn đã biết, — ảnh hưởng của Văn-chương và tư-tưởng Pháp đã đóng một vai

VĂN SĨ THI SĨ TIỀN CHIẾN

trò quan hệ trong việc nẩy-nở các tài-năng văn-ngệ hồi tiền bán Thế-kỷ XX.

NGUYỄN-KHẮC-HIỆU là một trong thiếu-số đại-diện cuối-cùng của Văn-chương Việt-Hán. Nhiệm-kỳ lịch-sử của phái này đã mãn, nhường bước cho lớp thanh-niên Âu-học đã được ít nhiều tâm-nhuận văn-chương tư-tướng Âu-Tây, hăng - hái đem vào Thi-văn của Dân-tộc một thời-thức mới về cách phô-diễn, về cảm-tình, về tư-tướng.

Đám người mới này rất say-sưa với Văn-ngệ. Hầu hết đã gạt bỏ những hào-nháng vật-chất, những thích-thú tâm-thường về tiền-tài, danh-vọng, để xả thân vào lý-tưởng phục-vụ cho Trí-óc. Họ không phải là những kẻ đã thất-vọng ngoài đời thực-tế, những kẻ đã hư-hỏng hoặc những chàng thất-nghiệp không nơi nương tựa, ôm cây bút mà nhảy đại vào làng Văn để tìm chỗ dung thân.

Nói thực ra bởi vì làng Văn là một địa-hạt phiêu-diêu, mênh-mông, mở rộng ra bốn gió, tiếp đón nhân tài bốn phương,

không có hàng rào, không có biên-giới, cho nên cũng có một số người vào đây để lập thân nhưng dần dần bị thời-gian gạt bỏ ra ngoài, hoặc bị hất trong bóng tối, bị chìm rơi trong quên-lãng. Có lẽ tại vì những người ấy thiếu các điều kiện văn hóa chẳng ? Dù sao, lịch sử Văn-học cũng đã chứng tỏ cho chúng ta thấy rằng luật đào thải thiên nhiên không thu-nạp những kẻ kém tài năng và kém căn-bản văn-hóa trong địa-hạt Văn-chương.

Như các bạn đã biết, hầu hết các nhà Văn Thơ Tiên-Chiến đều có một trình-độ học-thức có thể gọi là khá cao. Nhờ sự cố gắng tự học thêm sau khi thi đỗ các bằng cấp, và cố gắng trau giồi Văn-hóa ngoài chương-trình học-vấn của Học-đường, đọc nhiều các sách báo Ngoại-ngữ, hiểu biết khá sâu rộng về các môn Văn-học, Sử học và Triết-học Đông Tây, rút được một số kinh-nghệm mới về nghệ-thuật viết văn nghĩa là nghệ thuật phô-diễn tư tưởng, các nhà Văn Thơ ấy đã tỏ ra thèm-khát các món ăn tinh-thần đến cao-độ, và đã hấp-thụ được

khá nhiều các tinh-túy văn-hoa kim-cổ, Đó là những hạt giống quý báu mà họ đã lượm được qua mấy nghìn năm Văn-hóa của Loài người. Tài-năng chỉ là một miếng đất thiên-nhiên của Thượng-đế đã ban riêng cho họ, để họ deo rắc những hạt giống kia vào, để rồi chúng ta được thấy nảy nở cả một mùa Văn - Thơ, phong - phú, bất-diệt, phảng phất bao nhiêu hương sắc đượm đà, bát-ngát, thơm tươi, trong vườn hoa Văn-nghệ của Giồng-Nòi.

Họ say-mê Lý-tưởng Văn-nghệ, cho đến đổi một số đông các Văn Thi-sĩ Tiền chiến đã sẵn sàng gạt bỏ hết những xa-hoa của danh-vọng, của chức tước, và khinh-mạn cả uy-quyền của chế-độ đương thời. Người ta thấy, thí-dụ như NGUYỄN-NHƯỘC - PHÁP, PHẠM-HUY - THÔNG, thi đỗ cử-nhan Luật, mà vẫn không đi làm việc cho chính - phủ; KHÁI-HƯNG, LAN-KHAI-NGUYỄN-TRIỆU - LUẬT bỏ nghề giáo - viên, NGUYỄN-TUÂN từ chối hết các chỗ làm, v.v... để phụng-sự hoàn-

toàn cho Văn-nghệ.

Mặc dầu hồi tiền chiến cuộc sinh-hoạt chung trong nước không đến nỗi khó - khăn lắm, và nghề xuất bản sách tương-đối còn khá hơn ngày nay nhiều, nhưng ngòi bút vẫn không sao nuôi được nhà văn, và đa số Văn-sĩ Thi-sĩ chỉ biết sống ngày nào là hay ngày nấy.

Tuy nhiên, hình như các nhà Văn thích sống như thế hơn. Đời sống tinh-thần, tự-do phóng-túng, đầy thi-vị hơn, có lẽ thích-hợp với tâm-tính của họ và lý - tưởng của họ hơn. Quan-niệm chung của các lớp Thi Văn-sĩ Tiền-chiến, về tư-cách của « con nhà Văn », là giữ tinh-thần được thanh-cao, thanh-cao trong làng-mạn, thanh-cao trong tự-do phóng-đăng, thanh-cao cả trong truy-lạc vật chất nữa.

Vì thế nên chính - quyền Thuộc - địa của người Pháp không bao giờ mua chuộc được các thi-văn sĩ hồi Tiền-chiến. Trừ ra một vài cá-nhân hầu như đã cam kết phục - vụ cho chính sách của « Nhà - Nước

Bảo - Hộ », — như PHẠM-QUỲNH, NGUYỄN-TIỀN-LĂNG,... còn thì tất cả các nhà Văn khác, đều đứng biệt-lập trên một địa - điểm hoàn-toàn Văn - hóa. Nghèo như NGUYỄN-VĂN-VĨNH, nợ-nần lung-tung, nhà cửa hình như bị hãm-dọa tịch-biên mấy lần, ấy thế mà ông chủ-nhiệm báo *L'Annam Nouveau* vẫn cương quyết từ-chối một mẽ-đây về-vang nhất của Pháp, là *Bác-đầu Bội tinh* mà chính - phủ Pháp tặng ông, và một món tiền phụ-cấp.

NGUYỄN - KHẮC - HIẾU, suốt trong thời-kỳ cơ-cực, vẫn không hề ngửa tay nhận lấy một ân-huệ gì của Phủ Toàn quyền. Mãi sau khi Thi-sĩ đã chết rồi, bà vợ của ông mới nhận một môn-bài bán rượu do Nguyễn-Tiến-Lăng, là em ruột của bà, xin phủ Toàn-quyền cấp dưỡng cho.

Không hề có những nhà Văn chạy theo « bọ dít » Chính-quyền thuộc - địa. Không có những kẻ bán tiện bị-ối chuyên môn đi « liếm gót giày » — des lèche - bottes — của các quan Nam Triều hay của Pháp.

Không có « những nhà Văn ăn tiền của chính-phủ ». Tất cả là nhà Văn ăn rau muống của nhân-dân, những nhà Văn của Dân-tộc. Những nhà Văn Việt-nam.

Trái lại, phần đông Văn-sĩ Thi-sĩ Tiền-chiến đều có tinh-thần quốc-gia rất mạnh. Trừ một số ít khi quan-tâm đến quốc-sự, như LƯU-TRỌNG-LƯ, THẾ-LŨ, NGUYỄN-CÔNG - HOAN, LÊ VĂN-TRƯỜNG, v.v... còn thì hầu hết đều thiết-tha một hoài-bào tự-do độc-lập cho Quốc-gia. Những người như LAN-KHAI, VŨ - TRỌNG - PHỤNG, KHÁI-HƯNG, NGUYỄN-TRIỆU-LUẬT, nếu có chiến tranh, đều sẵn-sàng « xếp bút nghiên mà lo việc binh đao ». Chứng có đau đớn nhất là từ 1945 về sau, một số khá đông các Văn Thi-sĩ Tiền-chiến đã bỏ mình ngoài trận địa hoặc chết dưới gươm đao của kẻ thù.

Có điều này mới nghe hình như mâu-thuẫn, mà chính là một thực-tế rất tốt đẹp, là các Văn-Thi-Sĩ Tiền - Chiến hấp-thụ được rất nhiều các tinh-hoa Văn-nghệ Pháp, thẩm - nhuần

rất nhiều những tư-tưởng Pháp, họ rất yêu chuộng các Thi-sĩ Văn-sĩ Pháp cũng như các Văn-sĩ Tây Âu, ấy thế mà họ vẫn không chịu cho người Pháp cai trị Đông Dương, họ vẫn có hoài vọng đánh đuổi người Pháp, để thu hồi độc-lập cho Quốc gia.

Bởi vì tinh - thần quốc - gia chủng tộc bao giờ cũng mạnh hơn Văn - hóa. Xưa kia, các cụ nhà ta học chữ Hán, làm thơ Hán, viết văn Hán, ca-ngợi các nhà Thơ Tàu, và chuyên môn theo nề-nếp của họ, thế mà vẫn không chịu cho người Tàu cai-trị. Ngày nay cũng thế. Các Thi văn sĩ Việt-nam có thể rất yêu chuộng RONSARD, CORNEILLE, VOLTAIRE, VICTOR HUGO, La COMTESSE DE NOAILLES, COLETTE, SA-CHA GUITRY... , nhưng nhất-định không muốn có một ông Toàn-quyền Pháp ngồi trên đầu Tổ-Quốc của ta.

Tôi đã nói : trừ một vài cá-nhân, còn thì hầu hết các nhà Văn nhà Thơ Việt-nam thời-kỳ Pháp đô - hộ, đều có yêu chuộng Văn-thơ Pháp đến mức nào chăng nữa cũng không bao

giờ chịu cho Nòi-giống mình bị kèm-chế dưới ách nô-lệ của thực-dân Pháp. Văn - hóa là Văn hóa, chính-trị là chính-trị. Tinh-chất trường tồn bất-diệt của Văn-hóa chính là ở chỗ đó. Nhà Văn-sĩ chân-chính của Dân-tộc chỉ quan - niệm Văn-Hóa là phục-vụ cho chân lý thuần-túy, cho Nghệ-thuật tuyệt hảo, cho Tư-tưởng cao-siêu. Nhà Văn-sĩ của Dân-tộc không bao giờ chịu đem văn-hóa mà quỳ-lụy dưới một chánh thể nào, một uy-quyền nào cả.

Vì vậy, ở các nước Văn-minh tân - tiến, chính - quyền thông-cảm nhiệm-vụ thiêng-liêng của Nhà Văn và rất kính-trọng các nhà Văn. Còn ở nước ta, dưới thời đô-hộ Pháp, giữa các nhà Văn nhà Thơ Việt Nam với Chính-quyền thuộc-địa có sự cách biệt hoàn-toàn. Người Pháp không để ý đến lớp Văn-sĩ mà họ không mua chuộc được, còn nhà Văn thì không muốn có một liên-hệ gì với chính phủ thuộc-địa mà họ không ủng-hộ trong nguyên-tắc, không tán-thành trong lý-tưởng.

Nhà Văn Tiền chiến chỉ sống riêng trong nếp sống của Dân tộc mà thôi.

(K) sau tiếp

mối tình cuối cùng của
ALEXANDRE DUMAS père



ra trên 30 thứ ngoại ngữ !) đến 70 tuổi ông còn mắc nợ lung tung. Ông chụp bức ảnh ông ngồi trên ghế, với vẻ mặt sung sướng, nụ cười thỏa thích, còn cô Adah thì đứng sát bên cạnh, đầu âu-yếm nghiêng kê đầu tóc bạc, một tay dịu dàng đặt trên vai ông, một tay ôm lấy trái tim ông.

Con trai của ông, cũng là nhà văn có tiếng tăm, ALEXANDRE DUMAS FILS, tác-giả quyền truyện danh tiếng *La Dame aux Camélias (Trà-Hoa nữ)* trông thấy ảnh đó, liền rầy ông :

— Ba kỳ-cục quá. Già 70 tuổi mà còn chụp hình với đứa con nít.

Ông bở cười ha-hả :

— Ừ, Ba biết, nhưng Adah yêu Ba, nàng thích chụp như thế để làm kỷ-niệm, và Ba cũng yêu Adah, con ơi !

— Ba trả tiền cho thợ chụp hình chưa ?

Ông cười ;

— Chưa.

— Ba có biết không ? Người thợ chụp hình đòi tiền Ba mấy lần, Ba chưa trả cho nó, nó tức mình. nó rửa tấm hình của Ba với cô Adah menken ra làm 100

tấm, nó gửi đi khắp các tiệm chụp hình ở Paris để bán. Nó làm như thế là nó đi bêu xấu Ba đó, Ba có thấy không ?

Dumas père nổi giận :

— Nó đi bán hình của Ba hả ? Cái thằng chụp ảnh khôn nạn !

— Tại Ba không trả tiền cho nó, nó phải bán hình của Ba để lấy tiền chớ !

— Thế là nó lợi-dụng... Nó ăn cướp. Nhưng Ba không cần, con ơi. Cả Paris, và cả nước Pháp, cả thế giới, có thấy tấm hình của Ba chụp với Adah Menken, Ba cũng đếch cần ! Ba với nàng yêu công khai, có Chúa Trời biết, chớ bộ !

Cả thành phố Paris, nhất là đám thanh niên các trường Đại-học, đều cười khúc khích về tấm hình ấy.

Có chàng sinh viên trẻ tuổi, tên là PAUL VERLAINE, Thi sĩ mồm non, có làm 8 câu thơ hài hước sau đây :

L'oncle Tom avec Miss Ada
C'est un spectacle dont on rêve.
Quel photographe fou souda
L'oncle Tom avec Miss Ada ?
Ada peut rester à dada,

Mais Tom chevauche-t-it sans
trêve ?

L'oncle Tom avec Miss Ada,
C'est un spectacle dont on
rêve !

Đại khái là :

Chú Tôm với cô nàng Ada,
Thật là một cảnh trái cựa,
Chàng chụp ảnh nào điên đã khéo
lựa

Chú Tôm chung với cô nàng Ada ?
Ada có thể ngồi trên lưng ngựa,
Mà con ngựa Tôm cứ chạy hoài
hả ta ?

Chú Tôm với cô nàng Ada
Thật là một cảnh trái cựa !

Mặc kệ. Nhà văn Alexandre Dumas-Cha cứ say mê cô tình nhân Adah Menken, Cô Nữ-sĩ 20 tuổi cũng một lòng yêu ông. Suốt ngày cô ở trong phòng kẻ rú

ri cho ông nghe những chuyện đầu đầu, tận phương trời Đông, những chuyện thần tiên mơ mộng ở xứ Do Thái và ở xứ Á-Rập, như nàng Schéhérazade kể chuyện trong một ngàn một đêm lẻ... Nàng kể với những lời rất nên thơ, với một giọng rất nên tình. Nàng ôm lấy ông, và ngâm cho ông nghe mấy bài thơ của cô làm một đêm mưa... một đêm gió... một đêm trăng...

Alexandre Dumas nghe say-mê. Ông bảo :

— Nếu quả thật ta có thiên tài, cũng như quả thật ta có tình yêu, cả hai đều là của em..

(S'il est vrai que j'ai du talent, comme il est vrai que j'ai de l'amour, tous deux sont à toi.) (1)

(1) Rút trong tập nhật ký của Alexandre Dumas père

Mối tình tan vỡ..

Tan vỡ vì hết tiền. Tình yêu ngây ngất ấy kéo dài được gần 2 năm. Nhà Văn-hào 72 tuổi không còn một xu dính túi. Cô Nữ-tài từ 22 tuổi cũng không

còn một cắc bạc. Cô phải ký hợp đồng đi diễn tuồng *Mazepa* (soạn theo một bài thơ của Thi sĩ BYRON của Anh) tận bên Vienne, kinh đô nước Autriche,

Nàng đi xa, Ông ở Paris buồn, nhớ, túng thiếu, nhưng vẫn làm thình, không nói cho ai hay. Con trai lớn của ông, Văn-sĩ ALEXANDRE DUMAS FILS, muốn giúp tiền nuôi dưỡng ông, nhưng ông không nhận, ông cứ bảo: "Ba còn tiền xài". Ông mở ra tờ báo *Le d'Artagnan*,

mỗi tuần ra ba kỳ, nhưng thất bại, vì ông buồn bực không viết gì được nữa.

Rồi ngày 10 tháng 8 năm 1868, ông được tin cô Adah Menken chết., Tình yêu cuối cùng của Alexandre Dumas père cũng chết luôn từ đây.

.....

Không làm hôn thú nữa

.....

Alexandre Dumas père có người vợ, bà CATHERINE LABAY mẹ của Alexandre Dumas fils, nhưng không có giấy giá thú. Hai người lấy nhau nhưng không hợp tính nhau, nên tự ý lìa bỏ nhau. Rồi ông sống tự do, cô độc. Bà nuôi con, ở vậy cho đến già.

Khi cô Adah Menken chết rồi, thấy cha mình buồn bã nhớ thương, mỗi ngày mỗi tiêu tụy, Alexandre Dumas fils mới đề-nghĩ làm lễ hôn-thú cho cha mẹ, để ông bà về đoàn-tụ với nhau.

Dumas fils đã thuê được một ngôi nhà đẹp để ở Neuilly vừa vặn cho cặp vợ chồng già ở dưỡng

lão. Nhưng Bà Catherine không bằng lòng. Bà bảo:

— Tôi đã 70 tuổi rồi. Tôi muốn ở yên tĩnh. Ông Dumas có về đây thì chắc là ông sẽ làm tan tác cảnh gia đình.

Nhắc đến chuyện cô Adah Menken, bà tủm tỉm cười:

— Ông thì vậy đó! Già thì già, chứ tánh nết không già!

Bà Catherine chết ngày 22-10 1868, hai tháng sau khi cô Adah chết.

ALEXANDRE DUMAS père còn sống 2 năm nữa đến, ngày 5-12-1870 ông mới tạ thế, thọ 74 tuổi.



NHƯ vậy là đôi lứa Thi, Văn trở nên vợ chồng.

Ngày cưới họ, có biết bao nhiêu thơ từ bốn phương gửi về mừng tặng. Thơ của cả các nhà thơ bạn của thi - hào Nguyễn-sắc-Xuân, của Thi, của Văn và cả của những nhà thơ không quen họ nữa.

Thi, Văn nâng-niu những oai thơ mừng như nâng niu châu-ngọc. Gần ngàn bài thơ gửi về, không có bài nào nhiễm qua chất thơ « thù-tạc ».

Đó là những bài thơ thành-khẩn nhất của những hồn-thơ thanh-cao, tuy có khác nhau về sắc-thái, về khuynh-hướng, về kỹ-thuật, nhưng đều chung một

hướng « xây-dựng Con người và xã-hội mới của Con người »

Cũng nên kể thêm rằng: ở vào thời-kỳ này, giá-trị của con người được đặt trên căn-bản tâm hồn chứ không dựa trên những căn-bản tiền-tài, học-vấn, danh-vọng, địa-vị, gia-thế v.v., như trong hai mươi thế - kỷ về trước nữa.

Một cô gái muốn giới - thiệu với cha người mình yêu để xin được làm vợ người đó.

Người cha hỏi:

— Anh ta có làm thơ bao giờ không?

Cô gái thưa:

— Dạ, hình như chưa!

Người cha hỏi lại :

— Sao con biết là chưa ?

Cô gái :

— Vì con không hề thấy anh đọc một câu thơ nào bao giờ.

Người cha « à » lên một tiếng, rồi nói :

— Chưa làm thơ, chưa đọc thơ, vậy thì tâm-hồn anh ta ô-trọc lắm. Đã ô-trọc, sao xứng làm chồng con, sao xứng làm người giữa cái thế-giới thanh-cao này. Chưa làm thơ thì còn được. Vì chưa làm thì rồi cũng sẽ có ngày làm được. Mầm tốt đã ươm trong tâm - hồn, tới ngày, tới tháng, tất sẽ vươn lên mà nảy lá, kết nụ. Nhưng chưa đọc thơ bao giờ thì ô-trọc quá lắm. Con cứ nghiệm mà xem. Người không làm thơ, nhưng thuộc thơ người khác, đọc thơ người khác, thì cũng như chính mình có làm thơ vậy. Câu thơ hay chỉ được những người có hồn thơ tiếp nhận. Nó biến vào, thấm vào trong hồn, đợi những lúc hợp tình, hợp-cảnh thì nảy lên như tiếng đàn. Người đó không làm thơ, không là thi-sĩ, nhưng có tâm hồn thơ khác chi người làm thơ.

Con không thấy ư, bá: cây ruộng, chỉ thợ cấy kia véo-von hát ở ngoài đồng những lời thơ đẹp, nào có cần biết của ai. Những lúc cao hứng đó, họ coi như thơ đó là của chính họ. Họ nhờ thơ gột rửa cho họ được những bụi bặm ô trọc mà vươn đến chỗ thanh - cao. Ta thà gả con cho những người đó còn hơn là gả cho những người nuốt đời không hề thuộc một câu thơ nào.

Đây chỉ là một chuyện.

Một cặp vợ chồng trẻ mới cưới, lần đầu tiên sống dưới một mái gia đình riêng.

Bữa cơm đầu do chính tay người vợ trẻ nấu lấy. Chẳng may nồi cơm lại khê, Người chồng mở vung cơm ra thấy vậy, reo lên :

Ồ ! Một chất thơ ! màu vàng của cơm (nói chỗ cơm bị ám lửa) mới đẹp sao ! Mùi thơm của cơm (mùi cơm khê) mới ngây ngất làm sao !

Anh ta thật tình mà reo lên như vậy không chút giả dối. Tức nhiên trong bữa cơm ấy, nồi cơm khê đã mang lại cho anh ta một tứ thơ rất lạ.

Sự vụng-về của người vợ

không còn là một mối khó chịu cho người chồng, như ước-lệ sản có từ hai ngàn năm trước nữa.

Người đàn-bà vào lúc ấy mới thật là được giải-phóng và bình quyền thực sự dưới mắt nhà thơ trong một xã-hội rất thơ,

Cũng nên kể thêm, vào năm 2002 một thi-sĩ không chịu xưng tên thật, lúc thì ông ta nhận tên là «hoa», lúc thì ông ta nhận tên là «cỏ», đã làm một việc đảo-lộn thêm nếp sống của nhân-loại

Trong một đại-hội thơ, thi-sĩ nọ đã đọc lên một bài thơ, lên án chính sách tiền tệ của loài người, Trong bài thơ ấy, ông ta cho rằng chính đồng tiền đã làm giảm giá của người và giết chết dần mòn tình cảm của con người. Nhân-loại tưởng rằng phát-minh ra tiền-tệ là đã bước được một bước đến văn-minh, nhưng chúng ta đã tự phá hủy mình mà không biết. Nhà thơ nọ đòi hủy bỏ tiền-tệ mà làm sống lại phương sách đổi trác như buổi văn-minh tiền-cổ, như khi loài người chưa va vào chỗ man rợ của những thế kỷ về sau này,

Chủ-trương ấy được các nước nghe theo. Do đó những

nỗi đau khổ của loài người về bá-quyền của đồng-tiền không còn có nữa. Nó hạn chế được những sự ganh ghét giữa người với người, giữa quốc-gia này với quốc-gia khác.

Sự xa-xỉ phung-phí được coi như những hành-vi phản-bội Một người không có việc đáng phải đi xe tự cảm thấy thẹn-thùng khi ngồi trên một chiếc xe, kể ăn quá no tự thấy xấu-hổ khi bên cạnh, chung quanh mình vẫn còn có người ăn đói.

Trong xã-hội mới, do những người Thơ điều-khiển này, không có những danh-vọng xuống, địa-vị hào, mà chỉ có trách-nhiệm và bổn-phận. Danh vọng nếu có thì chỉ có ở chỗ khi nào trách-nhiệm và bổn-phận đã làm tròn.

Và cũng chỉ tự đẩy, nhân-loại mới thực bước chân đến một nền văn-minh thực-sự.

Tiếng hát Cầu-ca cũng tự đẩy mới vang-vọng khắp nơi. Loài người mới thực sống kiếp người có ý-nghĩa của mình. Ý-kiến, chỉ một ý-kiến thôi, nếu cần phát biểu thì con người của thế-kỷ hai mươi mốt sẽ chỉ nói :

« Người Thơ, quả đã xứng với lòng tin cậy của nhân loại ! ».

== HẾT ==

Những người đàn bà
lừng danh trong

LỊCH - SỬ

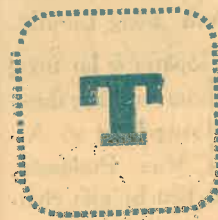


CLÉOPÂTRE

HOÀNG-HẬU AI-CẬP

69 — 30 trước J.C.

★ TÂN - PHONG



H Ờ I kỳ mà ở nước ta, nhà Triệu bị nhà Hán sang đánh lấy nước và đời Nam-Việt thành Giao-chỉ quận, thì ở bên trời Âu, một người đàn bà đang làm nghiêng nước nghiêng thành cả một đế quốc, chỉ vì sắc đẹp của nàng. Tên nàng đã lừng lẫy trong Lịch-sử, hồi 40 năm trước chúa Jésus ra đời: đó là CLÉOPÂTRE, Hoàng hậu trẻ tuổi của xứ Ai - Cập, vợ của Hoàng-đế La-Mã, Julius CÉ-

SAR, rồi khi César chết, lại là vợ của Đại-tướng La - Mã MARC ANTOINE.

Nhà Văn-sĩ triết-học Pháp, PASCAL, trong quyển *Penseés*, đã nói về nàng như sau đây: "Giá sử cái mũi của Cléopâtre ngắn hơn một chút, thì có lẽ tất cả bộ mặt của trái đất đã bị thay đổi hẳn". (Le nez de Cléopâtre, s'il eût été plus court, toute la face de la terre aurait été changée). Pascal muốn nói rằng tình yêu đôi khi có một nguyên do rất nhỏ nhưng có hậu quả rất ghê gớm. Sắc đẹp tuyệt trần của Cléopâtre đã làm cho

lung lay Đế quốc La-Mã, suýt nữa làm xáo trộn cả Châu Phi, Châu Á, Châu Âu... và chỉ trong khoảng mười, mười lăm năm thôi.

CLÉOPÂTRE VI là con gái của vua AI-CẬP, PTOLEMÉE AU-LÈTE, Nhà Vua chết, truyền ngôi lại cho em trai của nàng.

Nàng là Ptolémée XIV. Nàng muốn dành ngôi, bị người em bắt đày đi xa. Nhưng khi nàng nghe tin Danh tướng La-Mã, CÉSAR, sau khi thắng trận lớn ở Pharsale, đánh bại được kẻ thù Pompee, đồ bộ lên hải cảng Alexandrie của Ai-Cập. định chiếm luôn xứ này, thì Cléopâtre lập mưu kế để gặp César.

Cléopâtre soạn một giỏ áo mới may cho lính, nàng chui vào nằm trốn dưới đồng áo, và sai bốn kẻ hầu hạ trung thành khiêng giỏ vào Tổng hành dinh của César.

Bốn người hầu thừa với César: "Thưa Ngài, đây là giỏ áo của Công chúa Cléopâtre tặng Ngài để Ngài ban cho binh sĩ". César hỏi: "Công chúa Cléopâtre đâu?"

Đại tướng La-Mã vừa hỏi

xong, thì bỗng dựng từ dưới lớp áo xếp đầy trong giỏ, chui ra một nàng công chúa diễm lệ tuyệt trần. César ngạc nhiên đăm đăm ngó nàng. Nàng có sắc đẹp quyến rũ mê hồn, nhuộm một nụ cười tình làm điên đầu vị Đại-tướng lừng danh nhất trong Lịch sử từ xưa. César lầm bầm hỏi, như điên như dại:

— Cléopâtre?... Nàng là Cléopâtre?...

Nàng sụp quỳ ngay bên chân César:

— Vâng, Cléopâtre... người tôi tớ của vị Anh hùng La-Mã.

Đêm ấy, Cléopâtre ở lại trong dinh César, và hôm sau nàng được tôn lên ngôi Hoàng-Hậu xứ Ai-Cập. Em nàng, Vua Ptolémée, chống lại César liền bị giết chết.

Cléopâtre đóng đô ở Alexandrie để được ở gần người yêu. Vì yêu nàng, César không chiếm đóng Ai-Cập nữa và còn giúp cho nàng xây dựng xứ sở. César mê Cléopâtre, ngày đêm cứ quấn quít bên cạnh nàng, không rời ra nửa bước.

Ngài ở luôn đó trên ba tháng, thì Hoàng-hậu Cléopâtre thọ thai.



CÉSAR

César kéo binh về La-Mã, được dân chúng hoan hô nhiệt liệt, và được tôn lên làm Hoàng-đế. César liền cho gọi Cléopâtre qua La Mã ở với ngài. Ngài cho đúc một pho tượng của Cléopâtre, đặt trong đền thờ Nữ-thần Venus. Ở La-Mã được sáu tháng, Cléopâtre trở về Ai-Cập, sanh được một con trai, con của César, mà nàng đặt tên là CÉSARION.

Rồi Hoàng-đế César chết.

Cléopâtre lúc bấy giờ mới 24 tuổi.

Cléopâtre vô cùng đau xót, ngày đêm đóng cửa ở trong Cung điện, không hề bước ra ngoài.

NHƯNG nàng lại được tin Đại-tướng MARC ANTOINE, cũng một vị anh hùng quốc thước của đế quốc La-Mã, được phái đi chinh phục các nước miền Đông, và bắt đầu là Ai-Cập. ANTOINE kéo chiến thuyền đổ ngay cửa biển Alexandrie, sắp lên lấy thành. Nhưng Cléopâtre quyết xoay lại tình thế, và hết sức tham lam, nàng nuôi hoài bão lấy sắc đẹp để quyến rũ Antoine, rồi dùng Antoine để đánh lại đế quốc La-Mã, xâm chiếm cả Châu Phi và Châu Á, để thu hết thế-giới về trong tay nàng, để nàng sẽ truyền ngôi báu cho Césarion, con trai của nàng và của César.

Sự thực, chính là Cléopâtre vẫn tưởng nhớ đến César, quyết để cho con trai của nàng và của César ngày-sau nối nghiệp lớn của

nhà Đại anh hùng, làm bá chủ hoàn cầu. Chớ Cléopâtre thật tình không yêu Antoine. Nhưng nàng quyết lấy sắc đẹp để quyến rũ vị Đại tướng này làm tay sai cho nàng. Antoine là một người lực lưỡng, to lớn, tóc quăn xuống đến cổ, như vị thần Apollon, râu xồm xoàm, ngực rộng, vai to, 50 tuổi. Khi được tin chiến thuyền của Antoine kéo vào cửa biển Alexandria để xâm chiếm Ai-Cập, Cléopâtre liền xuống chiếc du thuyền của nàng, và sai quân hầu mời Đại tướng Antoine đến Hoàng-Hậu thiết yến tiếp tân. Antoine bước vào du thuyền của Cléopâtre, thì thấy nàng nằm lả-loi trên một chiếc nệm hoa, điệu bộ ẻo lả gần như bức tượng khỏa thân của thần Vệ Nữ.

Hoàng hậu nở một nụ cười... uề oái. Antoine đứng sững sốt như pho tượng đá.

Chàng bị thôi miên trước đôi mắt huyền mơ, bất giác ngã gục xuống cạnh nàng.

Thế là trong một phút mê mẩn ấy, Lịch sử xứ Ai-Cập lại bắt đầu biến chuyển...

Nàng đãi một bữa tiệc phi

thường gồm toàn những cao lương mỹ vị mà Antoine chưa hề dùng đến bao giờ : nguyên một con công lớn đứng xoè cánh trên đĩa, ở giữa bàn, nhưng đó là con công đã làm thịt rồi, khách chỉ khẽ nhò lông ra là ăn được ngay. Chung quanh đĩa có 12 trứng công ; ngỗng nấu với sữa dê và mật ong ; heo luộc nguyên một con, đứng trên bàn, nhưng khi lấy con dao xẻ cái bụng heo thì từ trong ruột heo bay ra hai con hạc trắng còn sống ; cừu cũng nguyên con, nhưng rô-ti một nửa và luộc một nửa, các thứ nắm hương xào với lưỡi chim. Rượu thì toàn là rượu thơm đựng trong các bình bằng vàng và bằng ngọc thạch tiện thành hình Vệ nữ.

Trong bữa tiệc có đờn ca, múa hát. Tiệc xong, Antoine đã say mềm, cười sảng sặc, hỏi Cléopâtre :

— Hoàng hậu có thể đãi một bữa tiệc khác, mắc tiền hơn và những món ăn lạ hơn nữa không ?

Cléopâtre muốn tỏ cho vị Đại tướng La-Mã biết rằng kho vàng của Triều đại Ptolémée, mấy đời

làm vua ở Ai-Cập, là vô tận. Nàng liền sai nữ tỳ đem lên một ly dấm thật chua đặt trên bàn. Nàng gở một chiếc hoa tai to và đỏ rực bằng ngọc lưu ly mà nàng đeo tồn ten, óng ánh dưới ngọn đèn pha lê. Nàng bỏ chiếc hoa tai ấy vào ly dấm. Viên ngọc bị dấm chua làm mất màu đỏ tươi và dần dần chỉ còn màu trắng nhạt. Nàng nhìn Antoine :

— Đây, Ngài thấy không, chiếc hoa tai của em bằng ngọc lưu ly trị giá ba ngàn đôi bò... Bây giờ nó đã chết.. Em còn một chiếc nữa đây, anh muốn em bỏ nốt vào ly dấm không ?

Antoine kinh ngạc, trở mắt nhìn Cléopâtre, chưa biết trả lời cách nào được, thì vị Hoàng hậu trẻ tuổi và đẹp lộng lẫy mê mẩn, mỉm cười gở chiếc hoa tai kia nữa, bỏ vào ly dấm...

Nàng nhón một nụ cười duyên, bảo vị Đại tướng La-Mã :

— Thân em đây cũng như viên ngọc đó vậy. Nếu Ngài muốn em tan vào dấm để vui lòng Ngài, em sẽ tan ngay...

Antoine liền ôm lấy nàng, gục đầu vào lòng nàng, say mềm, làm bầm mấy tiếng như kẻ mất hồn mất vía :

— Hay là anh... sẽ tan... trong lòng... em?...?

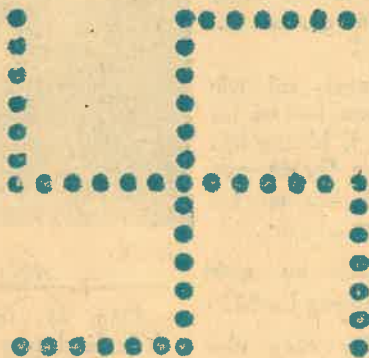


ANTOINE

Đêm ấy, tiệc đã tan, trong chiếc du thuyền còn leo lắt ngọn đèn nhựa, Cléopâtre nằm uể oải trên chiếc nệm hoa, đôi mắt nhìn lên ngôi sao Vệ nữ đang lấp lánh trên mũi thuyền. Bên cạnh nàng, Đại-tướng La Mã, Marc Antoine, nằm ngủ say như chết. Áo chiến bào bằng sắt của chàng đã cởi bỏ dưới bàn chum mùm mím của ai kia, cô vợ góa tuyệt đẹp của César...

(Kỳ sau tiếp)

Mình Ồi!



Lịch-sử Đức Phật Thích-Ca

Lịch-sử ngày lễ Lao-động (1-5)

★ DIỆU-HUYỀN

MÌNH Ơi!

— Ồi! Mình gọi gì em đó?

— Mình làm gì trong bếp?

— Em nướng bắp.

— Nướng mấy trái?

— Bốn trái.

— Nướng tám trái, nghe Minh?

— Dữ!

— Nướng lẹ rồi ra nằm võng, anh nói chuyện cho nghe.

— Ờ.

Hôm nay, lễ Lao-động, 1 tháng 5, lại trùng ngày chủ nhật, ông Tú được ở nhà nghỉ, ra ngoài vườn hoa nằm dựa võng chơi. Ông nằm trong chiếc võng tơ, lơ-lửng dưới góc trời mơ, trong làn nắng dịu, trong gió phất-phơ... Ông nghe con chim hoàng-anh líu-lo trên cành, ông bắt chước hát, tiếng ca man-mác, giọng hát thanh thanh...

Bà Tú từ trong bếp túm-túm cười, hai tay xách tám trái bắp nướng còn nóng hổi, bước nhanh ra vườn. Bà đến gần võng, đặt bắp trên chiếc bàn con.

Bà lựa trái nào ngon nhất, mềm nhất, đưa ông Tú. Bà cầm một trái:

— Cho em ngồi với! Mình! Ông Tú né một bên võng, để bà Tú ngồi. Bà Tú trẻ, đẹp, nước da hồng hồng, mặc chiếc áo xanh xanh, cái quần trắng trắng, đôi mắt long lanh, phảng phất như người trong mộng. Bà vừa gặm bắp, vừa mỉm cười, nhìn ông Tú:

— Mình nói chuyện em nghe.

— Cho anh gặm xong trái bắp đã chứ!

— Mình vừa ăn vừa nói thì câu chuyện mới sốt dẻo. Hôm nay, mình nói cho em nghe hai chuyện lặn, nghen!

— Chuyện gì mà hai chuyện?

— Hôm nay là lễ Lao-Động, 1 tháng 5. Mình nói chuyện về lịch sử ngày 1 tháng 5. Hai bữa nữa là lễ Phật-đản, hôm nay mình nói luôn về Lịch-sử ông Phật.

— Cho anh ăn mấy trái bắp, bắt anh nói hai chuyện?

— Vậy mới là ông Tú của em.. Bây giờ mình nói chuyện lịch sử ngày 1 tháng 5 trước đã. Tại sao ngày 1 tháng 5 là ngày lễ Lao-động?

— Trước kia ngày 1-5 chưa phải là ngày lễ Lao-động. Nó mới là ngày lễ Lao-động từ 1-5 năm 1890.

— Còn trước đó?

— Hồi xưa hồi xưa, người La-Mã dùng ngày 1-5 làm ngày lễ mừng THẦN HOA - NỮ (Flore). Theo Lịch La - mã thượng-cổ thì tháng Mai là tháng thứ Ba trong năm, rồi sau Hoàng-đế JULIUS CÉSAR mới đổi ra là tháng thứ 5, để cho hợp với tiết xuân bên Âu Châu. Từ khi đổi lịch, các dân-tộc Âu Châu đều lấy ngày 1-5 là ngày « LẬP XUÂN », vì tháng 2, tháng 3, tháng 4, ở Âu-Châu hãy còn lạnh. Cuối tháng 4 (Avril), theo dương-lịch, mới thật hết mùa Đông, và đầu tháng 5 cây cỏ mới bắt đầu nở hoa. Cho nên, từ thời Trung-Cổ cho đến các Thế-kỷ sau, người Âu Châu bắt chước theo phong-tục của người La-Mã, tổ-chức các tiệc liên-hoan ngày 1-5 để mừng ngày lập xuân, ngày... trăm hoa đua nở. Hiện nay phong-tục ấy hãy còn, như bên Pháp, hiện giờ cứ mỗi năm đến ngày 1-5, các cô hàng hoa đem tặng lên ông Tổng Thống Pháp những cành hoa MUGUET (linh-lan), tượng - trưng cho hạnh-phúc thơm - tho, trong-trắng. Vì hoa muguet, hình giống như cái chuông nhỏ-nhỏ,

trắng và rất thơm, nở vào đầu tháng MAI và tượng-trưng cho Hạnh-phúc êm đẹp.

Ở Đức, Hòa-Lan, Bỉ, và các xứ miền Bắc-Âu, đến ngày 1-5 dân chúng tổ-chức diễu-kịch, rước xe hoa, và làm một hình nộm tượng trưng cho mùa Đông để đem chém cho đứt đầu, hoặc đốt trên dàn hỏa, cũng như nguyên-rủa và kết tội mùa Đông bằng một hình phạt rất nặng-nề vậy. Ở Anh, Pháp, Ý, Espagne, ngày 1-5 người ta trồng một cây mới nứt chồi xanh, thường thường là cây bouleau, (bên Việt nam ta không có loại cây này) rồi dân-chúng, đàn ông, con trai, đàn bà, con gái, trẻ em, đều tụ-hợp hân-hoan, múa nhây chung quanh cây để vui mừng thiên-nhiên được tái-tạo sau một mùa Đông âm-đạm. Ngoài ra, các nhóm thợ thuyền, như thợ nhà in ở Lyon thợ bạc vàng ở Paris, thợ mộc ở Bordeaux, v.v.. cũng có tổ-chức riêng ngày liên-hoan 1-5, cũng như ở Việt-nam ta cúng ngày thượng-nguyên vậy...

Đó, nguyên-thủy ngày 1-5 là như thế.

— Thế thì nguyên - thủy mục đích ngày lễ 1-5 là liên - hoan,

tiết xuân bên Âu - châu, sao bây giờ lại biến thành ngày lễ Lao-động quốc-tế hả Minh ?

— Thông-thả, để anh gặm hết trái bắp...

— Thôi còn cái cùi, mình vứt đi, đừng gặm nữa.

— Còn mấy hột để anh ăn hết, bỏ uống.

— Rồi sao nữa, Minh ?

— Thế rồi, cũng do một cô con gái, người P'íp, tên là FLORA TRISTAN, một nữ lao-công làm thợ máy. Năm 1843, lần đầu tiên, cô ta đưa ra một sáng kiến : kết hợp tất cả thợ thuyền thế-giới, thành HỘI LAO - CÔNG QUỐC - TẾ (*Association Internationale des Travailleurs*). Ý kiến mới lạ ấy được số đông thợ - thuyền tán-thành. Nhưng sau nhiều lần nhóm họp, mãi đến năm 1866, một Đại-hội-nghị thợ - thuyền Anh, Pháp, Đức, nhóm ở GENÈVE (Thụy-sĩ), mới thành lập thực-tế, và QUỐC - TẾ LAO - ĐỘNG mới ra đời (*L'Internationale*). Năm 1919, Tổng Liên-đoàn Lao-công quốc tế, gồm có đại - diện 25 nước họp ở AMSTERDAM (Hòa-

Lan), tiến lên một giai - đoạn mới, là đòi-hỏi quyền-lợi thợ-thuyền trên phương-diện nghề-nghiệp. Do đó, ĐỆ - NHỊ QUỐC-TẾ Lao-động ra đời (*II è Internationale*). Đến năm 1921, Hội-nghị nhóm ở Moscou (Nga) lại thay đổi kế-hoạch, dùng Quốc-tế Lao-động làm lợi-khí chính - trị, dưới quyền kiểm-soát của đảng Cộng - Sản Nga-Sò. Do đó, mà có ĐỆ - TAM QUỐC-TẾ (*III è Internationale*).

Năm 1923 một số đông đảng viên nhóm tại BERLIN (Đức) phản-đối đường-lối chính-trị của Đệ-tam Quốc tế, và đặt ra một chương-trình cách-mạng theo chủ-trương của Trotsky, và tách ra, lập một tổ-chức mới tên là ĐỆ TƯ QUỐC - TẾ (*IV è Internationale*).

Nhưng trong lịch-trình tiến-triển của lực-lượng quốc-tế Lao-Công, ngay hồi sơ khai đã có một Hội-nghị thợ-thuyền quốc-tế nhóm ở PARIS (Pháp) hồi tháng 7 năm 1889 quyết-định lấy ngày 1-5 là ngày lễ của Thần Hoa-nữ (Flore) mừng ngày mùa Xuân tái tạo, để làm ngày

lễ Lao Động cho thợ thuyền toàn Thế-giới. Ngày ấy thợ thuyền được quyền chính thức nghỉ việc. Hội-ngihey ấy lại đề xướng lần đầu tiên ngày làm việc 8 tiếng đồng hồ. Nếu yêu sách không được thỏa mãn, thì sẽ có cuộc tổng đình-công.

Ngày 1-5-1890 là ngày lễ Quốc tế Lao-Động đầu tiên, yêu sách « Ngày làm việc 8 giờ » không được thỏa mãn, nhưng cuộc đình-công của thợ thuyền khắp thế-giới chỉ rải-rác đó đây không được toàn thể. Ở PARIS có 100.000 thợ đình công, tụ-hợp tại công trường Concorde, từ 1 giờ trưa đến 6 giờ chiều với một quyển yêu-sách (cahier de revendications) đưa lên Thứ-dần nghị-viện Pháp (quốc-hội) đòi hỏi sự cải-tiến đời sống lao động.

Ngày 1-5-1891 (lễ Lao-động quốc-tế lần thứ nhì) có biểu-tình của thợ dệt và xô-xát với quân đội và cảnh-binh, đổ máu, tại FOURMIES (Bắc-Pháp, gần Bỉ) Đó là lần đầu tiên cuộc tranh đấu giai cấp có mùi quyết-liệt. Ngày 1-5-1906, thợ thuyền biểu-tình đòi thi hành Luật làm việc 8 giờ. Có cướp tại các nhà hàng bán thực-phẩm. Có quân-đội

canh phòng khắp nơi, ở Paris có hai người thợ chết trong cuộc xô xát.

Ngày 1-5-1919, có vài cuộc đụng chạm ở ga miền Đông.

Ngày 1-5-1945, thợ thuyền biểu-tình hoan hô quân-đội đồng minh thắng Đức.

Từ đó đến nay, ngày 1-5 đã thành ngày lễ Liên-hoan của Lao-động Quốc-tế, không còn tính-cách đấu-tranh giai-cấp nữa.

— Sự-kiện biến-cải lạ-lùng, Minh nhỉ. Ngày 1-5 nguyên thủy là ngày hoan-hô Nữ-Thần Flore của người La-Mã, là ngày của hoa Muguet tượng-trưng hạnh-phúc êm vui của các dân-tộc Âu-Tây, dần dần lại biến thành ngày lễ Lao-động quốc-tế, rồi ngày giai-cấp đấu-tranh, biểu-tình đổ máu, bao người bị chết, bao kẻ bị thương...

— Một người bạn học cũ của anh có ông Cổ-Nội làm quan to dưới đời Gia-Long. Ông được đi theo một phái-đoàn Sư-thần qua Tàu, và lúc về, quan Tàu có tặng ông một cái tráp bằng gỗ trầm và cấn xa-cừ tuyệt hảo. Trên mặt tráp chạm một bức tranh « Đào viên

kết nghĩa » bằng kim tuyến và ngân tuyến. Cái tráp ấy, ông Cổ-Nội của bạn anh gìn giữ rất quý và dùng đựng các sắc bằng của Vua ban cho. Minh có biết bây giờ cái bửu-vật ấy biến thành ra cái gì không?

— Chắc người bạn vẫn giữ làm kỷ-niệm?

— Không. Thân-sinh của anh đi thi rớt mấy lần rồi bỏ học, xoay qua làm nghề xem tướng số tử-vi. Cái tráp quý kia được dùng đựng một cái mu rùa, một tấm bát-quái, và một bộ bài cào, vì ông cũng bói bài nữa. Rồi ông chết, để cái tráp gỗ trầm xinh đẹp kia cho bạn anh. Bạn anh tưng tiền đem bán cho một người hàng xóm. Người hàng xóm làm nghề bán thuốc trừ sán-xơ mít và cái tráp quý kia hiện nay nằm trên lễ đường Bô-Na, và đựng các gói thuốc trừ sán-xơ mít của một anh bán dạo.

Đó, Minh xem, lịch sử ngày 1-5 cũng như lịch sử cái tráp gỗ trầm chạm kim tuyến của ông quan kia. Từ một bửu vật thiêng liêng, trải qua bao nhiêu dâu biển nó đã biến thành một

dụng cụ sinh kế để lo cho nồi gạo, và phục vụ dạ dày. Đó là cái định luật « *The struggle for life* »... (1)

Ông Tú nói chuyện luôn mồm nhưng cũng đã gặm hết bốn trái bắp nướng. Bà Tú chỉ có ngồi nghe, mà mồm ăn hết hai trái. Thấy than bắp dính một vành đen chung quanh miệng ông Tú, bà lấy khăn ướt cúi xuống lau sạch cho ông, rồi bảo:

— Bây giờ Minh nói lịch sử ông Phật, Minh nhé?

— Hồi xưa, trên 560 năm trước khi có Chúa Jesus Christ ra đời, ở thành Kampilavastu, xứ Ấn-Độ, có một ông vua về giống họ GAUTAMA, tên là SUDDHODANA và Hoàng-hậu MAYA. Một buổi sớm tinh sương, Hoàng-hậu đi dạo chơi trong vườn LUMBINI, ở phía đông kinh-đô KAPILAVASTU, ở vùng biên cương Himalaya, thì sanh ra Thái-Tử...

(1) *Cạnh tranh sinh tồn.*

— Hoàng-hậu đang đi chơi trong vườn, sao lại sanh ra Thái-Tử được, hử Minh ?

— Mayâ Devi tự-nhiên thấy đau bụng, đứng vin tay mặt vào một cành cây asoka để đỡ mệt. Hoa asoka bỗng nở trắng xóa đầy cành, bay tỏa một mùi thơm ngào-ngạt. Cánh hoa rụng như cánh tuyết ngập cả một bầu trời. Một đóa hoa sen to lớn nở ra bên chân Hoàng-Hậu. Mặt trời vừa mọc ở phương Đông. Thái-tử Siddharta ra đời giữa một ánh hào-quang muôn sắc bao bọc chung quanh ngài. Hoàng-Hậu đặt ngài nằm trên đóa hoa sen... Hôm ấy là mùng 8 tháng 4 năm 563 trước Jésus Christ.

— Cách nay... là mấy trăm năm, hử Minh ?

— 8 tháng 4 năm nay người ta kỷ-niệm lễ Đản-sinh của Ngài là 2523 năm. GAUTAMA SIDDHARTA rất đẹp trai, và thông-minh phi-thường.

Lớn lên Ngài học mấy vị giáo sư Brahmanes (Đạo bà-la-môn) về văn-chương, triết-lý. Ngài cũng tập bắn nỏ, cỡi ngựa, và các môn thể-dục thanh-niên thịnh-hành lúc bấy giờ. Trong

các cuộc thi tài với các bạn trẻ, luôn luôn thái-tử Gautama Siddharta chiếm giải quán-quân. Tuy đôi-đào lực-lượng, và có sắc đẹp khôi ngô của một chàng lực-sĩ, Siddharta vẫn có cử chỉ đoan-trang hiền-hậu, và tiếng nói êm ái dịu-dàng. Lúc 17 tuổi, Ngài thành-hôn với công chúa YASODHARA, một thiếu-nữ diễm-lệ tuyết-trần, và năm sau có đứa con trai, tên là RAHULA. Thái-tử Siddharta luôn-luôn ở trong cung-điện nhà vua, sống cuộc đời nhung lụa đầy diễm-phúc, và rất được vua cha và Hoàng-Hậu chiều chuộng, Công-chúa yêu vì quý-mến. Mãi cho đến khi Ngài được 29 tuổi...

— Chắc ngài sung-sướng cũng như Thái-tử Nhật-Bôn Akihito và công-chúa Michiko bây giờ đó chứ kém gì nhỉ ?

— Cũng đại khái như thế đấy. Nhưng rồi một buổi sáng, và lần đầu tiên, Thái-tử Gautama Siddharta được vua cha cho phép cỡi ngựa ra chơi ngoài thành phố. Vừa ra khỏi cửa thành, Thái-tử trông thấy một ông cụ già, tóc bạc, lưng khòm, chông gậy đi từng bước một. Ngài hỏi vị quan hầu : « Người

kia sao thế ? » Quan-hầu trả lời : « Người ta sinh ra đời, không phải trẻ được mãi mãi. Hết trẻ rồi già ».

Gautama Siddharta tự hỏi : « Sao lại phải già ? ». Suốt đêm Ngài cứ băn-khoăn nghĩ-ngợi. Sáng ngày thứ hai, Ngài lại cỡi ngựa ra ngoài thành. Ngài gặp một người đau ốm, đang ngồi rên la. Ngài hỏi quan hầu : « Người kia sao thế ? ». Quan-hầu đáp : « Con người ta sống trên đời, đau được khoẻ mạnh luôn. Nó phải bệnh hoạn ». Suốt đêm, Ngài lại băn-khoăn nghĩ-ngợi. Sáng hôm thứ ba, Ngài lại cỡi ngựa ra ngoài thành và gặp một người nằm chết trên lề đường. Ngài hỏi và quan hầu đáp : « Con người đau sống mãi được, nó phải chết ». Suốt đêm. Ngài lại băn-khoăn tự hỏi : « Sao lại phải chết ? » Sáng ngày thứ tư, Ngài đi dạo ra thành một lần nữa. Lần này Ngài gặp một kẻ tu hành mặc chiếc áo sramana màu vàng (áo cà sa), đang thông-thả bước đi, vẻ mặt bình-tĩnh, nhân-tử. Ngài hỏi và quan hầu đáp : « Người đó đi tu, để tìm lẽ Đạo ». Đêm ấy, Thái-tử Siddharta hiểu rằng đời đã bị bốn cảnh chi phối, sinh,

lão, bệnh, tử, thì Ngài cần phải đi tu tìm một nơi để tìm nguyên-do vì sao có sinh, lão, bệnh, tử, và làm cách nào để cứu vớt loài người thoát khỏi cảnh trầm-luân khổ não ấy. Nền nhớ rằng lúc bấy giờ Thái-tử Gautama Siddharta mới có 29 tuổi và đang sống đầy hạnh phúc giữa những xa hoa rực rỡ trong cung điện nhà vua. Ngài lại sắp sửa lên ngôi báu nối nghiệp cha già. Đêm ấy, vua Suddhodana mở yến tiệc linh đình, văn võ bá-quan say sưa hoan-lạc. Hàng trăm vũ nữ đờn ca múa hát trước bệ rồng. Riêng Thái-tử Siddharta, ngồi yên-lặng trên ghế, trầm ngâm nghĩ-ngợi. Đối với những cảnh đau khổ của loài người mà ngài đã được trông thấy trong bốn hôm ra dạo ngoài kinh-thành, thì những yến tiệc, đờn ca, những xa hoa lộng lẫy trong cung-điện chẳng có ý nghĩa gì nữa cả. Ngài quyết-định từ bỏ tất cả, để đi tìm đạo-lý giải thoát loài người ra vòng khổ ái.

Thế là nửa đêm mùng 8 tháng 2, năm 634 trước J.C, Ngài lên cha, lên Hoàng-hậu, lên cả vợ, con, từ già cung điện

và cỡi con ngựa KANTHAKA thoát ra khỏi thành, đi thẳng đến núi rừng thăm - thăm. Vị quan hầu CHANDAKA đi theo ngài đến giữa rừng. Ngài lấy gươm cắt tóc, cỡi chiếc áo Hoàng-tử ra và mặc thay vào chiếc áo cà-sa màu vàng của các vị thầy Tu. Ngài trao áo gấm và gươm cho Chandaka, bảo y trở về kinh đô, nộp hai vật này lên vua Cha, và xin vua cha và triều-thần đừng đuổi theo Ngài. Ngài đã quyết chí đi tu, trên đường khổ hạnh, để tìm giải pháp cứu nhân-loại khỏi nghiệp trầm luân...

— Ngài đi tu bao lâu, hả Minh ? Và Ngài có tìm được chân lý của cuộc đời đau khổ này không ? Ngài có tìm được giải-pháp cứu vớt nhân-loại không ?

— Ngài chịu khổ hạnh trong mười năm. Suốt 10 năm Ngài chỉ ăn rau sống, uống nước lã và giữ được tâm thần yên tĩnh để cảm-thông chân-lý. Nhưng vì quá khổ hạnh nên một hôm Ngài đuối sức, muốn xỉu. Ngài

ngồi xếp bằng dưới bóng cây ASSATHA trên bờ sông NAI. RANDJANA, không cử-động được nữa. Bỗng hai cô sơn-nữ đi ngang qua, N A N D A và SUDAJATA, trông thấy thế, liền quỳ gối dâng Ngài một bát sữa. Ngài uống vào, thấy tỉnh-táo lại liền. Ngài liền vô rừng UREVITVA, ngày nay gọi là Baddhi Gaya, ngồi dưới gốc cây BODDHI (BỒ ĐỀ), nhập định. Ngài tĩnh tọa tham-thiền cho đến nửa đêm và thông suốt được huyền-vi của PHẬT - PHÁP (DHARMA). Ngài đã tìm ra chân-lý của TỨ DIỆU-ĐẾ (Aryasaccanni) : DUKHA (Khổ), SAMUDAYA (nguyên-nhân của Khổ), NIRODHA (Diệt Khổ) và Bát-Chánh đạo, MARGA.

Ngài nhập định luôn trong 7 ngày đêm; lần đầu tiên tại VARANESI (gần Banarès), trên bờ sông GANGE, Ngài thuyết-pháp cho năm Đệ-tử đầu tiên, 5 vị Bikkhus, Giáo-lý cao-siêu của Ngài.

— Giáo-lý của Phật là thế nào, hả Minh ?

— Không thể nào giảng giải hết được trong một buổi nói chuyện ngắn-ngủi. Chỉ nên biết sơ-lược đại-cương của Phật-pháp (DHARMA) là :

— Tứ Diệu-Đế (ARYASACCANI) như đã kể sơ lúc nãy.

— Thuyết thập-nhi nhân-duyên (NIDĀNA), là 12 nguyên nhân của Đau-khổ.

— Bát chính Đạo (MARGA) 8 con đường để tránh khổ. Tránh khổ là sẽ tránh được Nghiệp chướng (KARMA).

— Thuyết Luân-hồi (SAM-SARA), v.v...

Tất cả giáo-lý về đạo Từ-bi, Bác-ái, Công-bình, Nhân-đạo, Giác-ngộ các mê lầm vật dục, v.v... đều ở trong Phật-pháp cả.

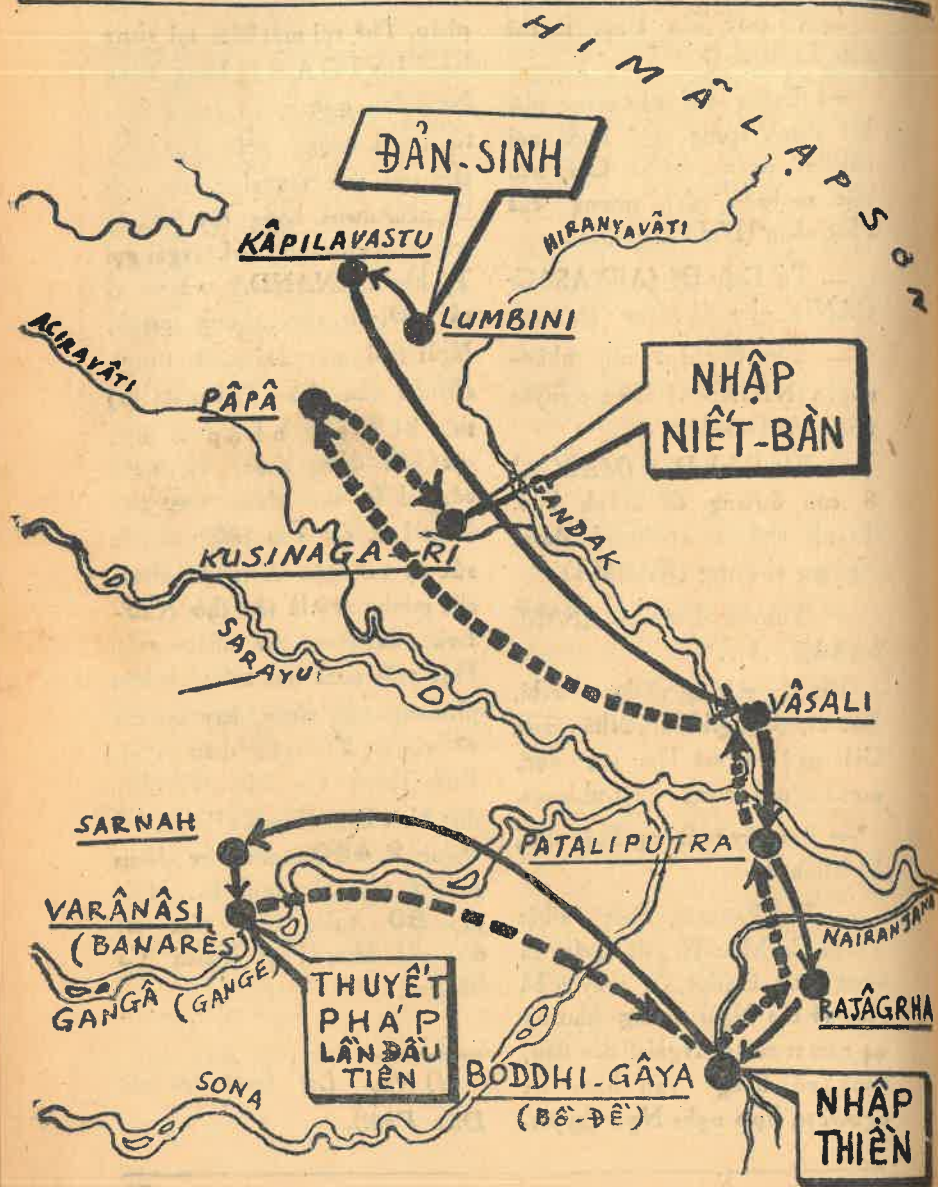
— Rồi mấy tuổi ông Phật chết, hả Minh ?

— Từ Banarès, Đức Phật Thích-Ca Mâu-Ni đi khắp cả vùng sông Gange, để truyền-bá giáo-lý của Ngài trong khoảng 44 năm trường. Ngài đi đến đâu, cũng có hàng vạn hàng ức người tụ họp nghe Ngài thuyết-

pháp. Thế rồi một hôm tại rừng KUSINIGARI, bỗng dựng Ngài đau quần-quặn trong bao-tử. Ngài xuống sông Kakatha, tắm rửa một lần chót, rồi trở lên nằm dưới bóng cây SĀLA, trên nệm cỏ xanh tươi. Ngài gọi Tỳ-khuru ANANDA và tất cả các Đệ-tử đến chung quanh. Ngài trởi mấy lời cuối cùng : « Muốn tôn thờ Tathagata (1) thì khi ta nhập-diệt, các con đừng khóc, và đừng cúng kiến ta. Muốn tôn thờ Như-Lai, các con phải cố rán sức tự tu-luyện để tự giải thoát cho mình. Đó là tôn thờ Như-Lai. » Ngài từ từ nhắm mắt. Một trận mưa hoa trắng từ bốn phương núi rừng, bay tan tác về rặng đấp trên thân Ngài. Phật Thích-Ca Mâu-Ni nhập diệt Niết-Bàn. Hôm ấy là đêm 15 tháng 2, 480 năm trước Jésus Christ, vừa lúc canh ba. Ngài thọ 80 tuổi. Đó, tóm tắt đời của Đức Phật Thích-Ca Mâu-ni.

(1) Như - Lai (một tên của Đức Phật).

Hành-trình của Đức Thích-Ca Mâu-Ni
..... và các địa-điểm chính.....



MÌNH ƠI !

— Chỉ ăn cơm với rau, uống nước lạnh, mà Ngài sống lâu thế nhỉ ?

— Thế mới là Phật.

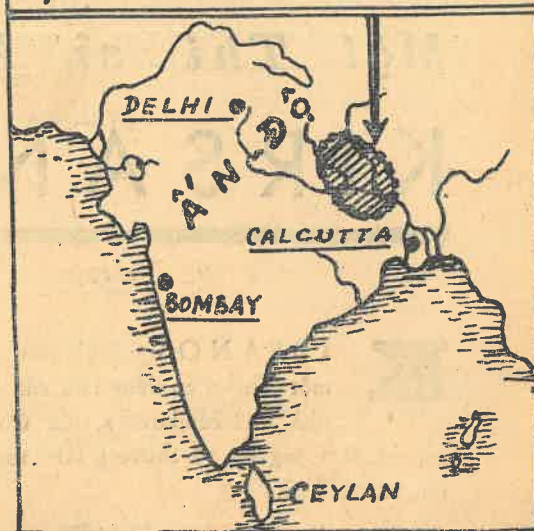
— Mình ơi ! Hôm nào Mình kể cho em nghe cuộc đời của Chúa Jésus Christ nhé ?

— Ủ. Noel, anh sẽ kể.

Tám trái bắp đã găm sạch trơn, còn lại tám cái cùi...

DIỆU-HUYỀN

Địa-điểm hoạt động của PHẬT



* MỘT GIA-ĐÌNH NGHÈO

Trong lớp Đệ-thất, thầy giáo cho một bài luận-văn : « Anh hãy tả một gia-đình nghèo ». Cô Diễm Ngọc, con gái của một nhà tỷ-phú, tả như sau đây :

« Hồi xưa có một gia-đình nghèo. Người mẹ nghèo. Người cha nghèo. Mấy đứa con nghèo. Anh bồi nghèo. Chị bếp nghèo. Chị vú-em nghèo. Con sen nghèo. Anh tài xế nghèo. Anh cu-li làm vườn nghèo. Ai cũng nghèo. »

B. T.

Một Thi - sĩ Nga - Xô

KIRSANOV

KIRSANOV Sinh năm 1906, ở Moscou, là một Thi-sĩ có tiếng tăm của Nga-xô. Cũng như nhà Văn Maikovsky, lúc đầu Kirsanov rất say mê chế-độ Cộng-sản và thường làm thơ tán-tụng Cộng-sản, và Staline.

Nhưng lần lần, văn-ngệ bị Đảng và Chính-phủ hoàn-toàn chi-phối, Kirsanov cảm thấy nhà Thơ dưới chế-độ Cộng-sản cũng chỉ như cái máy mà thôi. Nhưng Maikovsky uất-ức, tự-tử, còn Kirsanov thì cứ sống, cứ làm thơ, nhưng ông làm những bài thơ mỉa-mai như bài «Cái máy Thi-sĩ» sau đây, để «hoan-hô chế-độ Cộng-sản» đã chế-tạo ra được một cái máy làm Thơ, giống như cái máy làm toán. Khi nào Chính-phủ muốn có một bài Thơ, thì người thợ máy cứ việc đánh một chữ, tự-khắc có bài thơ sản-xuất ra liền. Không cần phải nhà Thi-sĩ ngồi kiếm vần Thơ nữa, Thi-sĩ ở bên Nga-Xô, chính là cái máy đó, vì chàng chỉ sản-xuất Thơ đúng theo ý của chính-phủ, do chính-phủ sai-khiến mà thôi. Bên đây là bài thơ lừng danh của Kirsanov.

★ TÂN PHONG

РОБОТ-ПОЭТ ★ Cái máy Thi-sĩ

Тремит железная манжета
и Робот

В злых «ау!» стихии,
скрипя, садится за стихи.
По типу счетной машинки,
в Роботе скрежетами тихими
насажены на пружины
комплексные рифмы.
Слабый ток

ударит в слово

«ДЕНЬ»

и высккивает рифма:

«ТЕНЬ»

Электронь

Тронут слово:

«ПЛИТ»

и высккивает рифма:

«СПИТ»

А слова остальные
проходят

связь нитки стальные,

и на бумаге

строчек линийка -

автоматическая

Лирика:

«Сегодня дурной

«ДЕНЬ

«Кузнецинхов хор

«СПИТ

«и сумрачных скал

«СЕНЬ

«мрачней тробовых

«ПЛИТ»

Nó là một nắm sắt, kêu răng-ráo,
Cái máy làm Thơ
Chạy ầm-ầm «а-а-а-а!»
Và khỏi sự làm một bài thơ.
Giống như trên bàn máy tính,
Máy làm Thơ có những gọng
kềm

Và những lò xo đúc dính
Với những vần thơ êm-đềm.
Ngón tay người thợ đánh trên
chữ
«Đen nghịt»

Tức thì nhảy ra một vần:
«Mù-mịt»
Rồi đánh chữ khác:
«mê ngủ»
Tức thì nhảy ra một vần:
«âm phủ»

Những chữ khác, từng đoàn,
Hiện ra dưới những giây gang.
Và trên giấy,
Bài thơ máy,
Đầu vào đấy,
Sắp hàng:

«Hôm nay trời
mù-mịt,
«Bảy châu-châu
Mê ngủ
«Trên bãi biển
đen-nghịt
«Như âm phủ!»

★ Семен КИРСАНОВ

TÂN-PHONG dịch

CÔ GÁI ĐIÊN



TRUYỆN TÀU CỦA TỪ-VU ★ BẢN DỊCH CỦA VI-HUYỀN-ĐẮC

(Tiếp theo P. T. số 31)

XIV

TRONG khi nằm điều- dưỡng tại bệnh-viện, Bạch-Tần rất đổi cảm-động trước sự tận tâm chăm - nom, săn - sóc của Hải-Lan. Mấy ngày đầu tiên, nàng tự nhận thấy mình vô cùng yếu đuối, nên nàng không thể không lo cho sinh mệnh của nàng, nhưng nàng không còn biết làm

thế nào hơn, là ý lại vào quan-thầy, cùng là các người khán-hộ. Cũng là một thứ hạnh-tai, lạc-họa, nên cái vết thương ở đùi của nàng, đã làm cho tâm-cảnh của nàng trở nên bình tĩnh hơn xưa. Và lại, theo lời chỉ dẫn của y-sư Xa-lạp Mỹ, Hải-Lan đã chích thêm cho nàng một ít thuốc chuyên

CÔ GÁI ĐIÊN

trị về thần kinh. Nàng không truy-vấn Hải-Lan, mà cứ nghiêm-nhiên tiếp thụ các mũi thuốc tiêm của Hải-Lan; trong các số thuốc đó, có đủ thuốc bổ, thuốc an-thần, bởi vậy, sự ăn ngủ của nàng đã được uốn theo một qui-luật. Xem chừng, mỗi ngày, nàng dần dần được bình phục và tinh thần nàng trở nên bình ổn như một người thường vậy.

Đối với thân thể, Bạch-Tần đã đậm đập người lên và trên khuôn mặt nàng, ta cũng nhận thấy đôi phần nhuận sắc. Còn về tinh-thần của nàng, bao nhiêu sự xáo-trộn, lúc cười, lúc khóc, lúc vui, lúc buồn, vô cơ cũng đã giảm đi rất nhiều. Làn môi và khoe mắt của nàng đã mất hẳn vẻ cứng-rắn hằn-học. Tuy nhiên, sự vui-vẻ chỉ như thoáng qua, vì nó rất dễ biến-truyền, nếu không có sự khích-lệ của những người ở chung-quanh nàng. Lúc nào nàng thấy trong người mệt mỏi, nàng lại lấy thuốc lá ra hút. Trong khi đó, nếu có điều gì không như ý, là nàng lại thịnh-nộ ngay tức-khắc được.

Dấu sao đi nữa, mấy trạng-thái trên đây của Bạch-Tần quả là một tiến-bộ đáng kể, trong việc y-trị cho nàng. Bởi vậy,

tôi rất đổi lạc-quan và bụng bảo dạ rằng: chẳng bao lâu nữa, nàng khỏi đau về vết thương ở đùi, thì cái bệnh thần-kinh của nàng cũng sẽ thuyên-dũ hẳn. Thế là công-tác của Hải-Lan và của chính tôi, cũng do đó được kết-thúc một cách mỹ-mãn vậy. Tôi chỉ còn hiềm có một điều, là y-sư Xa-lạp-Mỹ vẫn cứ cho rằng, bệnh-căn của Bạch-Tần còn có thể tái-phát.

Về sự ẩm - thực của nàng, chúng tôi đã làm cho nàng bỏ hẳn được việc uống rượu, còn thuốc lá thì chúng tôi lấy hoa quả và đồ ngọt thay thế vào lần lần. Cứ thực tình mà nói, Hải-Lan đã có công rất lớn trong hai việc trên đây.

Thế rồi vừa-vừa đúng cái ngày mà Bạch-Tần có thể ra khỏi bệnh-viện thì Hải-Lan đột-nhiên thụ-bệnh. Chẳng qua, chỉ vì mấy tháng trời đặng đặng, cô đã ngày, đêm, ở bên cạnh Bạch-Tần. Nào, thiếu ngủ, thiếu nghỉ ngơi, nào phập - phồng lo sợ, tất cả những nỗi ưu-tư về tinh-thần, những sự cố-gắng về thể-chất, đã hè nhau lại mà đánh quy cái cô gái kiều - nhược, có đầy lòng vị-tha của chúng ta! Nhiệt-độ của cô cứ mỗi ngày

một tăng. Tôi đã dự-liệu rằng : nếu Hải-Lan lâm-bệnh, là chỉ tại cô lao-tâm, lao-lực quá đỗi. Đã có lần, tôi đem điều đó nói với Bạch-Tần, nhưng nàng đánh trống lảng và có ý cho là tôi thấy Hải-Lan quá tận tâm với nàng, mà đem lòng đố-ky. Tôi không còn biết làm thế nào và chỉ tìm cách đề-tĩnh Hải-Lan và khuyên cô phải giữ gìn sức khoẻ. Việc gì có thể sai dung-nhân làm được, thì chớ nên làm. Nhưng khốn-nỗi, Hải-Lan quá tin vào sức khoẻ của mình ; thứ nữa, cô quá yêu Bạch-Tần, mà chẳng kể gì tới thân mình.

Thế rồi, nhiệt-độ trong người cô cứ tăng lên, nghĩa là bệnh tình của cô không có triệu chứng thuyên giảm. Lẽ tự nhiên, Bạch-Tần đâm hết sức lo ngại, nhưng, trừ phi giúp đỡ về tiền nong để y trị, nàng không còn biết làm thế nào hơn là ngày đêm tận tâm săn sóc Hải-Lan, cũng như Hải-Lan đã săn sóc nàng, trước đây. Tuy nàng vẫn là một người có lòng, nhưng vì ở bệnh-viện đã khá lâu, Bạch-Tần nóng nảy muốn về nhà, nên, ít lâu sau, nàng dặn dò, gửi gắm Hải-Lan với y sinh cùng những cô khán-hộ

để rồi nàng trở về gia đình.

Việc trên đây lại làm cho tôi phải quan tâm, không phải vì tôi e Hải-Lan không có người nâng giắc, mà, trái lại tôi hết sức lo âu về việc Bạch-Tần bỗng xa Hải-Lan ; như vậy, Bạch-Tần rất có thể biến hoại. Suy đi, tính lại, tôi thấy tôi chẳng có cách gì lưu Bạch-Tần ở lại y-viện Thánh tâm với Hải-Lan.

Sau, tôi phải bàn với Hải-Lan để cô cố thuyết với Bạch-Tần và lấy cố rằng, sức khoẻ của Bạch-Tần còn cần phải theo đúng quy luật của quan thầy ; chúng tôi cần phải tránh không được đụng tới cái bệnh tinh thần của nàng vì nàng vẫn có tính quật cường, hễ hơi thất ý là nàng nhất định làm trái hẳn lời mình cầu khẩn.

Và, một buổi chiều ngày đầu xuân ấm-áp, tôi đã đến đón Bạch-Tần ở y viện để đưa nàng về nhà. Trong khi đi đường, Bạch-Tần hỏi tôi :

— À, tôi muốn hỏi anh điều này, vì lẽ gì mà anh đã chịu bao nhiêu tân khổ với tôi như vậy ?

Tôi không hề do dự mà đáp ngay :

— Tại vì « yêu » !

— Yêu ai ? Yêu Hải-Lan ấy nhì ?

— Thưa đúng, vì yêu Hải-Lan và yêu cả tiểu thư nữa.

— Yêu tôi ?

— Thưa vâng. Và, ở trên đời này, bất cứ một người nào có lòng, dạ, cũng đều phải yêu tiểu thư, nếu có dịp may mắn và hạnh được biết tiểu thư...

— Hừ ! Có lẽ đúng đấy, vì tôi có một cái địa vị và một cái hoàn cảnh, khá dễ để cho họ lợi-dụng được.

— Ô, thế ra, bất cứ ai yêu tiểu thư, tiểu-thư cũng đều cho là người đó lợi-dụng tình-thế cả hay sao ?

— Tôi cứ theo cái kinh-nghiệm của tôi bấy nay, thì đều là thế cả.

— Thế còn Hải-Lan ?

— Có lẽ trừ Hải-Lan ra !

— Thưa, thế còn tôi ?

— Anh ấy à ? Anh còn nguy-hiểm hơn ai hết, anh đã có cái đã-tâm định cướp sống Hải-Lan của tôi, anh đã biết chưa ?

Tôi chỉ cười và ung-dung đáp :

— Dẫu sao đi nữa, quả tình, trong thâm-tâm của tôi, tôi rất đổi tôn-kính sự Hải-Lan yêu tiểu-thư. Nếu tôi có hy-sinh một phần nào hạnh-phúc của tôi, thì cũng không ngoài cái chủ-đích vì Hải

Lan mà hy sinh. Tiểu-thư có tin cho như vậy hay không ? Và lại, « yêu » không phải chỉ là « chiếm lấy » mà là « phụng-hiến » !

Bạch-Tần ngồi lặng-thình nhìn ra quảng hư-không ở dưới ánh dương-quang và không thốt ra một lời nào nữa. Rồi, chúng tôi về tới nhà.

Trong nhà đã được bố-trí để mừng đón Bạch-Tần. Ở phía ngoài, đã có một lũ bộc-nhân đứng chờ, ở trong nhà, cũng lại đứng sắp hàng một bọn người làm khác, người nào cũng tươi cười, vui-vẻ, đón chào nàng. Khi Thái-thái Thê-tư-Lãng thấy tiếng ồn-ào, chào hỏi, biết chúng tôi đã trở về tới nhà, nên cụ cũng bước ra để đón con. Trên nét mặt cụ có đầy vẻ hoan-hỉ và hình như cụ muốn nói nhiều lắm với tiểu thư, nhưng cụ chỉ ngập ngừng rồi thôi, vì có lẽ, cụ sợ làm cho Bạch-Tần bị sức động quá mạnh, nên cụ lại thôi. Cụ chỉ cười cười và giơ tay đón nàng. Thiet tình, trên khoẻ mắt cụ, tôi chỉ nhận thấy sự nùng-nhiệt của mẫu-ái và tuyệt-nhiên, tôi không thấy cái điềm gì gọi là thân nhiệt giữa hai mẹ con, thứ nhất người con lại là con gái độc nhất, chưa xuất gia, xuất-táo.

Tất cả nhà đều đi lên trên lầu, và khi tới cái sảnh-đường mà Thái Thái đã tiếp kiến tôi lần đầu tiên khi tôi tới nơi đây ; tôi định bụng lảng đi, để cho hai mẹ con nàng hàn huyên với nhau, nhưng cụ ngăn tôi lại, vì có lẽ, cụ không yên tâm nếu phải ngồi một mình với cô con, và hình như cụ vẫn nơm nớp e sợ một cử chỉ hay một ngôn ngữ so-suất, vô lễ nào, do cái bệnh thần kinh cũ của nàng nó có thể đột nhiên tái-phát. Cứ theo sự biểu thị của nàng, tôi cũng nhận thấy sự lo xa của cụ là có lý. Nàng vừa ngồi xuống, thì lại đứng lên, rồi đi nhìn mấy bức vẽ ở trên tường ; sau đó, nàng ngạc nhiên, nhìn ngược, nhìn xuôi, y như một người còn lạ nước, lạ cái, đối với cái hoàn - cảnh hiện-tại. Không khí mỗi lúc mỗi trở nên nặng nề và người nào cũng ngưng - ngưng, không còn biết làm gì, nói gì, cho khỏi nặng thờ.

May sao, một người đầy tớ

gái lên thưa rằng : vãn-phạn đã dọn xong. Cả nhà đều đứng lên, để xuống phòng ăn. Chúng tôi đi ra tới cầu thang, thì đã thấy tiên-sinh Thê-tư-Lãng, đứng chờ ở phía dưới. Cụ ông vẫn giữ nguyên cái vẻ tôn - nghiêm. Cụ hỏi han cô con mấy câu thường lệ, rồi cụ quay mình, bước vào phạn-sảnh. Tôi cũng theo gót cụ bà và Bạch-Tần, tiến tới bàn ăn, như mọi ngày, trước đây.

Nhân đề ăn mừng sự lành-mạnh của tiêu - thụ, nên trong phòng ăn đã được trang-trí toàn bằng hoa tươi ; nhưng, về tiên-diễm của những đóa hoa đột-phóng, chẳng làm giảm được chút nào, cái không - khí tịch-mịch và lạnh-nhạt của cái phòng ăn. Đã lâu lắm, hôm nay, tôi mới lại có dịp ngồi dùng bữa với cả gia-đình Thê-tư-lãng. Vốn Bạch-Tần không ưa mời khách, nên, trong bữa tiệc khánh - chúc này, chỉ có một mình tôi được cái vinh-dự làm tân-khách.

(Còn nữa)



DANH NGÔN: BẠN TỐT.

Chỉ trong lúc hoạn-nạn mới gặp được bạn tốt.
(C' est dans de le malheur qu'on trouve des amis)

ANDRÉ MAUROIS (Văn-sĩ Pháp)

SIDDHARTA

Sabbe Dhamma anattatē
Esa maggo visuddhiya
(Visuddhi Sutta)

Đêm đã khuya, tiệc vừa tan rã,
Ngoài sân lầu, rì rã swong reo.
Trong lầu ngọn nến lắt leo,
Đờn im, sáo tắt, buồn hiu, lạnh lùng !
Hoa úa héo, cánh hồng rơi rụng,
Rượu phai mùi, nằm động đậy ly,
Mấy nàng kỹ nữ cung phi
Ngủ lãn trên chiếu, mê ly giấc nồng.
Môi tái mết còn nồng men rượu,
Nước miếng trào, bọt nhều trên tay,
Nằm tro - tro ngủ một bầy,
Trông như những xác đàn đầy tanh hôi !
Trong cung điện mọi người say ngủ,
Sít-Đạt - Ta Hoàng-Tử bán - khoán,
Cơn buồn ào-nào mong mệnh,
Đờn ca yên tiếc không quên nỗi buồn !
Cảnh đau khổ bồn chồn tắc đạ,
Sinh làm chi buồn-bã nhân duyên ?
Mang theo bệnh tật ưu phiền,
Cảnh già, cảnh chết, ảo-huyền hư-không !
Cõi trần vũ mệnh mong thăm thẳm,
Kiếp sinh linh chìm đắm trong mê.
Cùng ta, ta nguyện lời thề,
Thoát ly nghiệp báo nặng nề trầm-luân !
Hoàng-Tử đứng bán-khoản suy nghĩ.
Tiệc, đờn, ca, vui chỉ chốc thôi !
Chưa vui, vui đã chết rồi,

ATRAH 12
★

Đêm đã khuya tiệc vừa tan-rã
 Ngoài sân lầu ri-rã sương reo,
 Trong lầu ngọn nến lắt leo,
 Đờn im sáo tắt, đờn-hin lạnh lùng !
 Hoàng-Tử trở vào phòng Công-Chúa,
 Đứng nhìn nàng đang ngủ mê say,
 Rồi nhìn con trẻ thơ ngây,
 Nằm đeo vú mẹ, bàn tay nồn nà.
 Mắt Hoàng-tử muốn sa ngán lệ,
 Động lòng thương phần kẻ thế nhi,
 Nhưng lòng đã quyết ra đi,
 Dù tan mối hận sâu bi kiếp người !
 Đi tìm Đạo tuyết với giải thoát,
 Cứu sinh linh lìa khỏi kác-ma,
 Tìm phương tự giác giác tha,
 Muốn loài, muốn kiếp, thoát ra luân hồi.
 Vì Hoàng-Tử bồi hồi cảm động,
 Giữa đêm khuya lồng lộng bao la,
 Nhẹ nhàng chân ngọc bước ra,
 Gió hiu hát lạnh, sương sa mịt mù.
 Vườn Ngự-uyển âm-u bóng tối,
 Thành Ka-pi cây cối đờn hin,
 Trong vườn vắng tiếng chim kêu,
 Sương rơi lác-đắc cảnh tiên toi bời.
 Ngài lặng lẽ cùng người Xá-Nặc,
 Cỡi ngựa Kiền lông trắng tuyết pha,
 Ra đi lòng chẳng thiết-tha,
 Ra đi muôn dặm rừng xa lạnh lùng !...

NGUYỄN-VỸ

Original Vietnamese Poem by Nguyễn-Vỹ, English
Version by ĐẶNG-CÔNG-THẮNG

Siddharta Gautama's adventures

Sabbe Dhamma anattatā ?
Esa maggo visuddiya
(Visuddhi Sutta)

With midnight the banquet ended
 On the terrace dewdrops flew down.
 Inside the castle torch blinked.
 Music ceased; the drear rooms did frown
 The petals of faded flowers
 Scattered round in their rosy hue.
 The glasses kept the dregs of liquors
 Whose flavour the chilly breeze blew.
 All the barem, slumbering on mats,
 Slobbered from drunk and waxen lips.
 This herd, in coma, lay like cats
 Whose corpses stunk from heads to hips !
 Midst the palace's lethargy,
 Prince Siddharta then stirred with pain
 And began to muse vaguely :
 « All the past concert was vain ! ...
 This misery was so stinging !
 Why were we all born with a fate,
 And condemn'd to ugly ailing,
 Nightmares, old age, decay we hate ?
 The cosmos endlessly expands.
 All the human creatures must wreck
 In silly Utopian lands
 And fight for a shadowy check ! »
 Thought he : « Myself will take an oath

To save mankind from all perils ! »
 Then our dear Prince meditated :
 « We'll die before enjoying life.
 Thus briefly that orgy lasted :
 All were mesmerized by the life ! »
 The 'same dead and dewy silence
 Was still spreading outside quite sore
 The same waxen torch in calence
 Was still flickering on the floor.
 Our prince step't into his wife's room
 And stared at her sleepy torso
 While their infant in tender bloom
 Was handling her breasts in halo.
 His eyes were going to shed tears
 As he pitied his wife and child,
 But he meant to sever with shears
 All man's worries and fetters wild.
 He wanted to rove about
 In search for the path of virtues
 From which a light would dash out
 To save mortals from Karma's blues,
 He'd find a way for his wakening
 And teaching others his practice
 Of plain living and high thinking
 That may keep off a precipice !
 Of all anguishing emotions
 He should rid himself pluckily.
 That night toward stranger regions
 He would set on his odyssey.
 The chill breeze bit eand the dew fell
 The Royal garden was gloomy,
 The wood seemed mum in Kabyl dell.
 The Prince quietly rode on his white steed,
 As nice-temper'd as his retainer.
 They galloped along at top-speed
 And for million miles they'd so wander !

Translated from Vietnamese
 Bu ĐẶNG-CÔNG-THẮNG



VỢ HẢN

★ NGUYỄN-KHẮC-THIỆU

VỢ hản đẹp. Điều đó ai cũng biết. Chính hản, trong những lúc vui, hản cũng khoe với mọi người rằng vợ hản đẹp, cho nên hản yêu vợ hản rất mực. Hản đã từng bảo : « Nhất vợ nhì trời » hoặc « nhất trời nhì vợ », và cố nhiên nhờ đó râu hản mọc rất dài : mọc dài chừng nào thì quặp chừng đó.

Lâu lắm mới gặp hản. Tôi thấy hản uể-oải khác thường : tóc tai xồm-xoàm, cặp mắt lo-

láo, và đặc-biệt nhất là hàm râu cầm mọc rất bừa-bãi, xáo-trộn và luật tự-nhiên. Nó không lởm chồm tua-tủa, mà cong queo và quặp vào trong. Lấy làm lạ tôi đưa tay thoa cầm tôi. Hản hiểu ý :

— Cậu không nên nhạo báng mình. Bao giờ có vợ, râu cậu cũng mọc như mình.

— Anh nói tôi không hiểu. Tại sao khi có vợ tôi sẽ như anh ?

— Dài lắm cậu ạ. Tương-lai sẽ trả lời cho cậu. Tương-lai sẽ chứng-minh lời mình nói. Bao giờ có vợ, cậu cũng như mình.

Tôi không thể đợi đến khi có vợ mới hiểu được hán, vội vàng kéo hán vào quán giải khát bên đường, gọi la-ve ra uống. Hán làm-li rốc chai này đến chai khác. Nét mặt hán cũng lần lần biến đổi. Cặp mắt lơ lảo bây giờ đỏ ngầu và sáng rực như sao hôm. Tôi không ngờ la-ve lại có cái công-hiệu giúp hán quên được thực-tại trong cốc lát. Tôi biết hán đã thoát ra khỏi ảnh-hưởng khủng-khiếp của một vợ đẹp. Tôi hỏi :

— Anh đi đâu bây giờ ? Để chị ở nhà một mình không sợ chị buồn hay sao ?

— Thôi thôi, buồn gì nó cậu ơi. Bạn nó hàng tá, nó không bao giờ buồn. Bao giờ có vợ, cậu ...

Không muốn nghe mãi điệp-khúc mơ-hồ ấy, tôi ngắt lời :

— Chắc anh cũng biết rằng bạn bè không thể thay ông chồng làm cho vợ vui, nâng-dỡ an-ủi vợ ...

— Cái đó thì tớ không cần biết .. Nó ham vui với bạn có khi quên hán bên cuộc đời nó, còn có tớ. Tớ là chồng nó, một ông chồng hơn người ...

Tôi không dám theo hán bình phẩm vợ hán. « Vợ chồng khi giận thì đánh, khi quạnh thì thương. Tôi đâu dám mạo-hiêm ngôn-ngữ. Nhưng trí tò mò thúc-bách tôi gọi chuyện :

— Có lẽ chị giao thiệp rộng. Thủ tiếp bạn bè là một phép xã-giao.

— Ôi, cậu ơi ! Vợ tớ, tớ biết rõ lắm. Tớ biết rõ vợ tớ, ông tài-xế cũng biết rõ vợ tớ, mục chào đờ cũng biết, cô bán hàng cũng biết, ai ai cũng biết vợ mình giao-thiệp xô - bồ và dẽ-dãi...



Từu nhập ngôn xuất. Nó nói như đọc thuộc lòng. Vợ hán là một người đàn bà đẹp. Đẹp người mà đẹp cả nết. Đẹp ở chỗ nở-nang cao-ráo sạch - sê. Và hán yêu vợ hán lắm. Hán yêu tha-thiết cái mục đàn bà có đội mắt quanh năm hum - húp như phải thức ngủ để đánh bạc. Hán yêu cái mục đàn bà có cặp môi cong tợn lên và ráo-hoảnh như uống nước mắm thay cơm. Vợ hán đẹp ở đó. Khi hỏi mục đàn bà ấy làm vợ, hán biết rõ thành-tích của mục. Mà hán vẫn

cưới. Hán hy - vọng tình yêu của hán đủ cho mục vợ giác ngộ mà cải tà qui chính. Trước mắt hán, qua hình ảnh sồn sồn của mục vợ, hán thấy cuộc đời rực-rỡ, đẹp đẽ như một tờ phở tái nóng hổi. Song le từ đó râu hán mọc ra chùng nào thì cong queo chùng đó như bị phồng lửa — Hán vẫn cho rằng nhường-nhịn là một đức-tính. Nhường-nhịn mới biểu-lộ được tình yêu vĩ-đại của hán : yêu nhau chín kể làm mười, và hán áp - dụng triệt-để chính sách « trùm chân » mà hán cho là đặc - sách nhất. Và do đó râu hán lại càng quặp. Vợ hán cũng theo đường cũ — mà mục và bạn bè của mục đều cho con đường ấy là hợp lý, hợp tình mới ghê chứ. Hán triết-ly : « Đàn bà đưa nào cũng chủ-quan và tự-mãn ».

Có lần hán vào quán hót-tóc. Khi cạo râu cho hán, người thợ ý chừng lấy làm khâm-phục bộ râu xuất chúng của hán, mới hỏi :

— Thưa ông, vợ ông đẹp quá và vui tính quá. Hán giật mình, lấy làm lạ về ngôn-ngữ của anh thợ, sao không gọi là « bà » mà gọi là « vợ ông ».

Nhưng hán sợ ông thợ là « *L'homme qui sait trop* » về vợ hán, nên giả hỏi :

— Sao anh biết ?

— Thưa ông, tôi gặp bà đi phố với ông.

— Sao anh biết nhà tôi vui tính ?

— Dạ tôi đã gặp bà rồi.

Hán giật mình đánh thót một cái :

— Gặp nhà tôi ở đâu ?

— Gặp trên xe tắc-xông đi Đà-nẵng. Hôm đó tôi cùng đi một chuyến xe với bà. Khi xe bắt đầu chạy là tôi nghe được bà nói chuyện với bà bên cạnh.

— Bạn của nhà tôi đây.

— Không, bà này không phải là bạn. Tôi biết. Như thế mới vui về chứ. Không quen nhau mà tôi thấy bà nói chuyện với bà bên cạnh chuyện nhà cửa, chuyện vui đùa. Nhờ thế tôi mới biết bà là người vui tính.

Hán tò mò :

— Nhà tôi nói chuyện gì ?

— Bà nói chuyện nhiều lắm, tôi không nhớ hết. Suốt con đường xe chạy từ Huế vào Đà-nẵng bà nói chuyện không lúc nào ngừng. Vui tính quá.

— Chuyện gì mà nhiều thế ?

— Dạ, nhớ không hết. Đủ chuyện, chuyện tình duyên, chuyện học hành, chuyện gia đình...

— Bà kia cũng nói chứ?

— Dạ không, không ai nói hết, một mình bà nói. Thế mới vui chứ, cho đến khi xe ngừng ở Đà Nẵng bà mới thôi nói, nếu xe còn chạy chắc bà còn nói nữa.

— Vàng, tính nhà tôi thích nói chuyện. Nhưng sao anh biết nhà tôi vui tính?

— Dạ, dễ lắm. Bữa đó khi xe ngừng, thì bà xuống trước, chúng tôi đàn ông ngồi phía sau nên chưa xuống kịp. Khi bà lên xích-lô, thì mấy người lính ngồi bên tôi liền vỗ tay cười rộ lên. Tôi cũng cười theo, Một người lính cất nghĩa: » Nếu không có cái bà lấm mồm kia, thì suốt 2 giờ xe chạy, anh em mình ngồi cảm như hén buồn biết mấy, chắc chán lắm. Bà kia giúp vui cho bọn mình quá. » Thưa ông, nhờ đó tôi mới biết bà vui tính, mới biết ông có bộ râu này. Bà vui tính quá...

Hắn toan tắt tên thợ cạo xô xiêng xác láo này. Nhưng vốn không ưa sinh-sự, và đã quá biết rõ mặt vợ, nên hắn mím môi

trả tiền rồi bước ra khỏi tiệm. Râu cằm cạo chưa sạch, vẫn còn lưa thưa vài đám quặp vô.

Hắn giận vợ. Bước vào nhà vung tay ném mạnh cái mũ xuống bàn, nhưng tay hắn vung vào quang không, Hắn quên mũ ở hiệu hớt-tóc. Vợ hắn ngồi chải tóc, thấy nét mặt hắn hầm-hầm và vung tay vu - vu, mới hỏi:

— Minh làm gì đó?

— Tôi không làm gì cả. Tôi làm vui cho thiên hạ, cho ông tài-xe trên xe tắc-xông.

— Minh nói gì em không hiểu.

— Không hiểu thì ra hỏi thằng thợ hớt tóc.

— Minh bảo em có tình ý với thằng thợ cạo?

— Không biết. Đã không biết xấu còn lý-sự cùn.

— Minh bảo tôi lý-sự gì? Nói ngay đi.

Vợ hắn vừa hét to, vừa vớ lấy cái chổi lông gà.

Hắn vội nắm tay lại. Vợ hắn tru tréo.

— Minh ghen hả? Đàn ông gì mà tầm thường; cứ theo dõi vợ không biết xấu hổ.

Tự-ái hắn trào ra:

— Tôi bám sát mặt, vì thành-tích của mặt bắt hảo. Mặt biết chưa?

— Minh gây sự với tôi hả. Thành-tích tôi thế nào kể nghe nào?

Hắn vội-vàng đi đóng cửa. Sở hàng xóm nghe xấu lây cả lũ, xấu cho gia-pháp của mặt vợ. Hắn nói:

Mặt đi của ái-tình cùng xóm. Mặt vác miệng đi tán-tĩnh thằng Heo, thằng Vịt, thằng Chó, thằng Trâu, thằng Bò.

Vợ hắn không lấy làm xấu, gào to:

— Biết thế sao còn cưới tôi?

Hắn đuối lý. Trót lỡ đi rồi. Hắn thấy không phải lúc giảng-giải. Tình trạng này im lặng là thượng sách. Và hắn vội-vàng lấy mũ ra đi.



Hắn uống nước cam ở quán gần nhà ga. Cô bán hàng lân-la hỏi hắn:

— Thưa ông, sao ông không dẫn bà đi cho vui?

— Nhà tôi ốm.

— Bà cảm gió hay tai nạn? Hồi sáng bà mới ghé đây.

— Nhà tôi có đến đây à?

— Vàng bà ghé ăn chè với mấy anh khác, Bà vui vẻ và hoạt bác lạ.

Hắn nghĩ. Cái vui vẻ của vợ hắn, hoạt bác của vợ hắn là một cái nhục, cái xấu. Ý chừng con bé này mĩa mai hắn chẳng!

— Sao cô biết nhà tôi?

— Thưa em nghe bà nói chuyện.

— Nhưng sao cô biết tôi là chồng bà ấy?

— Em nghe mấy ông kia nói về ông.

Hắn vẫn không đủ nghị-lực để nén tò mò:

— Họ nói gì tôi?

— Dạ nói nhiều lắm. Họ nói về hình-dạng ông.

— Hình dạng tôi thế nào?

Cô hàng không trả lời, nhìn vào mặt hắn, rồi nhìn vào cằm hắn, rồi lặng-lẽ mỉm cười. Hắn hiểu ý và tự nhiên thoa cằm. Đặc-điểm khiến ai cũng nhận ra hắn vẫn là bộ râu xuất chúng và cặp mắt lo-láo. Mà vợ hắn dám nói xấu hắn với bạn à?

Hắn đánh trống lảng:

— Ở đây bán đặc quá! khách đây đông và vui vẻ...

— Vui cũng không bằng hồi sáng ông ạ. Hồi sáng bà với

mấy anh ấy vui lắm.

— Vui gì?

— Dạ nói chuyện vui. Bà kể chuyện bà, lúc bà ở Hà-nội nè, lúc bà ở Sài-gòn nè, bà kể chuyện lúc bà đi học nè, ôi thôi, chuyện của bà sao mà nhiều thế! Mà anh xích-lô ngoài kia cũng vào nghe chuyện. Bà nói như đĩa hát, nói như ra-đi-ô.

Hắn giận tím gan, giận tái mặt đến nỗi râu cũng phải run lên. Hắn hét:

— Thôi im đi.

Cô hàng cứ điềm nhiên:

— Bà nói chuyện làm bọn em phải ngừng tay đứng nghe. Ai cũng nghe. Bà mà diễn-thuyết thì tuyệt.

Rõ-ràng là cô hàng chữi khéo vợ hản. Con gái bảy nghề, ngồi lê là một, dựa cột là hai, theo trai là... Hắn chụp mũ lên đầu bước ra.

Một anh xích-lô chạy đến:

— Thưa thầy đi xe con.

— Bao nhiêu?

— Dạ đây về nhà ở An-cựu còn xa. Con xin thầy 15đ. Vừa nói cặp mắt anh xích-lô lác liếng như con chồn, coi về lác xác, bắt-lương:

— Anh ở đâu mà biết nhà

tôi?

— Dạ con biết nhà bà. Con quen với bà.

Cơn giận hản lại trào lên. À ra, bạn quen với vợ hản là ông tài-xế hỗn-láo ở Đà-nẵng, là tên xích-lô bắt-lương, là con mẹ bán hàng hỗn-láo bắt-trị. Bạn quen của vợ hản là đủ hạng người, là dân tứ chiếng, là tất cả?... Vợ hản xā-giao rộng, và lại gây được cảm-tình với đám đại quần chúng ấy. à? Không lẽ thiên-hạ tán-dương vợ hản ở điểm giao du dễ-dãi ấy?

Ôi, thiên-hạ không ai hiểu hản. Hản chán-nản. Hản cô-đơn. biết bao? Hản tức quá. Nhất-định chuyến này phải trị mụ vợ thẳng tay. Anh xích-lô cứ lè nhè:

— Thưa thầy, thầy cưới cô bao giờ?

Hản giả không, nghe. Tên xích-lô nhắc lại, hản nhát gừng:

— Hai năm rồi.

— Cô đông anh em quá.

Hản không thể không cãi-chính:

— Nhà tôi con một.

— Dạ, con không biết. Năm kia con gặp cô hay đi chơi với ông Hồng, bây giờ là Sĩ-quan,

con tưởng ông ấy là anh của cô.

— Ông ấy bà con với nhà tôi (Hản biết đó là tình-nhân cũ của vợ, nhưng cứ chối).

— Năm ngoái, con thường đi xe cho cô đi phố mua hàng với ông Chánh làm ở đồn...

— Đó là bác của người bạn nhà tôi.

— Dạ, con nghe cô gọi ông ấy bằng anh, con tưởng cô bà con...

— Gọi bằng anh là phải, vì quen thân từ nhỏ.

— Dạ, cô ở nhà có ông anh đẹp trai, làm đầu dưới nhà thương, hay đi dạo với bà ở kiệt này. (Anh xích-lô chỉ kiệt Tỉnh Đường).

— Bạn cũ của nhà tôi đấy.

Anh xích-lô mắt dạn cứ lè-nhè nói mỉa hản. Hản giả vờ ngủ và đưa tay vuốt râu quặp nơi cằm, khe thờ dài.

Về đến nhà, hản ném mình xuống ghế xa-lông. Vợ hản đương thoa phấn, vội hỏi: (Vợ hản mau miệng một cách khủng khiếp).

— Mình đi đâu về còn về một thế?

— Đi lên ga ăn chè.

— Chè ga ngon tuyệt. Đã

mấy tháng nay em không đến đó...

— Thôi, đừng vờ nữa.

— Mình nói gì em không hiểu.

— Không hiểu thì hỏi thằng xích-lô.

— Ô hay, mình nói gì kỳ-quặc vậy? Thằng xích-lô nào?

— Im nghe tôi hỏi: sáng nay mụ đi chơi với mấy thằng mất dạy nào trên ga?

— Sáng nay tôi giặt áo quần ở nhà.

— Láo, mụ đừng đóng kịch nữa.

— Tôi đi với trai đó. Anh làm gì tôi?

— Tôi không làm gì mụ. Nhưng tôi có quyền khinh mụ suốt đời. Thiên-hạ sẽ coi thường mụ. Mụ biết không?

— Khinh như anh cũng hèn. Biết vợ đi với trai mà phản đối bằng cách im lặng là hèn. Anh hèn lắm.

— Vàng, tôi hèn. Tôi hèn khác thiên-hạ ở chỗ thấy người ta hư hỏng tôi cũng cưới làm vợ. Tôi hèn ở chỗ...

— Ôi chao ôi! Anh tưởng anh cao-thượng lắm à? Không đưa con gái nào, thêm lấy thứ mặt anh, anh mới theo đuổi

tôi. Tôi xa-lánh anh. Gia đình tôi ba lần xua đuổi anh. Anh không lấy thể làm nhục, cứ đeo tôi như đĩa dơi. Anh bần tiện lắm anh biết không ?

Hắn muốn xáng vỡ một cái gì cho đã giận. Nhưng hắn chỉ hét :

— Ôi chao ôi ! Quá khứ của mẹ tốt lắm à ? Mẹ chạy theo tiền. Đâu có tiền là mẹ xông vào tấn công tình ái, không kể ngu hèn, tầm thường, mẹ chỉ biết tiền..

— Thế thì anh có giàu không mà tôi lấy anh ?

— Tôi nghèo, nhưng tôi hơn thiên hạ ở chỗ tôi biết tha thứ, tôi khoan-dung, tôi biết trọng sắc đẹp của vợ, tôi biết..

— Thôi đừng có nói hơn thiên hạ. Anh bần tiện hơn thiên hạ thì có. Trước hết biết vợ đi với trai mà không dám nói ra là hèn. Anh biết chưa ? Hai nữa là biết người ta hư-hông mà cứ cưới làm vợ ; như vậy là ngu biết chưa ? Thứ ba là anh không cảm hóa nổi vợ, không đủ tự cách giữ vợ, với anh để vợ theo trai, như thế là anh gián tiếp giúp cho vợ chóng hư thân..

Hắn chết điếng người. Đến

thế là cùng, chỉ vì quá yêu vợ. Hắn đã thường bảo : Tình yêu trên hết. Vì tình yêu hắn chịu đựng, chịu đựng tất cả. Vợ hắn không chịu hiểu cho hắn. Không ai thêm hiểu cho hắn. Vợ hắn đua-đoài theo hình thức bên ngoài. Xung quanh không ai chịu hiểu cho hắn, mà chỉ nhắm mắt tán-dương một mẹ đàn bà ngoan-cổ. Không ai hiểu hắn râu quạp chỉ vì yêu vợ, vì cao thượng, chỉ vì cho Tình-yêu là tất cả.

Bây giờ vợ hắn bảo hắn bần-tiện, bảo hắn hèn, còn cho hắn gián-tiếp làm cho vợ hư hồng — có thể vợ hắn có lý. Nàng có lý. Mà nàng có lý thì hắn phải chết — Đời chỉ có một chân-lý — chết vì tình yêu cũng như chết cho Tự-do. Cũng đáng hãnh-diện lắm chứ !

Và hắn đi tự-tử. Hắn đi ra đường xe lửa, nằm gối đầu trên đường rầy và cổ ngủ để đợi bánh tàu nghiền nát cuộc đời hắn — cuộc đời phi-lý đầy mâu-thuẫn — Hắn đợi chuyến tàu 10 giờ tối.

Trời hôm ấy mát. Hắn nằm như thế đã hơn hai giờ. Còn 30 phút nữa hắn mới trở về với

cát bụi. «Cát bụi trở về với cát-bụi». Chân-lý của hắn, và bỗng nhiên hắn bình tĩnh ngược mặt nhìn bầu trời trăng sao vàng-vạc. Hắn cố quên giờ phút hãi-hùng khi vình-viễn từ bỏ cuộc đời vô-nghĩa và hắn cố đếm sao trên đỉnh trời. Một, hai, ba, ba trăm, bốn trăm. Không sao đếm hết. Và hắn thốt nhớ một câu văn mà hắn đã ăn cắp để viết thư tình : « Em hãy đếm sao trên trời. Có bao nhiêu sao là anh yêu em bấy nhiêu ». Câu đó hắn mới viết hôm qua cho Thương, vợ chưa cưới của hắn. Bỗng hắn hét lên một tiếng vang trời : Hắn chưa cưới vợ ! Thì không thể nào tự-tử vì một mẹ vợ ! Hắn điên. Và hắn vùng dậy chạy bán sống bán chết. Hắn chưa vợ. Và Thương của hắn ngoan - ngoãn, dè-dặt, đầy đủ nết na và rất mực trung thành với hắn. Hắn suýt chết toi mạng. Hắn gào to : — Cuộc đời chưa tệ lắm. Chưa đến nỗi nào ! Bỗng hắn hét : Chưa đến

nỗi nào. !..



Hắn hét to. Tôi giật mình. Cả quán giải khác giật mình. Câu chuyện của hắn điên không hiểu hắn có điên không ? Nhưng thấy xung quanh trở mắt nhìn hắn, hắn vội vàng ngồi xuống, cúi gằm mặt xuống bàn, nói với tôi :

— Mình say quá cậu ơi. Uống rượu quá nhiều, khi say mình mất bình tĩnh và hay bịa đặt chuyện ra để nói bậy. Chứ mình đã có vợ đâu..., mình chọn vợ kỹ lắm..

Chúng tôi vui vẻ bước ra khỏi quán. Hắn cũng vui vẻ vừa thoát ra khỏi cơn say. Nhưng rờ lên cằm, hắn sực nhớ từ ngày hắn có vợ, râu hắn đã quạp, mà mũi hắn cũng khoằm, mắt hắn ngo-ngác như mắt thằng điên..

Hắn vội-vả bước nhanh về An-Cựu, kéo đi lâu về sẽ bị vợ hắn rầy..

Ơ N T
H Ê Ô
T L R U

Tặng Nữ Nam Thí - Sinh trọt vỏ chuối

Thi cử sao mà khó vậy ôi ?
Mười trò, chỉ đậu bốn trò thôi !
Công-lao đèn sách mười-hai tháng
Gặp mấy đề thi... ôi mẹ ôi !

Chương-trình Ngoại-ngữ dạy lơ-rơ,
Mà đến bài thi thật bí-bơ !
Mấy vạn thư-sinh ngồi ú-ự :
Mười trò, đã hết tám trò ngờ !

Nghệ ông Bộ-trưởng dạy ta rằng :
Thi-cử từ nay sẽ khó-khăn.
Trên chục Thí-sinh, ba bốn đậu,
Mới thêm giá-trị mảnh văn bằng !

Nhưng dạ thưa Ngài, bạn trẻ ta
Mười người, chỉ được bốn thôi a ?
Học-sinh nước Việt sao tồi thế ?
Không đủ thông minh trí-tuệ ha ?

Học-sinh nước Việt giỏi hẳn rằng ?
Ngoại-ngữ lom-lem học xí-xằng
Là bởi chương-trình cho có vậy,
Bảo sao bạn trẻ đủ tài năng ?

Môn học trong trường cho ít thôi
Đi thi phải cố dấm ăn xôi !
Trọt nhăm vỏ chuối, nời xôi vỡ !
Thi-cử chi mà khó vậy ôi !

Diệu Huyền

TRỌNG TẦU
và BA TÈO

Chuyện CÀ KÊ

PHÚT CUỐI CÙNG

VỪ A rồi một tờ báo Anh có đăng một câu hỏi sau đây đề nhờ bạn đọc trả lời :

“Lịnh báo động đã ban hành, nước bạn sẽ bị tàn-phá vì bom nguyên-tử. Bạn chỉ còn sống có 4 phút nữa thôi. Vậy bạn sẽ làm gì trong 4 phút cuối cùng ấy ?”

Đại đa số trả lời :

— Tôi sẽ quỳ xuống cầu nguyện.
Hoặc :

— Tôi sẽ uống tách nước trà cuối cùng trước khi chết.

Cả hai câu đều bộc lộ thái độ điềm tĩnh, đặc-biệt của người Anh. Và... ta có thể kết luận : « Đứng là phớt tỉnh (flegmatic) như Ăng-Lê » !

Ngoài ra, người ta cũng nhận được những câu trả lời khác...

Của Crawford tại Luân-Đôn :

— Tôi sẽ chơi ô chữ.

Của Jeremiah Withers tại Kent:

— Tôi sẽ dùng 4 phút cuối cùng để oán-hòn nhân loại, để sỉ vả các chính-trị-gia, những kẻ trục lợi, những tên mối lái chính-quyền.

Sau hết, một kẻ thiết thực hơn, M.A.T. Todd đã trả lời :

— Tôi sẽ dùng 3 phút đầu để tìm cách thoát chết và 1 phút chót để chịu chết.

KIỀU NHẬT

Nếu câu hỏi trên được đặt ra ở bên Nhật có lẽ ta sẽ nhận được câu trả lời này :

— Tôi sẽ dùng 1 phút đầu để mài gươm lại cho bén ; phút thứ

CHUYỆN CÀ KÊ

nhì đề rạch bụng và 2 phút sau để thò tay vào moi ruột ra cho nó lòng thòng, coi cho vui chơi!

KIỀU MỸ

Ở Mỹ có lẽ độc-giã sẽ trả lời bằng câu này :

— Tôi sẽ cố lợi dụng 4 phút của đời tôi để đánh nốt ván « golf » cuối.

KIỀU NGA

Chắc chắn là ở Nga, Cút-xếp sẽ thay mặt mấy *fovarich* (đồng chí) của ông để tuyên-bố :

— 4 phút ấy vừa đủ thì giờ để chúng tôi gọi khi (thủy tổ loài người) lên cung trăng, rồi đồng hô to khẩu hiệu : « Đại... đồng chết muôn năm ! »

KIỀU

Người Ý hình như sẽ trả lời :

— 2 phút đầu để sửa soạn món Ma-ca-rô-ni (thứ mì ống) và 2 phút sau đủ để pha một tách cà-phê.

KIỀU TÀU

Chắc mấy chú Ba sẽ nhờ Đại Phát Thanh kêu gọi :

— Những ai muốn bán tổng bán tháo đồ đạc với giá thật rẻ, Ngô sẽ mua hết. Thượng vàng, hạ cám, Ngô không có từ một món nào. Cả cái trái pom nguyên tử Ngô cũng mua, hồng có hề gì mà !

KIỀU THỤY-SĨ

4 phút cuối cùng đủ thì giờ gọi điện văn đi mời toàn thể các chánh-khách trên thế giới tới họp hội-nghị hòa bình ở nước tôi.

KIỀU TÂY-BAN-NHA

Còn 4 phút chót, chúng tôi chạy đi coi đấu bò..»

KIỀU PHÁP

Toàn thể dân chúng Pháp sẽ hô to : «cô-nhác, sâm banh, binh-dãng, tự do, bác ái muôn năm !»

KIỀU ĂN-LỘ

Thủ tướng Nehru sẽ khệ-nệ đeo vòng hoa lài tòn-ten trong cổ và lên micro kêu gọi : «Hòa bình chung chết !» Và sau cùng, thưa các bạn, còn 4 phút cuối cùng tận thế, chắc chắn chị Diệu Huyền sẽ gọi «Mình ơi !»

NGƯỜI GIỐNG NGƯỜI

Người giống người ở trên đời này là thường. Có khi nhờ «giống hệt» kẻ khác, ta được nhiều cái lợi, và cũng có khi hại. Xin thí dụ:

Tất cả những người biết đi xem «xi la ma» đều phải nghe tiếng tài tử, James Dean. Chàng ta chết năm 1955. Người ta mến James Dean đến nỗi sinh ra đủ trò: hội hợp, tổ chức, lạc quyền, thành lập bảo tàng, đài kỷ niệm v.v..., tất cả cho Jimmy (tên gọi thân mật). Người ta sản xuất đĩa hát, xuất bản sách, in khăn quàng, gói, v.v... Có ảnh Jimmy.

Người ta muốn tìm 1 kẻ thay thế Jimmy.

Một anh chàng nọ ở Los Angeles, chỉ vì giống James Dean quá mà phải di cư sang Úc-đại-Lợi, vì ở quê nhà, cứ mỗi lần thò đầu ra phố, chàng lại bị những người ái-James-Dean xúm lại cào, cấu, cắn, ôm, khóc lóc, chịu không nổi!

Tại Pháp, có Gérard BLAIN cũng giống Jimmy đã được người ta tôn sùng.

Năm năm sau, ở A-căng-Đinh người ta lại khám phá ra anh chàng Djacir BRITTO cũng giống James DEAN. Nhưng chàng này đã khéo lợi dụng in diêm ấy để được chú ý. Anh ta cố tình bắt chước tất cả những gì của James DEAN, làm những gì Jimmy thích. Mặc dầu không

cận-thị, chàng ta cũng đeo kính «mi-ốp» 1 cách vô ích mà hữu-ích vì nhờ đó, chàng vừa ký một hợp đồng với 1 hãng ở Buenos Aires để đóng phim: Cuộc đời James DEAN!

ĐẤT BỤI, MI TRỞ VỀ VỚI ĐẤT BỤI.

Một người phu quét đường ở thành phố Jérusalem vừa trúng số 80.000 quan mới (bằng 80 triệu quan cũ), thế mà anh ta chỉ xin phép nghỉ có hai ngày và lại tiếp tục công việc quét đường. Viên xếp của anh ngạc nhiên hỏi:

— Tôi cứ ngỡ bây giờ anh là triệu phú thì tôi không còn hy vọng gặp anh nữa chứ!

Anh quét đường trả lời:

— Sao lại không? Nhưng bây giờ thì tôi yêu cầu, chỉ quét ở những đường phố lớn và đẹp (như đường ca-ti-na ở bên tả chẳng hạn) và ông phải cho tôi cái chổi mới.

Các bạn đừng chê anh quét đường A-rạp kia là dại nhé. Chính anh ta áp-dụng đúng mức câu nói la-tinh này

« *Memento, homo, quia pulvis es et in pulverem reverteris* » (Người hãy nhớ rằng người chỉ là cát bụi và người sẽ trở về với cát bụi). Đây là câu nói của Chúa Trời trong Cựu-uớc Kinh, phán ra cho Adam sau khi ông Thủy-tử của chúng ta nghe lời vợ phạm-tội ăn trái cấm trên Thiên Đàng...



Truyện dài của cô VÂN-NGA
(Tiếp theo P.T. số 31)

ĐOẠN THỨ NHÌ RÚT NGẮN

MỘT năm trôi qua với những biến chuyển không ngờ...

Tôi lúc ấy vừa 20 tuổi, cái tuổi biết suy nghĩ ít nhiều, và đời sống ở thôn quê về sau càng phải đương đầu với những khó khăn của tình thế, đã dạy cho tôi biết nhìn đời bằng một con mắt thực tế hơn.

Gia đình chúng tôi, như hầu

hết các nhà ở đồng quê, vẫn ngờ thời cuộc chỉ lộn xộn trong một ít lâu rồi sẽ chấm dứt để cho dân chúng được an lòng xây dựng lại những đồ nát vừa qua. Xóm làng của chúng tôi đã bị tàn phá tiêu điều, vườn trồng nhà không, gia súc không còn một mống, và mỗi tháng đôi ba lần lại bị lính Tây vào ruộng bố thiệt là kinh khủng. Bởi cây muốn lặng mà gió không chịu ngừng, các thanh niên trai tráng trong làng tôi bị bắt bớ và giết hại cũng nhiều nên những người còn lại không ngần ngại gì chẳng tham gia vào hoạt động du kích chiến vừa khởi nhóm ở các nơi, Lực lượng du kích khi ấy còn yếu, mỗi làng được dăm ba cây súng trận, thỉnh-thoảng có nghe tin vài cuộc phục kích thành công, nhưng tinh thần của dân chúng địa phương thì mỗi ngày mỗi được lên cao vì những cán bộ tuyên truyền không ngớt bí mật hoạt động.

Trong những cảnh khốn nạn, lòng đoàn kết của con người lại chặt chẽ hơn bao giờ cả, người ta tự bỏ tư thù vị kỷ và chánh kiến bất đồng để đầu lưng chan cật lại chung nhau chịu đựng cho qua những giờ khắc đen tối, cùng

là những tay giúp đỡ những ai cần đến họ.

Một hôm nọ, có một chàng trai trẻ ghé vào nhà tôi xin cho tạm nghỉ một đêm. Chàng có đem theo một chiếc cặp da đựng nhiều tài liệu bí mật với một khẩu súng lục, và tự giới thiệu là một cán bộ tuyên truyền ở miền Đông mới đổi về. Dưới ánh đèn mờ, bên mâm cơm thơm tất, chàng thanh niên nọ thân mật kể chuyện miền Đông cho chúng tôi nghe. Các em trai tôi thích lắm cười vang liên miện và chốc lát lại rón tay ve vuốt lấy khẩu súng đen ngòm nọ một cách kính cẩn và triu mến như vật nọ là một con người có quyền thế và sức mạnh mà dân chúng bị áp bức trông chờ bấy lâu. Những tin chiến cuộc khả quan của chàng cho chúng tôi hay có một giá trị đặc biệt riêng với tôi làm tôi sung sướng vô cùng. Đã mười hai tháng nay, tôi không được một tin tức gì về Thanh, người yêu quý của tôi đã chiếm trọn tâm hồn tôi. Tôi hỏi chàng trai trẻ nọ có biết Thanh không, chàng ngần ngại một lúc rồi bảo :

— Tôi có nghe nói đến anh

ấy nhiều.

Tôi mừng rỡ vô cùng và hỏi thêm :

— Anh có nghe nói bộ đội của anh Thanh chừng nào trở về đây không ?

Chàng thanh niên nọ chăm chỉ nhìn tôi giây phút rồi lắc đầu :

— Không chị ạ. Trong các bộ đội được đề cử trở về tăng cường cho Khu 9, tôi không nghe kể đến bộ đội của anh Thanh.

Tin ấy gieo vào lòng tôi mối u sầu day dứt đến mấy ngày, nhưng mỗi khi nhớ đến lời hẹn ba năm sẽ trở về của Thanh, tôi thấy được an ủi ít nhiều vì chàng đã có đất vẫy vùng, tất sự mơ ước trông chờ của tôi cũng có ngày được đền bù lại.

Từ đó, thỉnh thoảng năm bảy bữa một lần, chàng thanh niên nọ lại ghé vào nhà tôi xin tạm trú một đêm. Tôi được biết anh ta tên là Thủy, học sinh ban Tú-Tài, nhà ở Sài-gon, đã bỏ học theo kháng chiến bấy lâu, chưa vợ con gì cả.

Thủy thấy tôi lúc nào mặt cũng kém tươi, thường lựa lời khuyên lơn và thuật cho tôi nghe những

gương can đảm của chị em phụ nữ ở miền Đông. Một đêm nọ, trăng sáng nước đầy, tôi ngồi thơ thẩn bên cầu mát nhìn ánh trăng khuya ú rú màu xanh nhạt và buồn mênh mông như lòng người quả phụ, tôi hỏi tưởng đến những kỷ niệm đậm đà hãy còn thơm ngát theo tiếng gió rừ rừ trong bóng lá như nhắc nhở những câu trăng nước hẹn hò.. Bỗng tôi nghe có tiếng nói nhẹ nhàng sau lưng :

— Sao chị hãy còn buồn mãi như vậy, có ích gì ?

Tôi nhìn lại thấy Thủy đứng một bên :

— Anh chưa ngủ sao ?

— Chị còn không ngủ được nữa là tôi.

— Anh nói vậy là ý gì ?

— Tôi cũng đồng một tâm sự như Vân vậy, mà lại có phần đau khổ nhiều hơn nữa vì người tôi yêu lại chẳng hề nghĩ đến tôi.

Tôi hiểu Thủy muốn nói gì và nín lặng không hỏi tới nữa. Đã nhiều phen Thủy bảo gần bảo xa cho tôi biết đến mối tình cảm của chàng với một cô gái đẹp nọ mà tôi hiểu ngay là chàng muốn ám chỉ vào tôi. Thủy cũng cho

tôi biết mối tình anh là mối tình đầu, nếu anh được yêu lại thì anh sẽ làm lễ tuyên bố đám cưới mới trong thời kháng chiến, bằng như tình anh không được đền đáp anh sẽ trở về miền Đông xung phong vào hàng ngũ tác chiến cho khuây khoả nỗi lòng.

Giọng nói của Thủy trở thành khăn khăn :

— Vân ơi, bấy lâu nay tôi không dám thổ lộ tâm tình của tôi ra, nhưng Vân cũng dư hiểu rằng tôi kính mến và yêu quý Vân đến bậc nào. Tôi yêu Vân ngay lúc tôi vừa mới gặp Vân lần đầu, và tình yêu ấy nó đeo đuổi, day dứt làm khổ tôi bấy lâu. Nó khiến tôi mất ăn, mất ngủ, hình như trong đời tôi còn thiếu một cái gì để mà sống vậy... Hôm nay, không thể được nữa, tôi mới ngộ lòng cùng Vân, mong Vân đừng nghĩ rằng những lời của tôi là dả dối. Chúng ta còn trẻ, tâm tánh thích hợp, tư tưởng đồng hòa, tại sao không thể là một cặp uyên ương được ?

— Xin anh đừng nói vậy, tôi là con gái có chồng.

— Chuyện của Vân tôi hiểu lắm, Thanh có cưới hỏi Vân

đâu, ai buộc Vân phải có bồn phận chờ đợi? Thanh sẽ không về đây nữa đâu. Tôi cam đoan với Vân như vậy?

— Anh Thủy, tôi không thể yêu hai người được, anh hiểu vậy chứ? Xin anh gát bỏ chuyện ấy đi. Anh tuy không là bạn với anh Thanh, nhưng cũng là đồng chí, anh không nên nói với tôi những lời như vậy mới phải.

Tôi nói xong, đứng dậy đi vào trong. Thủy ngồi lặng, gục đầu xuống tay thờ dài. Tôi thật áy náy cho Thủy. Anh ta tâm tánh tốt. Tôi tưởng đã tìm được một người bạn chân thành, không ngờ anh ta lại hiểu lầm sự thân mật của tôi. Lòng tôi đã có chủ rồi, còn đâu chia sẻ cho ai nữa?

Sáng hôm sau, tôi thức dậy hơi muộn hơn mọi lần. Vừa mở cửa nhà trên ra, tôi thấy Thủy và em Năm, em Sáu đang ngồi uống nước ở nhà dưới. Ánh sáng bình minh chiếu lên trời như cánh quạt rẽ, và tỏa hơi ấm của một ngày xuân bắt đầu. Tôi bước xuống sân sau, tiến lại bên chuồng lợn xem cặp heo ú mấy lâu nuôi dẫu ở trại ruộng mà má tôi mới bắt về hôm qua. Cùng

dem theo về với cặp heo ấy, có bốn con gà mái mới nở ò ò đang bươi đất, gọi con túc túc. Vắng thấy cảnh gà quanh quần bên chuồng đã lâu, tôi đứng nhìn mãi miết, lòng vẫn vơ nghĩ đến thời thanh bình an lạc.

Vừa khi ấy, có một chiếc xuồng chèo ghé bến nhà tôi. Trong xuồng bước ra hai người thanh niên ăn mặc áo quần lam lũ nhưng mặt mày trông có vẻ sáng lạng thông minh thấy phân biệt hẳn với hạng nông dân làm khổ.

Thủy thấy hai người ấy, vội chạy ra đón mừng. Ba người dắt nhau đi về góc nhà lẩm, xù xì nói chuyện một hồi lâu, rồi Thủy trở vào lấy cặp da giả từ chúng tôi ra đi.

Chàng có bảo cùng tôi:

— Đêm nay tôi sẽ trở lại cùng với nhiều người khác. Xin chị cũng vui lòng cho tá túc một đêm.

Quả nhiên, tối hôm ấy Thủy trở về với năm người trai tráng có súng ống hẳn hoi. Họ đi trên một chiếc ghe củi có chõ đậy nấp, là thứ đệm đang bằng lát chiếu dùng cho dân nghèo

chun vào năm ngũ phối phải sợ muỗi đốt.

Tôi ngạc nhiên, hỏi:

— Ủa, nấp của ai nhiều vậy? Có đến gần trăm chiếc?

— Của bộ đội ở miền Đông về đó.

— Họ về bấy nhiêu đó ư?

— Còn đông lắm chứ, nhưng mỗi bộ đội đóng riêng một chỗ.

Thủy còn cho tôi biết theo lệnh phản công của Tư lệnh Kháng chiến Nam bộ, các bộ đội miền Đông đã kéo về hiệp sức với các bộ đội địa phương mà bấy lâu nay vẫn lần quất ở vùng U-Minh, Cà-Mau, sẽ mở màn một chiến dịch phản công vào các đồn bót rải rác của thực dân.

— Chùng nào khởi đầu chiến dịch?

— Ngay vào đêm nay đây. Riêng về tỉnh Rạch Giá, người ta đã lựa bót Giồng Riềng làm thí điểm thử lửa.

Thủy nói xong, nắm tay tôi và bảo:

— Vân ơi! Trước giờ ra quân, Vân cho phép tôi nói cùng Vân rằng tôi yêu Vân lắm. Hơn cả mạng sống của tôi nữa.

— Anh đừng nói vậy, tôi phiền lắm.

— Tôi là kẻ đi sau, có phải vậy không Vân? Nếu Vân không gặp Thanh, chắc Vân không hắt hủi tình tôi? Vân ơi, Vân ừ dùm cho tôi một tiếng, dù là không đúng sự thật đi nữa. Vân đã không yêu tôi. Đời tôi không còn kẻ gì nữa...

Tôi rút được một tay ra khỏi hai bàn tay Thủy và bảo rằng:

— Chúng ta chỉ là bạn là hết mức. Bằng không, sẽ thù hận nhau thôi.

Thủy thở ra và bỏ đi. Đêm ấy thanh vắng, chúng tôi ngồi lắng tai nghe những tiếng nổ to ở phía chợ Giồng Riềng, trong dạ phập phồng lo sợ. Đến gần sáng, có nhiều tiếng ca hát vang lừng từ xa đưa tới. Một đoàn chèo xuôi lần vào con rạch chảy trước nhà tôi, tiếng hát « dân quân » từ đó đưa ra, thánh thót lấy lòng... Hai bên bờ rạch, dân chúng thấp đèn ra bến đón mừng, tiếng vui cười rộn rã:

— Các anh về! Các anh đặc thăng trở về!

Đoàn ghe ghé bến tôi, những anh chiến sĩ áo đen, mặt phong trần lộ vẻ hiên ngang cương quyết, ị ạch đem lên sân nhà những thùng đạn, những

bố áo quần, mừng mền. v..v.. Anh nào trên vai cũng có mang hai khẩu súng trường, một của mình, một của giặc. Họ vui vẻ loan tin cho đồng bào đến mừng họ :

— Đồn lính Tây ở Giồng-riêng đã «nhảy» rồi !

Đồn Lính Tây đóng ở Giồng-riêng, tại nhà ông Cà Ban, là một cứ điểm hùng hậu có đến 2 trung đội lính «gạch-mặt» (Ma-rốc) và lính Chà chớp, ai đi ngang thấy cũng kinh hồn. Thế mà đồn ấy bị đổ chỉ trong một đêm ! Dân chúng vui mừng biết mấy.

Trong bộ đội, có anh ba Khanh tôi đi theo nữa. Anh vào nhà thăm viếng gia đình, má tôi cũng ngờ cho cái lối bỏ đi năm trước và hỏi thăm đến vợ anh. Anh cho hay anh đã có 2 đứa con gái, bây giờ vợ con anh đều ở Hà tiên, Anh có hỏi thăm tôi được thơ của Thanh không, tôi đáp rằng Thanh chưa gửi tin tức gì về cả, nhưng có người cho tôi hay chàng đang ở bộ đội X... ở miền Đông. Anh Ba tôi suy nghĩ một lúc rồi bảo riêng với tôi :

— Nếu mày liên lạc được với nó, mày phải viết thơ khuyên nó ráng ăn nhàn cho hay đã.

— Sao anh lại dặn vậy ?

— Mày nên giữ kín việc này :

ở H nội có xảy ra nhiều việc bất đồng chánh kiến giữa phái quốc gia và cộng sản. Vì vậy, trong hàng ngũ kháng chiến Nam bộ, người ép chìm phe quốc gia lắm, ai không bị «nhuộm» thì khó toàn.

Vừa khi ấy, có một xuồng chở thương binh vừa cập bến. Người ta khiêng vào nhà tôi nhiều chiến sĩ máu me đầm đìa. Trong các người bị trọng thương, có Thủy là nặng hơn cả.

Anh Ba bảo tôi :

— Thủy can đảm lắm. Ai cũng phục. Không có nó, cây Ép-em (F.M.) đầu bạc của giặc còn nở hoài, quân ta khó lòng tiến vào bót.

Tôi hiểu ngay vì sao Thủy liêu lĩnh như vậy, vội đến một bên, cúi xuống nhìn vào mặt chàng. Khuông mặt hiền hậu, sáng của bình thường đã biến đổi một cách đáng thương. Máu đen đóng dính hai khoé mắt như những giọt lệ từ trong lòng anh chảy ra. Mặt anh xanh mướt, hốc hác trông thấy biết ngay là không còn sinh khí bao lâu nữa. Anh bị một vết đạn vào giữa trán, óc lòi ra. Người ta phải lấy một cái chén chung đập lên trên và băng tạm lại cho anh, để

chỗ về căn cứ cứu chữa cầu may.

Tôi nén lòng cảm xúc, lấy khăn ướt lau mặt cho anh. Anh nhướn cặp mắt lơ lơ, mệt mỏi ra nhìn, và nhận ra tôi anh liền nở một nụ cười héo hắt trên đôi môi nhợt nhạt, khô khan. Miệng anh mấp máy muốn nói gì, nhưng thốt chẳng ra lời. Tôi nắm tay anh, rơi nước mắt và bảo rằng :

— Anh Thủy !.. Anh tha thứ cho tôi.. Tôi không thể nào làm khác. Anh cũng hiểu vậy... Thấy anh bị thương, tôi đau đớn lắm.

Anh có biết không ?.. Anh ráng tỉnh dương. Tôi cầu trời khấn phật cho anh chóng mau bình-phục..

Thủy khe khẽ cọ má vào bàn tay tôi khi tôi lau mặt cho anh, rồi từ từ nhắm mắt lại. Hơi thở của anh yếu dần đi... Một người cứu thương chích cho anh một mũi thuốc khoẻ, và bảo cùng tôi :

— Nghe nói chị có học ban cứu thương ? Chị nên tiếp tay dùm tôi, săn sóc các thương binh khác.

(Còn nữa)



TRÚNG ĐỀ THI TỬ-TÀI PHẦN NHƯT

LUẬN - ĐỀ LUẬN - LÝ

của MINH VĂN và XUÂN TUỐC

Đã trúng ngay Đề I kỳ Thi Tú-Tài (Ban C và D) : (Đề IV trong sách) « Tổng-Thống Việt-Nam Cộng-Hòa thường nhắc đến hai chữ THÀNH và TÍN.

Vậy Thành là gì ? Tín là gì. Thanh-niên, học-sinh, giữ được Thành, Tín thì có những lợi gì ? »

— Trúng nội-dung Đề I kỳ thi Tú-Tài (Ban A và B) : (Đề VII trong sách)

« Học-sinh phải quyết-tâm xây-dựng một nền giáo-dục có tính-thần dân-tộc và khoa-học, nhưng căn - bản là Đạo - đức »

— Và 18 Luận-Đề Phổ-Thông cần - thiết khác cho Học - sinh Luyện Thi.

Nhà xuất bản SỔNG MỚI
30 B Phạm ngũ Lão — Saigon

Sách Báo mới

★ **TRUYỆN TÔ-BI** của *MAI-LÂM ĐOÀN-VĂN-THẮNG*.

★ **KHÚC CA LÊN ĐỀN**, cùng một tác-giả.

« LÊN ĐỀN là những khúc ca của người Do-Thai, thiết-tha, chân-thành... », là những bài Thánh-Vịnh ngợi khen Chúa Jêsus Christ. Giá 15\$.

TÔ-BI, là « Tích truyện ông Tô-Bi, vốn người dân Do-Thai, Dòng họ Nép-ta-li » truyện bằng thơ. Giá 25\$

Tác-giả xuất-bản, 203, Bà-Hạt, Chợ-lớn.

★ **VIỆT-NAM BÁCH-KHOA TỪ-ĐIỂN** của *ĐÀO-ĐẶNG-VỸ*

Đây là quyển I (A-B). Biên soạn công phu. Bìa in đẹp, giấy tốt. Dày 240 trang. Loại Đặc-biệt, không đề giá. Tác giả xuất bản, 96 - A Hiền-Vương, Sài-gòn.

★ **ĐÊM KHÔNG NGỦ**. Thơ của *HOÀNG-YẾN-TRANG*.

ở Khánh-Hưng, Sóc-Trăng.

Xem bức ảnh in trên trang đầu, có thể đoán chừng tác-giả độ 19, 20 tuổi. Trong tập thơ 70 trang, gồm 29 bài, đại khái có những câu :

Em bảo đã hiểu lòng tôi
Sao em còn hỏi
« Tại sao anh không sang thăm em »
.....

hay là :

Em hỏi vì sao gặp em tôi buồn
Buồn về ai
Thế mà tôi hằng có mặc-cảm chua xót
Không bao giờ em biết
v.v.v.v.

Giá bán 30\$

★ **TỐC KÝ VIỆT-NAM**, của *TRẦN-VĂN-MAY*

Tác-giả trình-bày một phương pháp tốc ký Việt-nam căn-cứ vào lối tốc ký của Duployé và Buisson (Pháp). 145 trang. Giá 58\$ — Nhà xuất-bản TỰ-LỰC, 92 Đại-lộ Lê-Lợi, Saigon.

★ **BƠ VƠ**, thơ của *HY-VĂN-MÔNG* — Huế.

Hầu hết là thơ Đường Luật, bát cú, tứ-tuyệt, hoặc thơ lục bát, 50 trang. Không đề giá.

★ **TÂN-BIÊN VIỆT-HOA TỪ-ĐIỂN** của *LÝ-VĂN-HÙNG*

Sách này có thể giúp các bạn tự học bổ túc phần Hán-tự, và xử-dụng các từ-ngữ Hán-Việt cho xác-nghĩa. Tác-giả là một nhà Văn Trung Hoa có danh tiếng, và rất thông hiểu tiếng Việt và văn-chương Việt. Sách dày 640 trang. In đẹp.

Tác-giả xuất-bản — 43 Nguyễn-Trãi, Chợ-lớn.

★ **VIỆT-NGŨ CHÍNH TẢ TỰ VỊ**, của *LÊ-NGỌC-TRỤ*.

Giảng-viên trường Đại-học Văn-khoa, nhân-viên ban Trị-sự Hội Khuyến-học Nam-Việt. Đây là một quyển tự-vị chính tả rất đầy đủ, hoàn-toàn hơn hết các tự-vị về loại này. Rất cần thiết cho những Người Nam, Trung, Bắc, muốn viết chữ Việt-Nam cho đúng với chính tả, và các bạn thắc mắc về chính tả, muốn

tra-cứu rõ-ràng. Có chua chữ Hán để phân biệt các chữ đồng âm khác nghĩa.

525 trang. Giấy tốt. Giá 130\$. Nhà xuất-bản THANH-TÂN, 95, đường Cao-Thắng Sài Gòn :

✱ **MÙA CỔ ĐIỂN.** Thơ của QUÁCH-TẤN

Bìa và nền do họa-sĩ Phạm-Đăng-Trí minh họa. Gồm 2 phần : Mùa Cổ điển (1941 trở về trước) có 29 bài, Mùa Cổ điển (1945 - 1956) có 30 bài. Tất cả đều là thơ Đường luật bát-cú. Lời thơ nhẹ-nhàng, chải-chuốt. Thơ cũ, ý cũ, nhưng tình, cảnh mới, hoài-cảm mới.

Nhà Tân-Việt xuất-bản. Giá 70\$

✱ **BÍ-QUYẾT ÁO-THUẬT** của NGUYỄN-KIM.

4 trang, 3\$

✱ **TỔ ẤM,** thơ của ANH-TUYẾN.

Một tập thơ gồm có 37 bài, phần nhiều là thơ tứ-tuyệt liên-ngâm, ca ngợi tình yêu gia-đình. Ngào-ngạt hương-vị Thôn-quê. Lời văn giản-dị, tự-nhiên, vén khéo.

✱ **KIM CỎ,** Bulletin bibliographique.

Chủ-nhiệm, Chủ bút : Bác-sĩ Nguyễn-Trần-Huân, Paris.

Một tạp-san bằng Pháp văn có mục-đích giới-thiệu cho công chúng Âu-châu các sách báo Việt-Nam xuất-bản ở Sài Gòn và Hà-nội ; giới-thiệu và phê-bình các sách báo bằng ngoại-ngữ nói về Việt-nam, xuất-bản ở Londres, Paris, New York, Moscou, Tokyo, Pékin.

Một tạp san rất cần thiết cho những người thích tìm các sách mới nói về Việt-nam và Đông-Á, để học hỏi.

Quầy bằng Roné. Không đề giá bán.

CÁO LỖI

Vì một lẽ riêng, bài « Văn-minh Phật-giáo » của Bác-sĩ A. MIGOT, Paris, và bài « Ngày 1-5 của Lao-động Việt-nam » của TRẦN-QUỐC-BỬU, chủ-tịch Tổng Liên đoàn Lao-công Việt-nam, không đăng được. Vạy xin cáo-lỗi cùng bạn đọc.



Ngày xuất-thế

Trong nắng ấm chim non về mở hội,
 Kia ngàn cây xanh mướt trời mầm non.
 Rộn ngân lên bao khúc hát véo von,
 Của muôn loại đang mừng ngày xuất-thế !
 Nơi xứ Án, thành Ca-Tỳ-La-Vệ.
 Trong vườn hoa Lộc-uyển nắng hồng dâng...
 Mùi hương hoa thoang-thoảng tỏa láng-láng.
 Hoa và nắng kết tràng dâng Thái-tử,
 Người xuất-thế giữa hào-quang rực-rỡ.
 Tương tốt người, xuất hiện nét uy-linh !...
 Mỗi bước đi là sen nở nghiêng mình
 Để chào đón bước chân người cao-cả
 Khắp nơi nơi lòng người vui rộn-rã
 Mở hội mừng hoan-hỷ đón siêu-nhân
 Ồ, hoa dâng ! Ánh sáng đẹp vô ngàn !
 Bao tiếng hát vang lừng trong nắng sáng.
 Trong hoan-lạc của bầu trời quang-đăng
 Ánh đạo vàng bừng chiếu khắp nơi nơi.
 Tim chúng sanh đang rạo-rực đầy vui
 Đón xuất-thế với niềm vui dâng ngập...

Cô CẨM-THỦY

— Huế —

T

H

O

Anh đừng nghi ngại, bỏ mình
 Con nhận bay cao anh cũng khó bán
 Con cá ở ao Huỳnh rồi cũng
 khó câu.

2848.— Nàng sáu tháng tôi không
 bỏ bạn,
 Mưa một ngày bạn lại bỏ ta.
 Tưởng đã mình ngọc chiếu ngà
 Hay đâu anh ham của, hay là anh
 hám duyên.

Đây em không ham chi sắc, không
 mong chi tiền
 Kiếm nơi cha thảo mẹ hiền gởi thân
 2849.— Cái bẹ trắng nấu với
 thịt sườn
 Nhu thắng can nhược thắng cường
 Chừng nào bt ngọt như đường

Ó qua hết đấng điều can thường
 hết thương.

2850.— Bớt thang lên hỏi ông
 trời
 Duyên đã thấm bắm đôi gởi tại ai
 2851.— Cán lưới hồng té xuống
 ao năng
 Sống làm chi gá nghĩa chừ con
 trăng không thành
 Con cóc kêu còn động lòng trời
 Hương chi ta với bạn đôi lời
 không xiên.

2852.— Đêm nằm nghe tiếng chàng
 kêu
 Xót xa trong dạ như đĩa chết
 rồi chưa chôn
 Đêm em nằm như đĩa mất hồn
 Bao nhiêu nhơn nghĩa đã dồn về
 anh
 (Còn nữa)

Nên đọc và cổ động cho Tạp chí :

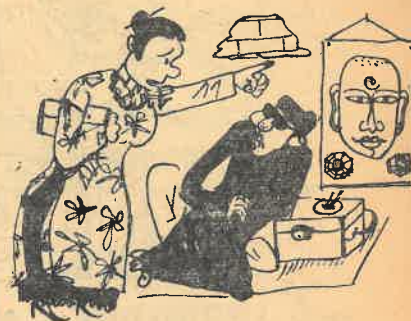
VĂN - HÓA NGUYỆT - SAN

Cơ-quan Nghiên-cứu và Phổ-Thông
 Văn-hóa Việt-Nam và Văn-hóa Đông Tây,
 Đã phát hành

Văn-hóa Nguyệt-san số 48 (năm 1960)

Với nội-dung phong-phú. Gồm nhiều bài vở chọn
 lọc, vui lạ và bổ-ích của những cây bút có giá trị.

**Đời mới
 dưới ngòi bút
 của
 họa - sĩ GIAO**



Một Bà khách hỏi ông thầy
 bói mù.

— Ông có thấy nhà tôi dất con
 nào đi qua lối này không hả ?



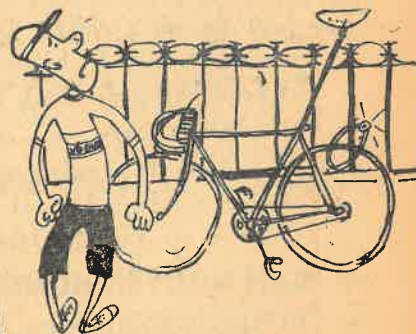
— Ông bắt giam tôi ngay, ông bắt
 giam ngay đi, vì tôi vừa bán vợ tôi.

C. B. : — Bà ấy có chết không ?

— Không, tôi bán trệt.

— Ồ, nếu vậy thì có có gì làm
 bằng để bắt giam ông.

— Ông giam dùm tôi mau, tội
 nghiệp, vì vợ tôi nó dữ lắm !



Nhà vô địch đã khóa xe cần
 thận mà còn bị thế này, hỏi rằng
 ai mà chẳng lên ruột ?!



ĐÁP BẠN BỐN PHƯƠNG

DIỆU-HUYỀN
và BẠCH-YẾN

★ Ô. LƯƠNG DUY — MỸ-THO.

HỎI: Xin cô giải rõ giùm tôi: 1) Chủ từ của 2 câu Kiều:

Còn non, còn nước, còn dài

«Còn về, còn nhớ đến người hôm nay»

2) Ai nói 2 câu cũng trong Kiều:

«Này chồng, này mẹ, này cha,

Này là em ruột, này là em dâu»?

ĐÁP:

- 1.— Câu đó có 2 chủ-từ ám chỉ; chàng là chủ-từ ám chỉ của «còn về». thiếp là chủ-từ ám-chỉ của «còn nhớ». Chàng còn về (chứ không đi luôn), thì thiếp cũng còn nhớ đến người (chàng) hôm nay.
- 2.— 2 câu đó là do cả mấy người đang «xúm quanh» đó nói, là cha mẹ của Thúy-kiều, là Kim-Trọng, là Thúy-Vân, Vương-Quan và vợ Vương-Quan.

★ BẠN NGUYỄN HÙNG-BA — TÂN-ĐỊNH.

Bà Nguyễn-thị-Kim trong *Phụ nữ tân văn* hồi trước, hiện nay ở đâu, còn sống hay đã chết, chúng tôi không được biết rõ.

— Bà Mộng-Sơn hiện ở Hà-nội.

— Kinh Phật chép bằng chữ Phạn (Sanskrit, và Pali)

— Quốc-ngữ của Phi-Luật-Tân là TAGALOG,

ĐÁP BẠN BỐN PHƯƠNG

Về văn-chương Phi-Luật-Tân, từ thế kỷ XIX trở về trước (dưới hồi đô hộ của Espagne) chỉ có vài ba tác-phẩm viết bằng tiếng Espagnol:

Arte y Reglas de la Lengua Tagala. Libro del Rosario v. v... Từ giữa Thế-kỷ XIX, có một Thi sĩ, Francisco BALAGTAS (1782-1862) tác giả quyển truyện tình bằng thơ *Florante at Laura*. BALAGTAS cũng được dân chúng Phi Luật Tân yêu chuộng và tôn-sùng như Nguyễn-Du của ta vậy. Từ khi xứ ấy bị Mỹ chiếm đóng, thì văn chương lại viết bằng Anh văn. Có những thi sĩ như F. SALAZAR, TARCILA MALAHANAN, Fernando MARAMAG v. v. Chúng tôi sẽ có một bài nói đầy đủ hơn trong một số gần đây.

★ CÔ NGUYỄN-THỊ-NGỌC-ANH, CHỢ-LỚN

Cô thử hỏi nơi bộ Quốc-gia Giáo-dục về vấn đề sửa khai sinh trong văn bằng.

★ ÔNG HÀ-DANH — 30 Phan đình Phùng — ĐÀ-LẠT

Không bao giờ nên đả kích tôn giáo nào, vì chúng ta sống dưới chế-độ tự-do tín ngưỡng. TROSTKY bị coi như là kẻ thù của STALINE vì Trostky chủ trương ĐỆ-TỬ QUỐC-TẾ, chánh sách tuy cùng là cộng-sản nhưng có khuynh-hướng khác hẳn với chánh sách của STALINE, lãnh-tụ ĐỆ TAM QUỐC-TẾ.

— Về J.P. Sartre, chúng tôi sẽ có một bài trong một số sau.

★ ÔNG LÊ-TRỌNG-TÙNG, TÒA HÀNH-CHÁNH-HUẾ

Chúng tôi có hỏi ý kiến cô Uchiko. Cô bạn Nhật - bốn không muốn cho người nào biết địa-chỉ, hoặc xin ảnh. Cô nhờ nói cảm ơn các bạn đã lưu-ý đến cô.

★ Ô. LÊ THÀNH LONG, Nguyễn-thái-Học — AN-XUYỀN.

Chúng tôi sẽ nói đến «Triết Lý Duy-Sinh» trong một số tới.

★ BẠN MỸ-VIÊN ANH, Trương minh Giảng — SAIGON

Thành-thật cảm ơn thư bạn. Rất cảm động, và xin luôn luôn

cố gắng đeo đuổi lý-tưởng Văn-Nghệ đến cùng. Chúc bạn thành công trên đường đời.

★ **BẠN HỒNG, KIẾN HÒA.**

Hai em trai của bạn đã như thế rồi và không thể nào chính-huấn được nữa, thì bạn cứ nên để mặc hai em ra sống chung đụng với đời, để hai em rút những bài học kinh - nghiệm của đời, rồi sẽ dần dần hồi-cải.

★ **BẠN NGUYỄN NĂNG KHOA, 275/465 A, PHAN-ĐÌNH-PHÙNG SAIGON.**

Muốn đổi tên, bạn phải làm đơn vào Tòa - Án, với sự ưng thuận của cha mẹ.

★ **EM KHOA - HUY, GIA - ĐỊNH.**

TỶ = chị. MUỘI = em gái. ĐỆ = em trai.

★ **BẠN SƠN - HẢI, TÂN - BINH QUÂN DỊCH KBC 3196.**

Về phương diện Pháo binh, bạn hỏi thẳng cấp chỉ-buy chắc là sẽ được giảng-giải rõ ràng hơn.

★ **BẠN NGÔ NHƯ - HOA, GIÁO - VIÊN BỒ ĐỀ, PHAN - RÍ**

Bạn gửi 3 bản đánh máy vào nha kiểm-đuyệt, Bộ Thông Tin Sài-gòn, kèm với đơn xin kiểm-đuyệt tập thơ của bạn. Trong ít lâu sẽ được giấy phép.

★ **BẠN TRẦN DIÊN — HUẾ**

— Cụ TRẦN TRỌNG KIM đã chết tại Dalat.

★ **BẠN HOA-NGÔ-ĐỒNG, QUẢNG NAM.**

Trong Lịch-sử Văn-học Âu - châu, có hai ba Thi - phái PLÉIADE, phái nào cũng chỉ có 7 nhà Thơ hội-lại với nhau thôi. PLÉIADE đầu tiên là của 7 Thi-sĩ Hy-Lạp dưới đời vua

Đại-Đế Ai-cập PTOLÉMÉE PHILADELPHÉ (304-246 trước J.C.) : Lycophon, Alexandre l'Étolien, Philicus, Homère Sosithée, Sosiphanes, Eantides.

Thế kỷ XIV, năm 1323, ở PHÁP, tại thành phố Toulouse, có hai Pléiades danh-tiếng :

1) Gồm 7 Thi-sĩ : Bernard, Guillaume, Beringuier, Pierre de Mejanaserra, Guillaume de Gontant, Pierre Camo và Bernard Oth.

2) Gồm 7 Nữ Thi-sĩ trẻ tuổi : Catherine Fontaine, Bernarde Deupie, Claude Lijonne, Adriette Pescherra, Spinete, Johanne Perle và Françoise Marie.

Hồi thời Văn-nghệ Phục-hưng, Thế-kỷ XVI, có PLÉIA-DE của 7 Thi-sĩ có tiếng tăm nhất : Ronsard, du Bellay, Antoine de Baif, Dora, Remi Belleau, Jodelle, Ponthus de Thyard. Nhóm « Thất hiền » này tự vạch chương-trình phục-hưng Văn-chương Pháp, hăng-hái bất chước theo Văn-nghệ La-Mã Hy-Lạp, và nhờ đó mà Văn-học Pháp tiến lên một bước rất cao. Rồi có Thi-sĩ MALHERBE xuất hiện, bài-bố lại cảnh tượng Văn-học còn hỗn-độn, và gây cho Văn-hóa ấy một cuộc tiến triển mới mẻ hơn.

— Goethe, nhà Thi-hào và Văn-hào Đức (Thế-kỷ XIX) có nói: « La Littérature est un fragment de fragment » (văn chương là một mảnh của một mảnh) câu dịch của Baldensperger, có ý nghĩa rằng văn-chương là một khía cạnh về tinh cảm của khía cạnh tinh-thần trong con người văn-nghệ.

★ **EM LAM - PHONG, THỦ - ĐỨC.**

Thân gửi : có tính cách thân-thiện.

Mến gửi : có tính cách cảm-mến.

★ **BẠN LÊ-THỊ-HỒNG — NỮ-SINH TRUNG-VƯƠNG**

Ngồi xe hơi, autobus, cyclo, xe lửa, mà đọc sách, rất có hại cho đôi mắt. Ngồi phi cơ đọc được, vì phi cơ không lung lay quá như các loại xe trên bộ.

★ **BẠN LỆ - TRINH, PHAN - RANG.**

Chữ « Phan-Rang » là do chữ Chàm *Panduranga* mà ra, chứ trong tiếng Việt, Phan-Rang không có nghĩa gì cả.

★ **Cô Lê thị Giang, 65 Ng. Trái — Cần Thơ**

— Các quốc-trưởng theo ĐẠO THIÊN CHÚA La Mã hiện nay : Quốc-trưởng Pháp, Tây-Đức, Bỉ, Ý, Việt-nam, v.v..

— Các quốc-trưởng theo đạo HỒI-GIÁO : quốc - trưởng Maroc, Ai-cập, Jordanie, Iran, Nam Dương, Pakistan v.v..

— Đức giáo-chủ Makarios của đảo Chypre là theo Đạo « Thiên-Chúa chánh tông » của miền Đông. (Eglise orthodoxe de l'Est)

— GIA-TÔ-GIÁO và TIN-LÀNH tuy cùng thờ Chúa nhưng chống nhau từ Thế-kỷ XVI. Vì chủ trương khác nhau nhiều điểm. Đạo CÔ-ĐỐC PHỤC-LÂM (Adventistes du 7^e jour) cũng thờ Chúa Jésus, nhưng lại chống với Gia-tô-Giáo và Tin-Lành, vì chủ-trương Chúa nghỉ ngày thứ Bảy, Le sabbat, chứ không phải ngày chủ-nhật.

Đạo Adventist, do một người Mỹ sáng lập năm 1831, tên là WILLIAM MILLER, mà tín-điều là Chúa Christ, sẽ giáng-sinh lần thứ hai, trong 1 ngày rất gần đây (second advent)

— Nước Anh (và Nữ Hoàng Elisabeth) theo một giáo-phái riêng, gọi là EGLISE ANGLICANE, tách biệt khỏi uy-quyền của La-Mã từ thời vua Henri VIII, thế kỷ XVI. Vua này chống lại với Giáo Hoàng Clément VII, vì Giáo-Hoàng không cho phép Vua ly-dị với Catherine d'Aragon.

★ **Ô. PHÚ - KHÁNH, HUẾ.**

Chim én (yến) có đến 40 giống, ở khắp các nơi trên địa cầu, chỉ trừ ở đảo MADAGASCAR (Phi-châu) là tuyệt nhiên không có. Chim én chịu lạnh không được, nên ở Âu-châu bắt đầu mùa Đông rét giá, chúng di-cư từng đoàn rất đông vào đến Nam Phi-châu và tràn qua Á-châu, rồi đến mùa xuân, độ giữa tháng 3 dương-lịch lại bay trở về Âu-châu, Ở Á-đông, loài én ở các đảo ngoài bể đến

mùa lạnh, cũng bay về nội địa. Loại chim én thường bay đi ăn sáng sớm và chiều mát, ít khi bay ra buổi trưa. Loại ở lục-địa, dài chừng 19 phân, màu đen ánh xanh, cổ và trán lông đỏ xám, dưới bụng trắng, có hai chấm trắng nơi cuối đuôi, có nhiều nhốt ở Âu-châu, Ba-tư, Ấn-độ, Tàu, Miến-điện. Chim én ở bể (hải yến) như ở Nhật, Nam-dương, Phi-luật-tân và các đảo Thái-bình-dương thì màu xám, thường ở các hốc núi, khe đá, hoặc đảo lỗ ở các nơi bờ biển cao. Chim én Việt-nam, Cao-miền, Xiêm, Mã-lai lại thích làm ổ bằng đất, dưới các mái nhà cao, gác chuông nhà thờ v.v.. Dài chừng 15 phân. Bạch-yến, lông trắng ở phía dưới lưng, hoàng-yến, lông vàng ở dưới bụng, không có loại én nào toàn trắng, hoặc toàn vàng tất cả.

Chim én ăn sâu bọ, lúc nó bay là nó kiếm ăn (muỗi, phù-du v.v..) Mức sống của nó trong khoảng 3 năm, ưa mùa Xuân và mùa Hạ. Mùa Thu làm ổ. Mùa Đông đẻ. Khó nuôi.

★ **BẠN HỒ-HOÀNG-NHỰT — ĐỆ NHỨT A I — PÉTRUS KÝ — SAIGON.**

Bạn nên hỏi nơi Bưu-điện cách thức gửi mandat international sang Pháp. Dĩ nhiên là phải tính theo N.F.

★ **Ô. NGUYỄN-THANH-ĐẠM, TRỤ SỞ PHONG-TRÀO C. M. Q. G. TUY-HÒA.**

Xin ông cứ gửi bảo đảm đề tên ông giám đốc tạp chí P. T. không có gì phiền-phức.

★ **Ô. NGUYỄN-HỮU-THỨ — HUẾ.**

Xin thành-thực cảm ơn thư ông bạn, chúng tôi đã đính chánh ngay lỗi đó nơi P.T. số sau, trước khi được thư ông. Rất mong bài của ông.

★ **Ô. THƯỢNG-UYỄN-LƯU — TAM KỶ.**

Xin cảm ơn hảo-ý của ông. Chúng tôi cũng đã có quyển sách ấy.

★ **BẠN ANH TUẤN — SAIGON.**

Về nghệ-thuật ngâm thơ, người Saigon ngâm khác, người Huế ngâm khác, người Hà-nội ngâm khác, không có một lối ngâm nhất định. Theo như chúng tôi biết, ở Saigon không có Thi-sĩ nào dạy cách ngâm thơ. Bạn cứ nghe trong Radio, tự khắc biết rõ các lối ngâm phân-biệt như thế nào.

★ **CÁC BẠN : LÂM VĂN MẠNH kbc 3318 — LÝ THỊ VINH, Đà-nẵng — TÔ HOÀI (Paksé) — NANG PONGKREU (Vientiane) — TAM VÂN trường Trung-học Gia-Long — LÊ QUANG-PHỒ, Đường Tự-Do Sài-gòn — TRẦN ĐÌNH-TRẮC, Sài-gòn — TRẦN LỆ HOA — Trung-học Mỹ-Tho — THÁI-THÀNH, Châu-đốc — ANH-MỸ-VIỆN, Pnom-penh.**

Xin cảm tạ thịnh tình của quý bạn.

Bắt đầu từ *Phở-Thông* số 36, chúng tôi sẽ cho làm hình bìa **NHIỀU PHONG - CẢNH ĐẸP** ở **NGOẠI-QUỐC**, do các bạn đọc *Phở Thông* ở ngoại-quốc gửi về. Các *Thăng cảnh Việt-nam* sẽ tiếp-tục in xen lẫn vào với *thăng cảnh ngoại-quốc*. Vẫn in offset nhiều màu tươi đẹp.

ĐÍNH CHÁNH

Thay vì: « *The Polyglote House* », *Phở - Thông* số 31, trang 89 và số 32, trang 1) và « **NGUYỄN - VĂN THẠCH** » (*Phở-Thông* số 32, trang 80),

Xin đọc là « *The Polyglot* » (không có chữ E) và « **TRẦN-VĂN-THẠCH** », *Cử-nhân Văn-chương*; chứ không phải **NGUYỄN-VĂN-THẠCH** được-sĩ.

L U ' U - Y

Từ nay tất cả thư từ và tiền bạc, bưu phiếu, gửi về tạp chí *Phở-Thông*, xin để tên ông **NGUYỄN-VỸ**.

Xin quý bạn Đại-Lý lưu-ý cho. Đa tạ.

P. T.

TRẢ LỜI NGÀY THÁNG ÂM VÀ DƯƠNG-LỊCH

★ **Một bạn đọc ở Sài-gòn**

Ngày 30-7-1938 là ngày mồng 4 tháng 7 âm-lịch năm Mậu-Dần, tháng Canh Thân, ngày Quý Hợi.

★ **Bạn Linh Phương — đường Trương-minh-Giang Saigon**

Ngày 26-4-1943 tức ngày 22-3 âm-lịch năm Quý-vị, tháng Bính Thìn, ngày Giáp Dần.

★ **Bạn Tô-Hoài-Hà — Đường Hai Bà Trưng, Saigon.**

Ngày 14-11 âm lịch 1939 là ngày Chúa Nhựt 24-12-1939 (ngày 14 là ngày Ất Vị; tháng 11 là tháng Bính Tý) còn nếu ngày 14-11 dương-lịch đổi sang ngày âm-lịch thì lại là 4 tháng 10 năm Kỷ-mão. Năm 1940 là năm Canh Thìn, chứ không phải năm Tỵ.

★ **Bạn B.C. Đạc — Phan Thiết**

— Ngày 20-9 âm lịch năm Bính Tý : Mardi 3-11-1936

— Ngày 26-3 — : Vendredi 17-4-1936

— Ngày 21-10-37 nhằm ngày 18-9 âm-lịch năm Đinh-Sửu, tháng Canh Tuất, ngày Tân-Tị.

— 24-4-34 nhằm ngày 11-3 âm lịch, năm Giáp-Tuất, tháng Mậu Thìn, ngày Ất Sửu.

— 12-4-36 là ngày 21-3 âm lịch, năm Bính Tý, tháng Nhâm Thìn, ngày Canh Tý.

— 15-3-40 là ngày 7-2 âm lịch năm Canh Thìn, tháng Kỷ Mão, ngày Đinh Tỵ.

★ **Bạn Đỗ-viết-Diên — Nha Trang**

Ngày 12-11-1943 là ngày 15-10 âm lịch năm Quý Vị, tháng Quý Hợi, ngày Giáp Thân.

★ **Một độc giả ở Quảng-Ngãi**

Ngày 2-11-1931 nhằm ngày 23-9 âm lịch năm Tân-Vị, tháng Mậu-Tuất, ngày Tân-Dậu.

★ **Bạn Trần-bá-Thùy — Huế**

Ngày 4-2 âm lịch năm Mậu-Tý = Dimanche 14-3-1948

8-4 — — Mậu Dần = Samedi 7-5-1938

24-4 — — Ất-Dậu = Lundi 4-6-1945

★ **Bạn Hoàng-Minh — Gia định**

— Ngày 1-11 âm lịch năm Canh-Thìn = Lundi 9-12-1940.

— Ngày 26-4 âm lịch năm Ất-Dậu = Mercredi 6-6-1945.

— Ngày 5-7-1942 nhằm ngày 22-5 âm lịch năm Nhâm-Ngọ, tháng Ất-Tỵ, ngày Kỷ-Vị.

★ **Bạn Thanh-Lâm — Tuy-Hòa**

Ngày 21-7 âm lịch năm Nhâm-Ngọ = Mardi 1-9-1942.

★ **Bạn Ngưỡng-Ry — Vũng-Tàu**

Ngày 10-5-1928 là ngày 21-3 âm lịch năm Mậu-Thân, tháng Bính-Thìn, ngày Canh-Tuất.

★ **Bạn Mai-dình-Cư — đường Phan-chu-Trinh — Huế**

— Ngày 16-4-1937 là ngày 6-3 âm lịch năm Đinh-Sửu, tháng Giáp Thìn, ngày Quý Dậu.

— Ngày 17-7-1947 là ngày 29-5 âm lịch năm Đinh-Hợi, tháng Bính-Ngọ, ngày Kỷ-Hợi.

★ **Bạn Hoàng-Mai — đường Gia-Long — Vũng-Tàu**

— Ngày 28-10-1936 nhằm ngày 14-9 âm lịch, tháng Mậu Tuất, ngày Quý-Vị.

— Ngày 4-11-1932 là ngày 7-10 âm lịch, năm Nhâm-Thân, tháng Tân-hợi, ngày Kỷ-Tỵ.

★ **Ông Võ Tính — đường Triệu-Nữ-Vương — Đà-Nẵng**

Ngày 24-6 âm lịch năm Đinh Sửu = Samedi 31-7-1937

★ **Ông Đỗ-quang-Nguyên — k.b.c : 4.666.**

Ngày 20-11-1955 là ngày 7-10 âm lịch năm Ất Mùi, tháng Đinh-hợi, ngày Ất Dậu.

★ **Ông Huyền-Lưu — Thành Nội — Huế**

— 16-8 âm lịch năm Kỷ Mão = Jeudi 28-9-1939

— 15-5-1937 là ngày 6-4 âm lịch năm Đinh Sửu, tháng Ất Tỵ, ngày Nhâm Dần.

— 21-10 năm Nhâm Ngọ = Samedi 28-11-1942.

★ **Ông Lê-phước-Xá — k.b.c : 3197**

Ngày 10-10-1932 là ngày Giáp Thìn, tháng Canh Tuất, năm Nhâm Thân, 2 giờ sáng tức giờ Sửu.

★ **Bạn Nguyễn-tôn-Quang — Huế**

1) Mồng 6 tháng 1 âm lịch năm Mậu-dần : thứ bảy 5-2-1938

2) 25-10 âm lịch năm Giáp Tuất ; thứ bảy 1-12-1934 ;

3) D. L. 4-12-1934 tức âm lịch ngày Kỷ-dậu, tháng Ất-hợi, năm Giáp-Tuất.

★ KIẾP TRƯỚC MƠ MÀNG CON ĐI ĐẠM
Của Bạn VÔ-DANH, BLAO

Tôi xin đổi câu đối của ông Richardson trong «*Phổ-Thông*» số 32.

Ra = Thời thế thời, thế thế thời, thời thế thế, thời thời thế thế.

Đổi = Thế thời thế, thời thời thế, thế thời thời, thế thế thời thời.

Và tiếp đây chúng tôi xin nói về bài Kiều trong tờ *Phổ-Thông* số 31

NƠ NƯỚC MƠ MÀNG CON ĐI ĐẠM

Theo tôi biết thì câu chuyện xảy ra như sau :

Cụ Từ-Đạm làm Tuần-Phủ Ninh-Bình, nghe đồn là một vị quan tham nhũng hay vì cụ thế nào, chúng tôi không rõ, chỉ biết khi cụ làm Tuần-phủ Ninh-Bình giữa năm bọn thực dân Pháp đàn-áp Cách-mạng Đông-du, Cụ Từ Với họ gì tôi không rõ, chỉ biết là con Cụ Cử Trường Tiên Tiên và là con thứ tư, nên gọi là Từ-Với, để nhị trường khoa nhâm tý, cụ theo phái Đông-du làm kinh-tài, một sáng về mùa xuân cụ mang tiền đi nộp từ làng Cụ đến Bình-Điện gần tỉnh lỵ Ninh-Bình thì bị bọn mật thám Pháp bắt giải cụ về Dinh tuần phủ, Cụ bị tạm giữ lại tư dinh để điều tra và đợi ngày ra tòa lãnh án, Cụ hay Kiều, một đêm buồn bã cụ đang ngâm vịnh Kiều thì gặp lúc Cụ Từ Đạm dạo chơi, cụ Từ Đạm bảo cụ Vịnh một bài Kiều, nếu hay thì sẽ thưởng và xin cho về. Cụ bèn làm ngay.

Nhưng câu thứ năm trong bài thơ Vịnh Kiều là :

Kiếp trước mơ màng con đi Đạm

đối với câu thứ sáu trong bài.

Duyên sau gặp gỡ bỏ cụ Từ.

Nhờ bài thơ đó Cụ Từ-Với được Cụ Từ-Đạm, can thiệp với bọn thực-dân Pháp trả lại tự-do và còn được Cụ Từ-Đạm cho tiền thế là Cụ Từ-Với lại tiếp tục hoạt động cho đến một thời gian khá dài con cháu Cụ Từ-Đạm là ông Từ-Bộ-Thực lại về trọng nhậm chức Tuần-Phủ Ninh-Bình, để trả ơn Cụ lại sửa lại câu thứ năm :

Nợ nước mơ màng con đi Đạm.

Theo tôi thì Cụ Từ-Đạm cũng có một ơn nào đối với một số ít người trong phái Đông-Du.

GÓP Ý VỀ VỤ VIỆT CỘNG BẦU

LẠI « QUỐC HỘI » MIỀN BẮC

Vào ngày 8-5-1960, Việt Cộng rêu rao bầu

lại « Quốc-Hội »

Đây là 1 trò lừa bịp của V.C. để che dấu thất bại của chúng trong việc phải tổ chức bầu cử riêng lẻ, trong âm mưu « đấu tranh đòi hiệp thương tổng tuyển cử theo hiệp định Genève ». Không có 1 lý do gì vững chắc để « lưu nhiệm », một « đại biểu » nhất là đại biểu này không được dân bầu. « Đại biểu », đã mãn nhiệm kỳ hàng chục năm còn được coi là đại biểu nữa sao, và đại biểu cho ai ? So sánh cuộc bầu cử ở Việt-Nam Cộng-hòa với trò hề bịp bợm « lưu nhiệm các đại biểu » này của V.C., ta thấy rõ việc bầu cử ở vùng Việt-cộng đầy rẫy những mưu mô xảo quyệt, những trò bịp bợm gian lận.

Từ trước đến nay, Việt-Cộng vẫn nguy-biện rằng chúng không bầu lại cái « Quốc-Hội » miền Bắc, vì chúng trung thành với hiệp-định Genève, nên chúng đợi Tổng tuyển cử theo hiệp-định Genève, nhưng ngày nay chúng phải bầu cử « Quốc-hội » miền Bắc chứng tỏ chúng đã thất bại trong cuộc « đấu tranh đòi hiệp thương tổng tuyển cử theo hiệp-định « Genève » và thú nhận hiệp định Genève đã mất giá trị.

Việt cộng cố tình duy trì tại miền Bắc một chế độ độc tài, phi dân chủ, phản tự-do. « Quốc-Hội » của Việt-Cộng là 1 thứ « Quốc-Hội » bù nhìn, bầu gian lận từ năm 1946, đã hết nhiệm kỳ từ hơn 10-năm nay mà vẫn không được bầu lại.

Ngoài Quốc hội, các dân biểu không được quyền bất khả xâm phạm để làm nhiệm vụ Đại biểu nhân dân. Việt cộng đã từng bắt giam chém giết rất nhiều Đại biểu Quốc hội của chúng, như các ông Nguyễn hữu Ngọc, Hoà thượng Thích Mật thế, Tinh Hoa, Nguyễn hữu Thung, Đặng văn Hương v.v...

Như vậy, bầu cử Quốc hội để làm gì ?

Ta thấy rõ Quốc hội tại các nước Cộng sản chỉ là 1 tổ chức bù nhìn không có quyền hạn gì cả chỉ có nhiệm vụ thông qua các quyết nghị của Đảng Cộng sản.

Đây là 1 chứng cứ cụ thể tỏ rõ V.C đã trắng trợn vi phạm hiệp định Genève mà chúng vẫn hằng rêu rao tuyên truyền, Hiệp định này, chỉ cho phép V.C. tạm thời quản trị miền Bắc, thế mà chúng dám giở trò « lưu nhiệm các đại biểu miền Nam ». V.C. đã trắng trợn vi phạm hiệp định Genève bằng cách xen vào nội bộ miền Nam.